

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

## BÀN VỀ DANH-DỰ

Danh - dự giả với danh - dự thật

« Người ta ở đời nào cũng hay có thói trách đời, bao giờ cũng thế, thành ra những lời trách ấy không biết đời nào là phải, đời nào là sai; tôi đây không dám có ý theo thói người ta mà cũng làm văn trách đời. Tôi thiết-tưởng ở trên đời này cái tổng-số sự hay sự dở bao giờ cũng quân-bình như nhau; song cũng có lẽ qua thời nọ sang thời kia, nước này sang nước khác, hai bên hoặc có chênh nhau ít nhiều, thành ra có khi thịnh về đường này mà suy về đường khác. Như thời-dại ta đây, tôi xét ra cái lòng danh-dự có ý suy-sút lắm lắm. . . » (1)

Đó là lời nói của một người làm sách ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 18, bình-phẩm về phong-tục đời mình. Tôi thuật lại lời ấy trên đầu bài này, là thấy nó thích-hợp với cái chủ-ý tôi lập-luận vậy. Tôi cũng như nhà làm sách kia, không dám làm mặt tru-thời tạt-tục, mà cả tiếng trách đời, vì tôi cũng thiết-nghĩ rằng cái số kẻ hay người dở ở trên mặt đất này có lẽ bao giờ cũng bấy nhiêu, duy thời-thế thay đổi, phương nọ nước kia, hoặc có chênh nhau mà sai-biệt ít-nhiều vậy. Song xét đến hiện-trạng nước ta bây giờ thời thấy cũng giống như về đời người làm sách nọ, nghĩa là thấy cái lòng danh-dự có ý suy-sút lắm lắm, người nước ta ngày nay hầu như không biết hai chữ Danh-dự là gì.

Nói thế tựa-hồ như nói ngược, vì người mình không thấy bao giờ hiểu-

danh-dự bằng bây giờ. Hiểu-danh-dự cho đến nỗi có người khánh gia-tài để mua lấy một cái tiếng gọi tôn-trọng cho đặc-biệt với kẻ khác. Hiểu-danh-dự cho đến nỗi đánh nhau vỡ đầu, kiện nhau hàng tháng để tranh lấy chỗ chiếu trên hay là miếng phần biểu. Hiểu-danh-dự cho đến nỗi suốt người trong nước chỉ mơ-mộng được cái tiếng ông nọ, bà kia, quan nhỏ, quan lớn, mà người nào mang cái tên không thì cho như xấu-hồ. Hiểu-danh-dự cho đến nỗi có người độc miệng đã nói rằng giống An-Nam là một giống rất dễ khiến, cho nó cái phẩm-hàm hay cái mền-day, một chức quan hay một tiếng gọi, thì bảo sống phải sống, bảo chết phải chết, bảo dâng vợ đợ con, bán nhà bán nước cũng xin vâng.

Như thế thời có lẽ khắp các nước trong thế-giới không nước nào nhiệt-thành sùng-mộ đạo Danh-dự bằng nước ta. Có sao lại nói rằng lòng danh-dự suy-sút?

Có lẽ là bởi hai cái quan-niệm về danh-dự có khác nhau.

Vậy trước hết hãy nên giải nghĩa danh-dự là gì.

Theo các sách luân-lý thì danh-dự là sự tôn-trọng bởi tài-đức mà được. Đối với nghĩa luân-lý rất cao thời chỉ người nào làm người ngay-thắng, được người ta kính-mến mới gọi là có danh-dự, và lòng danh-dự chẳng qua là một

(1) DUCLOS, *Considérations sur les mœurs de ce siècle.*

sự quan-niệm về phẩm-giá con người ta, về nghĩa-vụ làm người vậy. Bởi thế cho nên danh-dự xuất-hiện ra nhiều cách khác nhau, tùy cái nghĩa-vụ của mỗi người : kẻ quân-nhân có cái danh-dự của nhà quân, là « rấn thân cho nước, son-sắt một lòng » ; người đàn bà có cái danh-dự của đàn bà, là giữ toàn giá ngọc, không để bần pha ; người làm nghề có cái danh-dự của nhà nghề, là làm cho thật tốt, vừa ý mới nghe ; v. v.. Nhưng nói rút lại, xét cho cùng, lòng ai chỉ người ấy biết, nên bàn cho xác, danh-dự của ai cũng chỉ người ấy tự biết, người ấy tự chủ. Danh-dự của tôi chỉ tôi tự biết, người ngoài không ai có quyền làm cho tôi mất danh-dự, và cũng không ai có quyền gia-ban danh-dự cho tôi được. Chỉ tôi làm mất được danh-dự của tôi, là khi dụng-tâm làm sự đê-hèn. Chỉ tôi chuộc lại được danh-dự của tôi, là khi ăn-năn sửa lại lỗi cũ. Vậy thời người ngậy-thẳng là cốt nhất ăn-ở thế nào cho tự mình không thẹn với mình ; không thẹn với mình không phải là tự-cao tự-dại một mình ; không thẹn với mình là trong lòng không có giới-dối, tự mình lấy làm bằng lòng ; tự mình đã bằng lòng thời thế-gian mặc kẻ khen chê, có hề gì đến mình ?

Đó là cái quan - niệm cao-thượng thuần-túy về danh-dự.

Song người ta tà một giống ở trong xã-hội, tự mình bằng lòng một mình chưa đủ, còn muốn kẻ khác đẹp lòng với mình nữa, một mình tự trọng mình không thỏa, còn muốn kẻ khác tôn-trọng mình nữa. Bởi đó mà cái nghĩa danh-dự vốn là thuộc về người ta đối với lương-tâm mình, sau biến dần mà thành ra thuộc về người ta đối với xã-hội, nghĩa sau ấy mỗi ngày một thịnh, đến khác hẳn nghĩa trước, rồi đến phản-đối với nghĩa trước. Vì rằng đến khi người ta đã lấy sự tôn-trọng của

kẻ khác làm quý như thế, thời thành ra đặt mình ở dưới quyền du-luận của công-chúng. Sách tây đã gọi du-luận là cái « lương-tâm bề ngoài (*la conscience exterieure*) ; cái lương-tâm bề ngoài ấy mỗi ngày một lần vào cái lương-tâm bề trong, rồi đến chiếm-đoạt hẳn. Một đôi khi cũng là một sự hay : là nếu cái lương-tâm của người ta thả ra một mình còn thấp kém cái du-luận của công-chúng thời du-luận còn có thể nâng đỡ cho được ; bấy giờ thời lòng danh-dự chẳng qua là sợ miệng-tiếng mà thôi, sợ miệng tiếng nhiều khi cũng cầm giữ cho người ta khỏi làm xấu. Nhưng mà phẩm-giá con người mà chỉ bằng ở miệng-tiếng người đời thì tưởng cũng mong-manh lắm ! Vì dẫu lương-tâm người ta có bất-chắc, mà du-luận công-chúng lại còn bất-chắc hơn nữa ; tùy nơi tùy lúc mà khác nhau không thường. Du-luận cũng có « mốt », lúc khuynh-hướng về đường này, lúc ngả theo về đường khác ; lúc thời nghiêm-khắc quá, lúc lại dễ-dãi quá ; lắm lúc yêu-sách người ta nhiều sự quá-đáng. Thành ra cái danh-dự đối với xã-hội khác hẳn cái danh-dự đối với lương-tâm, vì rằng ở ngoài ghép vào, không phải do mình tự-chủ. Cho dẫu vì lòng mình muốn được người ta tôn-trọng, hay là vì lòng mình sợ người ta không tôn-trọng, mà khiến làm ra điều hay điều phải, hợp với nghĩa-vụ phải làm, song vị du-luận mà làm với vị lương-tâm mà làm, hai đường vẫn khác nhau lắm. Và lại chính cái du-luận ấy nữa, mình cũng có thể đánh-lừa nó được ; nó chỉ biết cái bề ngoài, thời nó cũng chỉ cảm cái bề ngoài mà thôi ; cho nên thường bị mắc lừa cái bề ngoài rục - rở. Người có danh-dự đối với xã - hội thường thường là người có cái bề ngoài rục-rở, dễ cảm dễ hoặc công - chúng. Như vậy thời không cần là người có tài-đức gì ; có lẽ người tài - đức lại

không được xã-hội tôn-trọng bằng những người xảo-ngôn lệnh-sắc, hay là những kẻ yêu-hành tầm-thường, vì tài đức vốn cao-xa, không dễ cảm được công-chúng.

Đó là cái nghĩa thông-thường của hai chữ danh-dự, nghĩa này đối với cái nghĩa cao-thượng như trên kia đã giải.

Người nước ta hình như chỉ vụ cái nghĩa thông-thường thiên-cận đó mà thôi, và không hiểu đến cái nghĩa cao-thượng thuần-túy kia. Mà cái chân-danh-dự chính là cái danh-dự thuần-túy, thành ra danh-dự của người mình là giả-danh-dự, danh-dự của người mình là hư-danh hết cả. Nghi-hồ người trong nước, tuy có cái lòng hiếu-danh rất thịnh, mà kỳ-thực không có cái lòng danh-dự chân-chính vậy.

Sự thịnh-suy của một dân một nước, tuy bởi nhiều cơ, nhưng lòng danh-dự bạc-nhược cũng là một cơ rõ-rệt hơn nhất. Lòng danh-dự là cái « đàn-lực » của người ta, nghĩa là cái sức dương mạnh phấn-phát để vượt ra ngoài cái phạm-vi chật-hẹp của đời người, để làm nên những sự-nghiệp to lớn ở đời. Nếu cái sức ấy mà sút kém thì đời người cũng kém mất cái vẻ thanh-cao, kém mất cái giá quý-trọng. Nếu cái sức ấy mà sút kém cả trong một dân một nước, thì là dân ấy nước ấy nhu-nhược yếu-hèn. Nếu cái sức ấy không những sút kém mà lại biến tính đi, không khuynh-hướng về những sự cao-thượng mà lại chuyên-chủ về những sự hão-huyền, không dùng để mở-mang cái nhân-cách cho rộng-rãi cao-xa, làm nên những sự-nghiệp có ích-lợi cho đời, mà chỉ dùng để tranh-dành nhau lấy những cái tiếng nhỏ lợi mọn, huyên-diệu nhau bằng những cái màu-mỡ bề ngoài, thì không những là cái trưng-triệu yếu-hèn mà lại là cái trưng-triệu cuồng-dại nữa.

Nay xét trong xã-hội nước ta đã

thấy những cái trưng-triệu như thế chưa? Nói rằng không thì không đúng, mà nói rằng có thì cũng khi nào quá. Vậy hãy tạm không phán-đoán và thử xét người mình hiểu danh-dự ra thế nào.

Trên kia đã nói danh-dự có hai nghĩa: một nghĩa thuộc về « chủ-quan », một nghĩa thuộc về « khách-quan »; thuộc về « chủ-quan » nghĩa là tự mình đối với lương-tâm mình, thuộc về « khách-quan » nghĩa là đối với dư-luận của xã-hội. Lại nói cái quan-niệm về danh-dự của người mình tựa-hồ như thuộc về « khách-quan » nhiều hơn là thuộc về « chủ-quan ». Lời khái-luận đó, lấy gì làm chứng-nghiệm?

Ai đã biết quan-sát một đôi chút, nhìn ngay chung quanh mình cũng đủ rõ.

Danh-dự của người mình là thế nào? Danh-dự của người mình là được cái tiếng gọi tôn-trọng, được cái huy-chương rực-rỡ, được ngồi chiếu trên ở chỗ hương-thôn, được đứng bậc nhất ở nơi đàn-diêm. Danh-dự của người mình là được gọi cụ bá, ông hàn, quan tham, quan thị; được đeo rìu đỏ, rìu xanh, bùa tua, bùa túi; được đi lại những nơi quyền-quí, được hãnh-diện ở chỗ xóm giềng. Danh-dự của người mình là khéo luồn-lỏi kẻ trên để hống-hách người dưới, dẫu nhọc-nhẫn một cái thân mình mà còn cười cồ được kẻ khác, cũng lấy thế làm vẻ-vang. Lương Khải-Siêu đã ví xã-hội nước Tàu như một cái thang dài vô-số bậc, mỗi bậc một hạng người, người nào cũng đạp đầu vào bậc trên mà đạp chân xuống bậc dưới, hễ còn đạp chân được vào đầu ai là còn có chút danh-dự. Xã-hội nước mình cũng y thế, không khác gì. Thầy lý vào cửa quan thì run như cây sậy, mà về đến dân thì dữ như hổ-lang. Quan nhỏ đối với quan lớn,

quan lớn đối với quan nhỏ cũng vậy. Thậm chí đến cậu « loong-toong », chủ bồi hàng cũng thế ; đứng trước ông « xếp » hay ông chủ thì như mất vía mất hồn, mà đối với người có việc hay khách mua hàng thì bắc bực làm cao, lên mặt « ta là đây tớ ông Tây đây », đó cũng là một sự danh-dự, vì cũng có thể « loè » được kẻ không biết.

Ấy cái danh-dự của người mình là thế ; danh-dự của người mình là một cách huyền-diệu lẫn nhau và tự huyền-diệu mình. Người hèn đến đâu cũng có kẻ hèn hơn mình, hay là tưởng-tượng còn có kẻ kém mình, thành ra bao giờ cũng có thể huyền-diệu được kẻ khác ; nhưng huyền-diệu người mà cũng tự huyền-diệu cả mình, đến mơ-màng tưởng mình đáng danh-dự thật, mà lấy thế làm tự-khoái tự-cao. Suốt cả người trong nước đều huyền-diệu nhau như thế, đều tự mơ-màng như thế, thời nước ấy có khác gì một cái thế-giới mập-mò giả-dối vậy.

Một lũ người « đom-đóm » lập-lòe chấp-chơi ở trong buổi « ná-nhem », khách bi-quan xét hiện-tình xã - hội nước ta, không thể không tưởng-tượng như thế.

Bởi đâu mà sinh-xuất ra cái hiệu-tượng quái-gở ấy ?

Sách Phật dạy rằng muôn sự cường-dại ở đời là do một cái ác-căn mà ra ; cái ác-căn ấy là sự ngu-muội. Nay xét ra cái tính hiếu-hur-danh của người mình, hiếu-hur-danh mà đến mất cả lòng danh-dự, cũng bởi một là ngu, hai là hợm, mà hợm cũng do ngu mà ra. Bởi ngu cho nên người nào cũng chỉ biết cái phạm-vi nhỏ hẹp của mình, trong vòng ấy hễ hơn được ai, thế là đủ danh-dự rồi, không biết rằng ngoài còn chán vạn người hay hơn mình. Bởi ngu cho nên không biết xét người ở cái phẩm-giá mà chỉ xét người ở cái phẩm-trật, không biết xét người ở

cái tư-cách mà chỉ xét người ở cái bề ngoài, tôn nhau, tặng nhau bằng những cái huy-hiệu hảo-huyền để tự-cao tự-dại trong một bọn với nhau. Bởi ngu cho nên lấy cái biểu-hiệu làm sự thực, cho những người có cái biểu-hiệu rực-rỡ mới là những người đáng tôn-trọng, thành ra xô nhau mà mua mà chuốc lấy cái biểu-hiệu ấy cho nhiều, để mong đặc-biệt với kẻ khác. Nhưng đã ngu mà lại hợm, cũng bởi ngu mà thành ra hợm, là không biết tự-lượng, không biết so-sánh với kẻ hơn, chỉ biết nhìn xuống người kém, thấy còn người kém mình là đủ tự-khoái tự-cao, cho mình là cao-sang tôn-trọng rồi. Nhưng đã hợm mà lại hèn, hợm với kẻ dưới mà hèn với người trên, miễn là mình được đạp chân lên đầu kẻ dưới, dẫu phải đạp đầu vào chân người trên cũng cam. Trên dưới, dưới trên, trên cái thang hư-danh, đều là những kẻ đạp người và bị người đạp cả, lòe người và bị người lòe hết ; mau chân thời được trên, chậm cẳng thời phải dưới, trên với dưới, dưới với trên, không biết thế nào là bằng-cứ cả.

Ấy hai chữ danh-dự quý-báu vô-ngần mà hiệu sai đến di-hại như thế. Lòng danh-dự vốn là cái đàn-lực rất mạnh khiến cho người ta tự-phấn tự-cường, mà suy - biến thành cái tính hiếu-hur-danh nhiều khi làm cho người ta đến đê-hạ mà mất cả nhân-cách.

Thế nước đến yếu-hèn, hồn nước đến tiêu-tán, lòng liêm-sĩ ngày một mất, thói du-nịnh ngày một thịnh, sự chân-thật không còn, cái giả-dối đầy khắp, cũng là bởi người mình hiểu lầm hai chữ danh-dự, chỉ biết trọng cái giả-danh-dự làm một món huyền-diệu nhau trong xã - hội, không biết quý cái chân-danh-dự là cái sức cường-cường mãnh-tiến ở đời.

Cho nên muốn cải-lương cái xã-hội hủ-bại này, thời trước hết phải cải-lương tâm-tính người ta, vì người

tốt, xã-hội mới hay được; nhưng muốn cải-lương tâm-tính người ta, thứ nhất là phải trừ-khử cái tính hiếu-hur-danh nó làm hại ta đã nhiều lắm. Muốn trừ-khử cái tính hiếu-hur-danh, phải đề-xương cái lòng chân-danh-dự. Cho nên nói rằng muốn chiêu-hồn Nam-Việt, phải xướng đạo Danh-dự.

Thế nào gọi là đạo Danh-dự?

Danh-dự là vị thần rất cao ở đời này, người ta dấu theo đạo nào cũng có thể thờ được. Đạo Danh-dự không trái với đạo nào, mà hợp với cả các đạo khác. Ở nước ta bây giờ, duy có đạo này là cái thuốc chữa hồn cho người Nam-Việt. Không phải rằng người nước Nam xưa kia không từng biết đạo này; thử mở quốc-sử mà đọc sự-trạng những bậc anh-hùng, nghĩa-sĩ, liệt-nữ, tiết-phụ đời xưa, tức là các bậc thánh của đạo này đó, tức là những người đã đem thân hi-sinh cho thần Danh-dự đó, là những người đã biết lấy « sống đục không bằng chết trong », biết coi danh-dự hơn sinh-mệnh, và nhiều người có thể gọi là những bậc « tử vi đạo » (vi đạo danh-dự) như trong Thiên-chúa-giáo vậy. Nhưng thời-thế suy-vi, nhân-tâm biến-đổi, chính-đạo mỗi ngày một sút, tà-thần mỗi ngày một thịnh, đến ngày nay thời cái ma hư-danh nó đã chiếm mất ngôi của thần Danh-dự vậy.

Vậy bây giờ phải xướng cái chân-giáo và phá sự dị-đoan. Chân-giáo là đạo Danh-dự, dị-đoan là thói hư-danh. Cùng một chữ *danh* mà bên tà bên chính, bên duy-vật, bên duy-tâm, bên khách-quan, bên chủ-quan, bởi không biết phân-biệt cho nên đến di-hại như thế.

Lòng danh-dự là thuộc về chủ-quan, đạo danh-dự là một đạo duy-tâm, trên kia đã giải rõ. Vậy thời muốn tu đạo

trước phải sửa mình, cốt sửa mình cho xứng-đáng, còn cái hư-danh của đời là cái phụ-thuộc ở ngoài, có cũng được, không cũng chẳng hề gì, không phải là sự cốt-yếu mà cần phải tri-tục cho được.

Một ông danh-sĩ nước Pháp (1) đã nói rằng: « Sự danh-dự là cái vẻ thơ của lòng nghĩa-vụ » (*L'honneur est la poésie du devoir*). Câu ấy thật là gồm được hết cái ý-nghĩa thanh-cao của hai chữ danh-dự. Người ta, cho được xứng-đáng cái nhân-cách ở đời, phải biết trọng điều-nghĩa hơn điều-lợi. Thế nào gọi là *nghĩa*? *Nghĩa* là sự gì lương-tâm mình bảo nên làm, dấu không làm cũng được, nhưng làm thời thấy khoan-khoái trong lòng, không thời tựa-hồ như có tổn-hại đến nhân-cách, mà tự mình không lấy làm mẫn-ý. Khi làm việc nghĩa-vụ mà thấy trong lòng được vui-vẻ phấn-phát, thấy được khoan-khoái mẫn-ý như thế, tức là có cái cảm-giác về danh-dự đó. Vậy danh-dự chính là cái bụng bung-khởi về việc nghĩa; hưng-khởi về việc nghĩa là vượt ra ngoài vòng vật giới mà noi lên tới cõi nhân-loại thanh-cao vậy. Lòng danh-dự tức là cái lòng ham muốn những sự cao-xa, là cái khí hao-nhiên nó làm nên những người nghĩa-hiệp vậy.

Người ta ở đời mà không biết trọng điều nghĩa thời không xứng-đáng cái tư-cách làm người. Nhưng điều nghĩa thuần-túy thời cao-nghiêm quá, không dễ cảm được lòng người. Cho nên nhiều khi phải mượn cái vẻ danh-dự để tô-điểm thêm cho nó có thi-vị, có phong-thú hơn. Nhà danh-sĩ Pháp gọi danh-dự là cái vẻ thơ của lòng nghĩa-vụ là nghĩa thế.

Vậy thời muốn cầu danh-dự, trước phải làm nghĩa-vụ, mà làm nghĩa-vụ

(1) Ông ALFRED DE VIGNY.

một cách nhiệt-thành, hăng-hái, sốt-sắng, mạnh-bạo. Nghĩa-vụ đã đầy-dủ thời-danh-dự là cái hoa thơm để thưởng công cho mình vậy. Hoa ấy không cần phải ai cho. Những cái hoa của người đời tặng lẫn nhau phần nhiều là hoa giả hoa mã cả, có sắc đẹp mà không có hương thơm. Phàm của giả là của ôi, của người đời là của mua được, đã là của mua được thì không còn có quý-giá gì nữa, vì cái giá-trị của nó chẳng qua là cái thời-giá khi cao khi thấp ở trên thị-trường xã-hội mà thôi. Hoa đây là cái hoa vô-hình của lương-tâm mình ban cho mình, nó mọc ở trong tâm-trí người, như hoa lan mọc trong u-cốc, mà nó có cái hương-vị thâm-trầm.

Hoặc-giả nói: Nếu danh-dự mà không biểu-lộ ra ngoài, không lưu-truyền trong xã-hội thì sao gọi là danh-dự được? *Danh* là tiếng, *dự* là khen, có danh-dự là có tiếng tốt, được người khen; nếu không thời-ai còn cầu danh-dự làm gì?

Như trên đầu bài đã giải rõ, có hai thứ danh-dự. Cái danh-dự bề ngoài chỉ ở tiếng khen của người đời, thời chỉ bằng ở dư-luận, mà dư-luận không phải là thánh-thần không sai-lầm bao giờ, dư-luận lại thường hay để hoặc, thành ra những kẻ yếu-hạnh chỉ vụ khéo đánh lừa dư-luận mà mua - chuộc lấy cái tiếng hảo-huyền. Nếu cái phẩm-giá con người mà chỉ bằng ở tiếng khen chê của người đời nông-nổi, thời chẳng là nguy-hiềm lắm dư? Cho nên cái danh-dự bề ngoài đó là giả-danh-dự; cái danh-dự bề ngoài đó là một thứ hoa giấy hoa mã để lèo con mắt ngư-nghech của kẻ què-mùa khờ-dại mà thôi. Chân-danh-dự là tự cái nhân-cách cao-thượng mà ra, như cái hoa thơm dầu không phò bày nơi đàn-diêm mà cái thanh-hương vẫn đưa khắp mọi nơi. Chỉ lo không phải là thật giống hoa thơm, không phải là giống lan huệ, mà chỉ là húng

tía-tó mà thôi; nếu quả là lan huệ thì lo gì thiên-hạ không biết đến hương thơm? Cbi hiềm vì ở giữa buổi thanh-hoàng này, lan huệ thời ít mà húng tia-tó thật nhiều, cho nên cái quan-niệm về danh-dự bị điên-đảo hết cả.

Bây giờ cái nghĩa-vụ của quốc-dân là phải cải-chính lại cái nghĩa danh-dự đó, lấy cái chân-danh-dự mà thế vào cái giả-danh-dự, lấy lòng nghĩa-vụ mà thay vào tinh hiếu - danh vậy. Lắm người cũng như làm thân cái hoa, ai cũng muốn có tiếng thơm để lại trên đời. Nhưng mà hương thơm ấy không phải ai cho mình được; hương thơm ấy là tự ở mình, ở cái tài-năng, trí-thức, ở cái nhân-cách thanh-cao của mình vậy.

Cái thông-bệnh trong xã-hội ta bây giờ là tinh hiếu-hur-danh, cũng là vì hiếu lắm hai chữ danh-dự. Vậy muốn cải-lương xã-hội về đường tinh-thần, không gì cần bằng phát-minh cái nghĩa chân-chính của chữ danh-dự; không gì cấp bằng đề-xướng cái đạo chân-danh-dự vậy. Đạo ấy tuy suy-diễn ra vô-cùng, mà có thể gồm lại một cái tôn-chỉ như sau này:

*Phàm tư-tướng hành-vi, phải tránh cho xa những sự dè-liện, những cái gì có thể làm giảm mất cái phẩm-giá con người; phàm ăn ở trên đời, xử-thân tiếp-vật, cố giữ cho trước là khỏi hổ thẹn với lương-tâm mình, sau là khỏi dễ xấu cho nòi giống mình; rồi nhiên-hậu, nếu có chút tài-năng tư-cách gì, nên đem ra mà giúp-dập cho nước, nước được thanh-thời, ấy là mình được danh-tự đó. Nhưng mà không cứ người tài-năng, dầu người tâm-thường cũng có thể theo đạo danh-dự được, miễn là trước khi làm việc gì phải tự hỏi mình rằng: «Việc ta làm đây có xứng-dáng không? Có xứng-dáng với cái tư-cách làm người không? Có tổn-hại gì đến cái quốc-thê Việt-Nam không?» Nếu câu hỏi ấy mà không trả lời được quả-quyết phân-minh, hãy còn ngáp-ngưng lúng-túng, thời dầu việc lợi-lộc đến đâu cũng bỏ quách không làm.*

Ấy cái bí-quyết của đạo Danh-dự là thế. Kỳ sau sẽ bàn về đạo ấy ứng-dụng ra thực-tế thế nào.

## QUAN TOÀN-QUYỀN LONG

Đông-dương ta vừa phải một cái tang chung. Quan Toàn-quyền LONG về Pháp tự đầu năm ngoài đề thương-thuyết các việc với bên Bộ, tháng 11 vừa rồi ở Pháp trở lại ta, đi đến giữa đường bị bệnh, phải đỗ ở *Colombo*, đũa hơn một tháng trời ở nơi khách-địa, chợt ngày 15 tháng giêng vừa rồi được tin mất.

Tin ấy truyền sang đây, ai nấy đều ngậm-ngùi, thương tiếc một vị thượng-quan đã cầm quyền chủ-tể xứ này và có công với người dân này, lại xót xa về cái nông-nỗi chết một cách bi-thương như thế. Sau khi đã tru-linh mọi việc bên qui-quốc, vượt bể về đây, rắp đề thi-hành nhiều sự cải-lương ích-lợi cho dân hồn-thỏ, giữa lúc mấy trăm vạn con người đương ngóng trông, thời than ôi ! nửa đường đứt gánh, cái chết oan-nghiệt kia đã đánh ngã quan Toàn - quyền LONG ở nơi khách-địa. Dù số-hệ không thể tránh được, sao không đình lại mấy tuần, cho tàu đáp bến nhà, rồi bấy giờ thuốc-thang không hiệu, năm tận số cùng, nhắm mắt cũng được thỏa lòng mà không để di-hận cho cả một dân không được tang-lễ một cách xứng-đáng để tỏ hết lòng kính-mến tiếc-thương ? Ấy sự tình-cờ có lắm nỗi khát-khe như thế ; cảm-cảnh thay !

Lại nghĩ đến tình-cảnh phu-nhân với các lệnh-ái, khi đi thế nào mà khi trở về cố-quốc rước cái quan-tài đem theo, hai tháng đoạn-trường, ở nơi đất khách ; ái-ngại thay !

Người Việt-Nam ta lấy nghĩa tử là nghĩa trọng. Được tin quan Toàn-quyền LONG tạ-thế ở giữa dọc đường, nơi đất lạ, — tuy đất ấy cũng là đất của một hữu-bang, và lễ tống-táng,

theo như điện-tín đăng trong các báo đã thuật, do Chính-phủ Anh sửa-soạn cũng là chính-tề và trọng-thê lắm, nhưng sao cho bằng ở đất nước mình, — suốt trong dân-gian, dẫu đàn bà con trẻ cũng có lòng cảm-động. Nhưng cớ-nhân ta chẳng dạy rằng người đại-trượng-phu phải chết chỗ sa-trường, không nên chết nơi góc cửa như kẻ tâm-thương ư ? Ông võ-tướng bỏ mình nơi trận-địa, ông văn-quan mắc bệnh khi công-cán, nhà thám-hiêm gặp chết ở những chốn rừng xanh đất đỏ, nhà truyền-đạo bị giết bởi những tay ác-man cường-bạo, đó đều là cái chết của người trượng-phu, không phải là cái chết của bọn sĩ-nữ vậy. Nay quan Toàn-quyền LONG, từ khi ở qui-quốc đã bị bệnh chưa khỏi, mà vì việc công không dám từ-nan, cố vượt bể đề sang làm việc, đến nỗi dọc đường bệnh kịch, phải bỏ mình ở đất nước người, cái chết ấy há chẳng phải là cái chết người trượng-phu ư ?

Dù hồn Ngai yên-tĩnh ở cõi Nát-bàn hay tiêu-dao ở nơi Cực-lạc, quốc-dân ta xin cúi đầu kính vái vong-linh Ngai, và lâu ngày sẽ còn nhớ đến tên Ngai là một bậc thượng-quan đã có công với người Nam-Việt vậy.

Trong ba năm giữ chức Toàn-quyền Đông-dương, ngài đã thi-thố được những công-việc gì có ích lợi cho bản-xứ ? Muốn thuật lại công-nghiệp Ngài cho quốc-dân ta được biết, tưởng không gì bằng lược-dịch bài sự-trạng của quan quyền Toàn-quyền BAUDOIN đọc viếng Ngài ở kỳ thường-ban Hội-đồng Chính-phủ họp ngày thứ sáu 26 tháng giêng sau khi làm lễ độ-vong ở Nhà-thờ chính Hà-nội.

Lịch-sử và sự - trạng quan Toàn-quyền LONG lược-thuật như sau này.

Quan MAURICE LONG sinh ở *Crest*, quận *Drôme* ngày 15 tháng 3 năm 1866.

Ra học *Paris*, đỗ luật - khoa, rồi biên vào sổ thầy-kiện ở tòa Phúc-thẩm thành ấy; từ 1889 đến 1892, làm biên-tập ở báo « *Hình-sự tân-văn* » (*la Presse judiciaire*) chuyên mục thời-sự về chính-trị và văn-chương.

Năm 1892, được bầu làm hội-viên ở hội-đồng quận-hạt quận *Drôme*, bắt đầu vào chính-giới từ bấy giờ. Sau bỏ vào ngạch quan tòa-án, làm phó-biện-lý ở *Digne*, ở *Montpellier*, ở *Lyon*. Rồi từ-chức, lại ra làm thầy-kiện ở *Paris*. Ngày mồng 8 tháng 5 năm 1910 được bầu nghị-viên cho hạt *Die* ở Hạ-Nghị-viện, đứng vào « đảng xã-hội cấp-tiến » (*radical socialiste*). Mới vào Nghị-viện đã được cử vào ban việc ngoại-giao và việc các nước Bảo-hộ cùng các thuộc-địa; từ năm 1914, lại cử vào ban xét sổ dự-toán và ban Hải-lục-quân. Lại được chọn làm ủy-viên làm tờ báo-cáo về hiệp-ước Pháp-Đức ngày 3 tháng 11 năm 1911 thuộc về đất *Congo* và đất *Maroc*, về điều-ước *Maroc* ngày 30 tháng 3 năm 1912; rồi sau lại mấy lần làm ủy-viên xét việc công-thải của xứ *Maroc*.

Ngày mồng 4 tháng 8 năm 1914, tuy đã quá tuổi binh-dịch mà cũng xin tòng-quân, theo bản-đội ra trận-tiền. Đóng giữ các hầm - hố ở gần thành *Soissons*, đến tháng 10 thời bị ngã ngựa đau ở trại *Monthussard*, trên bờ sông *Aisne*, gãy cánh tay và phải đem về chữa ở nhà thương *Paris*.

Quan thầy thuốc xét không thể đi tòng-chinh được nữa, bèn về Nghị-viện. Ngày mồng 5 tháng 8 năm 1915, nhân Nghị-viện thảo-luận cái luật-án về sự mua bán lúa mì và bột mì để cung-cấp lương-thực cho dân, có đọc một

bài diễn-thuyết quan-hệ lắm. Bấy giờ đã dự biết rằng cuộc chiến-tranh rất lâu dài, bèn cảnh-cáo cho Nghị-viện biết không nên lãng-phi lương thực trong nước và mua nhập-cảng nhiều quá, kéo nguy-hiêm về sau; lại trước nhất bèn nên phải tiết-kiệm và hạn-chế lương-thực.

Ngày mồng 7 tháng 3 năm 1917, lại đọc một bài diễn-thuyết nữa ở Nghị-viện về vấn-đề cung-cấp lương-thực, bài diễn-thuyết này có ảnh-hưởng to lắm. Bởi thế nên ngày 13 tháng 9, được cử làm Tổng-trưởng Bộ Cung-cấp lương-thực (*Ministère du Ravitaillement*), giữ chức ấy đến ngày 17 tháng 11.

Nguyên làm phó hội-trưởng « Hội ủy-viên Cộng-hòa-hành-động ở Thuộc-địa » (*Comité d'action républicaine aux Colonies*), khi ông nghị-viên FLANDIN cáo lui thời được cử làm trưởng ban chuyên việc các dân Hồi-giáo trong « Hội ủy-viên Nghị-viện-hành-động ở Ngoại-quốc » (*Comité d'action parlementaire à l'étranger*), lại được cử làm ủy-viên báo-cáo cho Hội-đồng Nghị-hòa thuộc về các vấn-đề can-hệ đến các nước bảo-hộ và các thuộc-địa Pháp ở Á-Đông. Có công nhất là làm ủy-viên báo-cáo cho Hội-đồng xét vấn - đề tỉnh Sơn-đông nước Tàu.

Đã thông-thạo về các việc kinh-tế, việc thuộc-địa, lại tinh-tường về các vấn-đề tài-chính và có cái trí thực-hành, nên Chính-phủ vẫn chú-ý đã lâu, năm 1919 bèn bỏ làm chức Toàn-quyền Đông-dương.

Quan Toàn-quyền LONG có cái quan-niệm cao về chức-trách mình. Phạm thi-thổ điều gì, cũng lấy sự công-ích làm đầu. Gồm được hết cái tư-cách tốt của người nước Pháp: siêng-cần và chất-thực, trong khi trừ-tích các việc vừa biết châm-chước biến-báo mà vừa

biết đồng-sát sự-tinh. Việc gì cũng bình-tĩnh mà xét, không có thiên-kiến, như đứng vào địa-vị khách-quan, đã xét kỹ rồi, cho thế nào là hơn, là phải, là ích-lợi cho toàn-xứ, thời cứ thế mà giải-quyết, không có do-dự. Quyết-đoán mau, có khi tựa-hồ như bao quá, mà kỳ-thực là đã suy-ngĩ kỹ lắm rồi. Đã suy xét đến nơi, định theo cái ý-kiến nào, thời kiên-nghị bất-bat, ai phản-đối tất đem hết sức can-đảm mà chống cự. Một người có tư-cách như thế, chắc là đứng chủ-trương việc gì, được nhiều người thành-tâm giúp việc.

Khi quan Toàn - quyền LONG sang trọng - nhiệm bên Đông-dương, thời giữa hồi chiến-cuộc mới tan, xứ này còn đương chịu cái sóng thừa của sự chiến-tranh. Việc kinh-tế đương qua buổi nguy-cơ ; các công-trình lớn bị đình-dốn cả, muốn làm nốt không có đủ tay chuyên-môn, mà tuyển cho được người cũng khó ; quan-lại thời vì sự ăn uống đắt-đỏ, tình-cảnh cũng có điều khó-khăn. Về đường chính-trị thời tuy không xảy ra sự gì khác thường, nhưng xét trong dân-tình đã thấy có ý phản-nàn rằng những sự cải-cách hứa từ trước chưa thấy thực-hành.

Đối với những vấn-đề từng-tạp như thế, quan Toàn-quyền LONG tỏ ngay ra một tay chính-trị khôn-khéo và một nhà tài-chính khác thường.

Quan-lại các tòa các sở chắc ai nấy vẫn còn nhớ ơn của Ngài. Ngài nhất-luật tăng hết các lương-bổng của quan lại Tây Nam và cải lại quan-chế các ngạch.

Ngài đặt Tư-vấn Nghị-hội Trung-kỳ. Ngài lại làm một sự cải-cách quan-hệ hơn nữa : là sửa lại Hội-dồng Quản-hạt Nam-kỳ cho rộng thêm ra, trong khi về Pháp vừa rồi Ngài đã xin được Chính-phủ bên ấy duyệt-y cái chương-

trình cải-cách và kỷ sắc-lệnh cho thi-hành. Thế-chế của các hội Thương-mại cũng do Ngài sửa đổi nhiều.

Nhưng Ngài có công nhất là cái cách ngài giải-quyết vấn-đề tiền-tệ. Đông-dương vào khoảng cuối năm 1919 đầu năm 1920 đương qua một buổi nguy-cơ về tiền-tệ. Ngài được bổ làm Toàn-quyền giữa tháng chạp năm 1919 ; bấy giờ vừa tiền-tệ, vừa hối-đoái đương giữa lúc nguy-kịch. Bạc đồng mỗi ngày một khan, Chính-phủ phải cho phép nhà Bãng tăng số bạc giấy lên gấp 12 lần số hiện-kim tại-quĩ. Số hiện-kim ấy bấy giờ chỉ có 6 triệu đồng, lo rằng đến vụ xuất-cảng gạo sắp tới không đủ mà cung cho sự giao-dịch.

Đồng-thời giá hối-đoái của đồng bạc ra quan tiền tây lên cao rất dữ.

Bấy giờ chỉ có một cách, là lấy quyền Chính-phủ hạ-lệnh bắt cưỡng-hành bạc giấy. Lại muốn cho giá bạc không lên cao quá nữa thời phải cho các nhà Bãng đủ các phương-tiện để giao-dịch, cho khỏi phải mua bạc nén ở ngoài, thời khỏi làm cho giá bạc tăng. Lại còn ngoài nhà Bãng phát-hành bạc giấy (là Nhà Đông-dương Hối-đoái Ngân-hàng), các nhà Bãng khác, cũng phải cấp cho đủ tiền công để mà giao-dịch. — Các khoản đó, phải ký hợp-dồng với nhà Bãng phát-hành mới điều-đinh được. Hợp-dồng ấy, quan Toàn-quyền ký trước ngày ở Paris đi. Ngay ngày hôm ấy, Ngài điện sang cho chi-điểm nhà Bãng bên này có bao nhiêu tiền vàng nước Mỹ thời mua hết cho Chính-phủ Đông-dương, để Chính-phủ trừ làm dự-khoản phòng sự bất-kỳ trong việc giao-dịch với các nhà Bãng.

Ngày 20 tháng 2 năm 1920, Ngài tới Đông-dương ; đến nơi họp ngay các quan thủ-biến các xứ, các quản-lý các nhà Bãng và các ông quan chuyên-môn để bàn việc. Bấy giờ Ngài đã quyết-định rồi. Thế-tất phải hạ-lệnh cưỡng-hành

bạc giấy, nhưng trong khi thi-hành phải chăm-chước thế nào cho khỏi động lòng ngờ của dân.

Lại trong khi cưỡng-hành thời phải làm thế nào cho giá bạc của Nhà-nước với giá bạc của nhà Bắng ngang nhau và ít ra cũng phải ngang với cái giá đồng bạc hiện ở thị-trường *Londres*, và giá hối-đoái *Paris-Londres*.

Ngày 27 tháng 3, ký nghị-định cưỡng-hành bạc giấy, tờ hợp-đồng ngày 20 tháng 1 với nhà Bắng tức - khắc thi-hành, và hạn số phát-hành bạc giấy của nhà Bắng tiện-thị tăng lên tới 25 triệu.

Những kế-hoạch ấy đã thi-hành rồi, mà giá bạc chưa thấy hạ ngay. Bởi vậy ngày 30 tháng 3, quan Thuộc-địa-bộ *SARRAUT* điện sang cho quan Toàn-quyền nói rằng có một hội thương kia trách Ngài đặt lệnh cưỡng-hành không phải là chủ-ý cho bạc hạ đi và muốn đem việc đó lên cãi ở Nghị-viện.

Quan Toàn-quyền lập-tức trả lời ngay. Ngày 6 tháng 4, Ngài gửi một cái điện về Bộ kể rõ tình-hình việc tiền-tệ và chủ-ý Ngài ký tờ hợp-đồng ngày 20 tháng 1 không phải là muốn cho giá bạc tạm-thời hạ ngay đi đâu, phải để cho nó tự-nhiên theo thời-giá mà sút dần đi. Trong tờ điện đó Ngài biện-bác cứng-lắm và tỏ ra một người vừa có trác-kiến biết sự lợi-hại trước sau, vừa có cái nghị-lực chống-chỏi với những kẻ phản-đối.

Gần đây, kết-toán các khoản giao-dịch của Chính-phủ với nhà Bắng theo như tờ hợp-đồng ngày 20 tháng 1 năm 1920, thời thấy lời cho Chính - phủ được 120 triệu quan. Nhưng mà cái lợi hiển-nhiên đó, tuy to-tát như thế, còn chưa bằng cái lợi vô-hình, bởi đã tránh được cái nguy-cơ về đường kinh-tế, đường chính - trị, đường doanh-nghiệp, v. v.

Xem một việc đó thì biết quan Toàn-

quyền *LONG* đã quả-quyết và cứng-cáp là dường nào. Không những một việc tiền-tệ đó, có nhiều nhà doanh-nghiệp ở bên Pháp có lợi-quyền ở đây không bằng lòng Ngài, cố vận-động cho làm không xong, mà Ngài không chịu nhụt tí nào; đến các việc quan - hệ khác nữa, như việc bãi lệnh cưỡng-hành giấy bạc, việc công-thải 6 triệu đồng, việc giúp nhà Thực-nghiệp-ngân-hàng, Ngài cũng gặp sự phản-đối mà vẫn quả-quyết cứng-cáp, làm cho kỳ được mới nghe. Xem kết-quả các việc đó thời biết rằng Ngài không lằm. Quan Toàn-quyền *LONG* là một người không biết sợ cái trách-nhiệm vậy.

Ngài lại hết sức làm cho xứ này được giàu-có thịnh-vượng. Muốn cho giàu-có thịnh - vượng, thời tài-chính phải cho dư-dự, tiền-tệ phải cho lưu-thông. Bởi thế nên Ngài chủ-ý giải-quyết hai vấn - đề đó trước nhất. Nhưng Ngài cũng không quên những việc nông-công khác. Ngài mở rộng các sở chuyên - môn để kiểm - sát những việc kinh-tế trong xứ. Trong trường doanh-nghiệp, xét ra việc gì không thể đứng được, sớm trưa tất phải hỏng, thời Ngài không chịu đem tiền công-quĩ mà trợ-cấp; nhưng xét ra việc gì chắc-chắn, hoặc có gặp sự khó-khẩn nhất-thời, thời Ngài sẵn lòng giúp cho qua khỏi. Như có một độ, những quặng kẽm khai ở mỏ lên, cứ chất đống lại ở Hải-phòng không xuất-cảng ra ngoài được, làm cho các công-ti khai mỏ bị nguy, Ngài lập-tức ký nghị-định ngày 30 tháng 4 năm 1920, trừ một khoản 60 vạn đồng để thưởng cho những nhà xuất-cảng và trợ-cấp cho các mỏ *wolfran*. Lại nghị-định ngày 9 tháng 11 năm 1920, trừ một khoản 45 vạn đồng để giúp cho các nhà xuất-cảng cao-xu, và năm 1922 trừ một khoản nữa 20 vạn đồng để giúp cho các nhà trồng cao-xu tự trước năm 1920. Năm 1921, giúp 4 vạn 6 nghìn đồng cho các

nhà trồng cà-phê. Những tiền trợ-cấp ấy không phải phí di đầu, vì nhờ đấy mà ngày nay công việc trong các mỏ không phải đình-đốn, các sở cà-phê được thịnh-vượng, và giá cao-xu đã được cao hơn trước.

Quan Toàn - quyền LONG không những giúp cho các công-nghệ đã có rồi, mà lại muốn giúp cho mỏ thêm công-nghệ mới. Ngài nói rằng Ngài sẵn lòng giúp cho một công-ti nào lập lên để khai mỏ kẽm và chế kẽm, hoặc giúp bằng tiền trợ-cấp cho công-ti thành-lập, hoặc theo như cách đã làm ở bên Maroc, đem tiền của Chính-phủ chung vốn vào công-ti như lập một hội buôn vậy.

Muốn giúp cho nghề mỏ, quan Toàn-quyền LONG lại định cho đào ở phía Bắc trung-châu một con sông để nối Sông-Cầu với Sông-Thương, làm đường vận-tải các khoáng-chất ở vùng Thái-nguyên. Con sông ấy lại vừa được ích-lợi cho nghề nông nữa.

Vả Ngài cũng chú-ý về nghề nông lắm, vì Ngài biết rằng nghề này là nghề căn-bản của xứ này. Nhất-diện truyền cho các sở chuyên-môn phải nghiên-cứu về cách kén chọn hạt giống cho tốt và cho nhất-luật, nhất-diện đốc các việc dẫn-thủy-nhập-diền cho mau xong. Lại hết sức giúp cho các nhà xuất-cảng gạo ở Nam-kỳ biết rõ tình-bình thị-trường gạo ở các nước lân-bang thế nào.

Đại-đề các việc kinh-tế ở bản-xứ, Ngài rất chăm - chút. Như đặt tiền thưởng cho các nhà xuất-cảng lụa mọc dẹt theo kiểu tây, đó là một cách trông-lệ cho nghề tằm-tơ ở Cao-miên. Lại đặt ở Nha-trang một sở « Hải-đề học » (*Station Océanographique*), để nghiên-cứu về các giống ở bề và dạy cho dân bản-xứ nghề đánh cá bề theo lối cách-trị mới.

Đồng-thời, Ngài lại cho làm báo làm sách ở bên Pháp để cổ-động cho những

nhà tư-bản bên ấy biết các sản-vật bên này mà đem tiền sang đây để kinh-doanh các việc. Lại cổ-động cho có nhiều người các nước sang du-lịch bên này để xem các cảnh thiên-nhiên cùng những nơi cổ-tích, cho xứ Đông-dương được thiên-hạ biết nhiều hơn.

Mới đây, Ngài vừa điều-dinh xong để Đông-dương được tự-do lợi-dụng một sở vô-tuyến-diện mạnh nhất trong thế-giới, nhờ đó mà các tin-tức ở đây có thể truyền mau đi khắp mọi nơi được.

Các công-trình lớn để làm cho Đông-dương có đủ dụng-cụ về đường kinh-tế, nhân vì việc chiến-tranh, bị đình-đốn cả. Vậy sau khi chỉnh-đốn lại tài-chính xong thời Ngài nghĩ đến công-chính ngay.

Các quan-viên về ngạch Công-chính trong hồi chiến-tranh bị khuyết nhiều lắm. Năm 1920 và 1921, Ngài cho tuyển bên Pháp lấy các tay kỹ-sư về các môn cho sung-số; gần đây lại đặt ra các đối-ngạch để cho những người bản-xứ đã tốt-nghiệp ở các trường Công-chính bên Tây về được bổ vào các chân đốc-công, lục-lộ-cán-sự và kỹ-sư.

Quan-viên đã đủ rồi, bèn cho làm nốt các đường đạo-lộ cho xong, đặt đường xe-lửa Lang-biang và đốc-suất cho mau các việc dẫn-thủy-nhập-diền. Kết-quả các công-trình ấy là ngày nay một giải quan-lộ từ biên-thùy nước Tàu cho đến giáp-giới nước Xiêm, qua Dalat, có thể đi ô-tô suốt được, chỉ trừ các đường sông chưa có cầu phải qua bằng phà mà thôi. Đường tự Nam-vang (*Pnom-penh*) đến Angkor làm đã mau lắm, ngay năm nay mùa cạn có thể đi ô-tô luôn được, và bắt đầu từ sang năm thời mùa nào đi cũng được.

Ở Bắc-kỳ thời việc trị-thủy sông Nhị-hà và việc dẫn-thủy-nhập-diền cũng tấn-tới lắm; các sông máng phần Vĩnh-yên đã xong, phần Sông-Cầu

đương làm, còn các miền khác thì đương nghiên-cứu cách tưới ruộng bằng ống thụt. Ở Trung-kỳ thời phần tỉnh Thanh-hóa gần xong, rồi đến tỉnh Phú-yên, rồi đến Thừa-thiên và Quảng-ngãi. Việc đào kênh đào ngòi ở Nam-kỳ cũng làm riết lắm.

Đến các đường xe lửa thời Ngài định muốn khuếch-trương cho hơn trước nhiều: định làm cho xong đường Đông-dương-đại-lục (*le Transindochinois*), bắt đầu từ-tỉnh đường Mỹ-tho - Cần-thơ - Bắc-liêu, và đường Sài-gòn - Pnom-penh - Battambang. Nhưng muốn đồng-thời làm cả, thời sợ sở Công-chính không đủ người kham được, Ngài bèn cho phép một hội kỹ-sư riêng sang tận nơi mà nghiên-cứu rồi định cách lĩnh thầu-khoán, do sở Công-chính kiểm-sát. Việc nghiên-cứu ấy hiện đã xong rồi, quan Toàn-quyền LONG định chuyển này sang thời thương-thuyết với hội kỹ-sư về phương-cách thực-hành.

Trong trường hoạt-dộng của toàn-bạt Đông-dương, không có một bộ-phận nào là không do tay Ngài chấn-loát chỉnh-dốn. Ngài không những chuyên-chủ về đường kinh-lẽ mà chăm-chú về đường tinh-thần nữa. Ngài gia công chấn-hưng các bậc học, tổ-chức sở « Học-chính-tổng-cục » cho có đủ thể-lực mà thi-thố, cho kén những thầy giáo giỏi ở bên Tây sang cho các trường trung-học đại-học, đặt thêm hai trường Thương-nghiệp và trường Khoa-học-ứng-dụng, đổi trường Thuộc làm trường kiêm-bị để cho trình-độ học dần-dần giống các trường bên Tây. Ngài lại chú-ý đến việc vệ-sinh các thành-phố lớn và trừ-nghĩ nhiều cách để mở-mang cho các nơi thành-thị được sạch-sẽ.

Các sự-nghiệp của quan Toàn-quyền LONG trong ba năm vừa rồi nhiều lắm, không thể kể cho hết được.

Quan quyền Toàn-quyền BAUDOIN thuật lại sự-trạng của Ngài như thế, có kết mấy câu như sau này, quốc-dân ta chắc ai cũng công-nhận là đích-dáng vậy. Lời kết rằng :

« Trong ba năm công việc cần-lao như thế, quan Toàn-quyền LONG không hề nghĩ đến giữ-gìn sức khỏe. Thật là tận-tâm tận-lực làm nên sự-nghiệp, sự-nghiệp ấy là gây-dựng cho xứ này được giàu-có thịnh-vượng, vừa nổi tiếng cho mẫu-quốc, lại vừa ích-lợi cho người dân bản-xứ được hưởng mọi sự hay lành, vừa về đường tinh-thần, vừa về đường vật-chất.

« Quan LONG đáng được người xứ này nhớ ơn, vì Ngài thật nhiệt-thành săn-sóc đến sự cần-dùng, sự mong-muốn của người dân. Đối với người bản-xứ, Ngài muốn tỏ ra một bậc bảo-hộ công-bằng mà đại-độ, chính-trực mà khoan dung. Người dân cũng hiểu rằng ngài là người sẵn lòng bênh-vực quyền-lợi cho mình. Đối với bọn thượng-lưu học-thức thời Ngài muốn mở rộng đường cho hiệp sức giúp việc với các quan-viên tây, như đặt ra đối-ngách, tức là một cách lợi-dụng cái tài-trí của người bản-xứ về công việc khai-hóa sau này. Đối với kẻ bình-dân thời Ngài cũng có công-đức lắm, vì nhờ Ngài chấn-loát mọi việc mà nhân-dân mỗi ngày một thêm giàu-có.

« Ngài đã là một nhà chính-trị có công-đức cho một dân đương tiến-hóa đến cõi văn-minh, đã là một bậc nhân-vật gồm được hết những cái tính hay nét tốt của giống Pháp ta, lại là một người rất có bụng nhân-từ, thường gia-công cứu-khổ cứu-nạn cho người ta. Biết bao nhiêu người đã nhờ Ngài mà được khỏi khổn-khó, chắc không bao giờ quên được ơn ấy.

« Bởi thế nên cái tang trong suốt cõi Đông-dương bây giờ là một cái tang to lớn vô-cùng. Xứ này mất quan

Toàn-quyền LONG là mất một vị chủ-tề rất đáng kính-yêu, một bậc « công-bộc » rất có công-cán, và một người đã gia-công hết sức làm cho suốt cõi được giàu-có thịnh-vượng.

« Ta lại nghĩ đến tình-cảnh cái gia-đình kia, đương bây giờ đây, đáp tàu để đưa linh-cữu ai về cố-quốc, đặng đặng trong mười mấy ngày, thăm-sầu khôn xiết nỗi, thời ta lại càng buồn rầu biết dường nào ! Thề nào mà không ái-ngại cho phu-nhân với các lệnh-ái ? Thề nào mà không đem hết lòng cùng người chia buồn ? Ta cũng xin ước-ao rằng cái lòng thành - thực cảm-ơn thương-tiếc của cả một phương đối với một vị Phúc-tinh là quan Toàn-quyền LONG rất khả-kính khả-ái của ta, cũng làm cho người bớt cái lòng sầu-thảm của gia-đình Ngài được chút đỉnh vậy ».

Ngày 16 tháng giêng, ở Colombo làm lễ quản-tàng quan Toàn-quyền LONG tại nhà thương tỉnh ấy. Ngày hôm trước, hồi chưa tắt nghỉ thời có tàu Angers ở Pháp sang vừa đỗ bến, trên tàu có một phái-bộ bốn ông nghị-viên (ông OUTREY, ông PRADEAU PERRIER, ông MAITRE và ông VALUDE) sang khảo-sát bên Đông-dương, bốn ông lên thăm Ngài thời Ngài hãy còn tỉnh. Đến chín giờ đêm thời mất. Tàu Angers đình lại bến một ngày cho các hành-khách kịp lên đưa đám. Đi cùng một chuyến tàu ấy, ngoài bốn ông nghị-viên, lại có một người đồng-bang ta là ông NGUYỄN

KHẮC-VỆ, người Nam-kỳ, đỗ tiến-sĩ Luật ở Tây về. Ông NGUYỄN KHẮC-VỆ có đọc một bài viếng thay mặt dân An-Nam. Ông nghị-viên OUTREY thời đọc thay mặt Nghị-viện và quan lãnh-sự Pháp ở Colombo thời đọc thay mặt Chính-phủ Pháp. Các quan văn võ Anh ở Colombo đi đưa đám đông lắm, lại có mấy đội binh người Anh và người Ấn-độ đi hộ-vệ. Chính quan Tổng-dốc Anh ở Colombo thân-hành đến đón linh-cữu trước nhà thờ. Cứ các điện-tín gửi về đây thời tuy ở khách-địa mà đám đưa trọng-thề lắm.

Ở Đông-dương ta thời suốt Nam Bắc, các nhà thờ đều làm lễ độ-vong, và các công - sở cấm cờ đề tang trong hai tuần-lễ. Lá cờ ủ-rũ, tiếng chuông âu-sầu, tiếc người mà lại thêm tiếc rằng vì sự tình-cờ nên xứ này không được chút an-ủi làm tang-lễ một cách xứng-đáng hơn. Phủ Toàn-quyền thời hằng ngày nhận được giấy chia buồn của khắp các quan dân thân-sĩ trong nước, và của cả các Chính-phủ lân-bang nữa (như Tàu, Nhật, Xiêm, Tầu-gia-ba, v. v.).

Ngày thứ sáu 26 tháng giêng, tàu André Lebon ở Á-Đông về Tây, đến Colombo, LONG phu-nhân, hai lệnh-ái và quan Chánh Văn-phòng CHATEL, đã rước linh-cữu xuống tàu để đưa về Pháp.

N.-P.

## MỘT BÀI KỊCH MỚI BẰNG CHỮ PHÁP

Bài kịch mới này là bài « Kha-luân-bố Vỗ-sĩ » (*le Chevalier de Colomb*), kịch bằng thơ có ba hồi của ông FRANÇOIS PORCBE diễn ở nhà « Đại-Pháp Hi-trường » (*Comédie française*) ở Paris ngày 26 tháng 10 năm 1922. Bài này có thể đặt tên là « Chi-khi trượng-phu » cũng được, vì là tả cái chí-khi cao của một người trượng-phu nước Tây-ban-nha đời xưa đã từng theo ông Kha-luân-bố vượt bể sang Mĩ-châu, cho nên gọi là « Kha-luân-bố Vỗ-sĩ ». Bài này lập-ý cao, biệt ra một lối kịch mới, không giống các bài kịch thường diễn ở các rạp hát Paris, cho nên các nhà bình-phẩm tây có ý hoan-nghenh lắm.

Văn-chương nước ta bây giờ đương buổi mới gây-dựng, cần phải lấy những cái mẫu đẹp của nước Pháp mà bắt chước. Những mẫu ấy không thiếu gì, nhưng phải biết khéo kén chọn mới được. Xét ra phần nhiều những mẫu mà ta có thể theo được là những mẫu đời xưa cả, nhất là về thập-thất thập-bát thế-kỷ. Đến cận-đại và đương-thời thời tinh-thần của văn-chương Pháp biến-đổi đi, phiền-phức ra, chưa hợp với trình-độ của ta ngày nay. Nhất là về diễn-kịch. Tôi thường đọc các kịch-bản mới bằng chữ Pháp nhiều; hồi ở bên Pháp tôi cũng từng đi xem diễn-kịch mấy lần, có ý khảo-sát xem có điều gì ta bắt-chước được để cải-lương nghề diễn-kịch của ta. Tôi nhận ra phàm những bài đặc-danh nhất, thiên-hạ ưa đến xem đông, nhà hát thu nhiều tiền nhất, như những bài của các bậc danh-sĩ thời nay như ông BERNSTEIN, ông BATAILLE, ông TRISTAN BERNARD, v. v., là những bài « lối-tân » quá, cách xa với cái tinh-thần tri-ti-ức

của ta quá, ta không thể bắt-chước được. Cái đầu-bài độc-nhất-vô-nhị của những bài kịch ấy là một chữ *Tình*, nhưng là một cái tình oái-oăm, cái tình kỳ-dị, cái tình chất-chường, cái tình éo-le, tiếng ta không thể gọi được, lòng ta không thể dung được, nói tóm lại là một cái tình rất không hợp với cái óc còn chất-phác của người Đông-phương ta vậy. Đọc hay là xem diễn những bài kịch ấy, tựa-hồ như các vai trong kịch chỉ cho ở đời có một việc là trọng: là việc nam-nữ mà thôi! Suốt bài kịch, từ đầu đến cuối, chỉ những hôn nhau chùn-chụt, không kể còn nhiều sự khác nữa ám-chỉ mà cũng đủ hiểu, ám-chỉ thế nào cho đủ hiểu! Những cách như thế, có lẽ ở nước văn-minh thời hay lắm, chứ ở nước ta bây giờ (không biết rồi sau thế nào) quyết chưa thể nào dung được. Cho nên có nhiều bài văn-chương hay thật, kết-cấu khéo thật, không phải là không có hứng-vị, nhưng xem rồi biết vậy, lại hơi có ý rùng mình, như người ăn quả chua ghê răng cũng có thú, mà không dám mời người khác ăn cùng, nên không muốn đem bình-luận trong báo và truyền-tụng cho các nhà văn-sĩ ta bắt-chước, sợ bắt-chước vụng thời nguy to! Kịch-bản như thế, tiểu-thuyết đại-loại cũng thế, mà thi-ca nhiều khi cũng vậy. Nói chung thời phàm văn-chương mô-tả (như tiếng tây gọi là « văn-chương tưởng-tượng » (*œuvres d'imagination*)), đều có một cái vị chua rùng mình như thế cả. Thành ra chỉ có văn-chương nghĩa-lý, văn-chương nghị-luận là ta có thể ra sức học-tập mà thôi. Kể học cho thấu-đáo, tập cho đến nơi, cũng còn nhọc thay!

Bởi các lẽ đó nên tôi là một người

rất ham đọc các văn mới kịch mới xuất - bản bên Pháp, mà nhiều khi muốn cầm bút giới-thiệu cho bà-con, lại dưng bút không dám viết. Trong các kịch-bản mới đọc gần đây, có bài « Kha-luân-bổ Võ - sĩ » này là có ý xuất-sáo, nghĩa là ra ngoài cái đầu bài, cái lẽ-lối thường một chút, và lại có ngụ một cái ý-nghĩa sâu-xa, vậy nên muốn đem ra bình-luận mấy lời để các độc-giả đồng-lâm.

Kịch viết bằng lời thơ, theo lối các danh-sĩ về thế-kỷ thứ 17, như CORNEILLE, RACINE, v. v. Nhà bình-phẩm khen là giọng thơ hay lắm : bình-dị mà chái-chuốt, tao-nhã mà hùng-hồn; ta cũng biết vậy, không dám lạm-bình, vì người một nước, không thể nào thấu-hiểu được cái tinh-vi câu thơ câu văn bằng tiếng nước khác. Người Tây giỏi tiếng An-Nam đến đâu cũng không hiểu được hết ý-từ một câu ca-dao của ta. Người mình cũng vậy, có đâu dám tự-phụ thấu được hết cái tinh-thần của tiếng người ta, nhất là về lối thi-ca ? Trừ khi hóa óc mình ra óc người, họa may mới có thể được ; nhưng cũng chửa chắc, còn sợ hóa dở-dang, óc mình không còn nữa mà óc người chưa thành hẳn, ấy mới nguy ! Cái nguy ấy là cái nguy chung của con nhà tây-học sai đường ở nước ta vậy.

Vậy không bàn về văn-chương vở kịch mới, mà chỉ xét về truyện trong kịch kết-cấu thế nào, vì truyện là truyện đặt ra, chắc ai cũng hiểu.

Trong trại Nga-tô-vi-la ở xứ Yết-ta-ma-dô, nước Tây-ban-nhan, giữa ngày lễ Sinh-nhật Chúa năm 1500. Trại này là của Đông-Vĩnh-san, hào-trưởng xứ ấy, người có chí-khí khác thường, đã từng theo ông Kha-luân-bổ vượt bể tìm châu-Mĩ, rồi phiêu-lưu ngoài bể trong mười mấy năm, bấy giờ mới về nhà. Khi đi tuổi còn trai trẻ, cha mẹ hãy còn, khi về đầu đã hoa dâm, song-

thân mất cả, theo quyền con trưởng thời gia-tài ấy phải về ông. Ông có một người em gái tên là Đô-na Giu-gia-pha, lấy chồng người đồng-quận tên là A-long-sô, trong khi ông vắng nhà, đã tưởng rằng chết rồi, hai vợ chồng em dưng quản-lý vườn trại, coi như kỹ-vật. Chợt ông về, vợ chồng tuy ngoài mặt mừng mà trong lòng lo, có ý sợ ông đòi của, không nói ra nhưng nóng muốn biết ông định ở nhà hay còn đi nữa. Ông về đã tám ngày, tình-ý biết cả, cũng lấy làm buồn, song buồn về sự ấy ít mà buồn nhiều về cái cảnh quê-mùa cô-lậu, lòng người hẹp-hòi, nên trong chí chỉ giục-giã những sự hồ-hải tang-bồng. Ý ông đã rắp rồi : chuyển này về là định phát-mãi cả gia-tài rùng-ruộng, trừ một phần để cho em, còn lấy tiền đóng chiếc tàu lớn để theo ông Kha-luân-bổ sang Mĩ-châu lần nữa. Một người có cái chí to-tát như ông, không thể khu-khu ở chỗ xó nhà quê được. Vậy nhân ngày lễ Sinh-nhật Chúa, trong nhà đặt cỗ-bàn để mời bà-con họ-hàng đến mừng ông. Khách toàn là những hào-mục trong xứ cả. Khi chuyện-trò, đã lộ cái tính sung-khắc hai anh em rẻ ; ông là người đi bề, người em rẻ là chân làm ruộng, mỗi người quan - niệm sự đời ra một phương-diện khác, nhân đó tính-tình cũng khác, ông thời ham muốn những sự xa-xôi, người kia thời thiết - tha những điều cận-lợi. Cái kịch sẽ xảy ra trong hai người đó. Đương bữa ăn ông thuật chuyện ông Kha-luân-bổ đi thám-hiềm Mĩ-châu gian-nan biết thế nào, vậy mà một người có công với nước như thế, ngày nay đương năm trợ dợi chờ, ăn bữa hôm lo bữa mai. Kể tốt bụng phải đem tâm mà giùm-giúp, không phải giúp bữa cơm manh áo, mà giúp cho đóng nổi chiếc tàu để lại đi tráng-du một lần nữa. Cũ-tọa đều cảm-dộng, kể quyền bạc, người quyền vàng, có vị phu-nhân cho cả cái mặt kim-cương.

Duy vợ chồng A-long-sô không cho gì, nói rằng đóng tàu không bằng xây nhà, có tiền hăng sửa lấy bức tường vườn kia đương đồ-nát, còn hơn là lo những sự viên-vòng. Bấy giờ ông mới tỏ ý cho cả nhà biết rằng ông định trong mấy tháng sẽ theo ông Kha - luân-bổ đi viễn-du một lần nữa. Vợ chồng A-long-sô trong bụng mừng thầm, liền đòi mặt ngay, cũng xin quyền ít nhiều để giúp vào công việc lớn, và xui cô em gái tên là Bích - lịch đem cúng chuôi hạt trai đeo cổ. Đông-Vĩnh-san bấy giờ mới khải-niên nói rằng: «Đóng một chiếc tàu, công của không ít. Những tiền cúng đây, là tỏ cái hăng-tâm của chư-vị, chưa phải số hăng-sản đủ dùng. Còn thiếu bao nhiêu, tôi xin xuất hết. Tiện đây tôi cũng muốn tính-toán công việc cho xong cả, trước khi đi xa. Nào ruộng, nào rừng, nào cừu, nào gỗ quanh đây là của tôi cả, ai mua tôi bán hết, bán lấy tiền đóng tàu theo tướng-quân (là Kha-luân-bổ). Nào ai mua định giá bao nhiêu, tôi bán rẻ!» Nghe mấy câu đó, vợ chồng A-long-sô chết ngất đi, và cử-tọa đều kinh - ngạc, ai cũng cho ông này là cuồng, cơ-nghiệp của ông cha như thế mà nhất-đán đem bán đấu-giá. Bấy giờ thành một sự chiến-đấu trong hai cái tư-tướng: tư-tướng giữ-gìn của tổ-nghiệp, yêu-mến chốn quê-hương, với tư-tướng mạo-hiêm vượt bễ khơi, xông - pha lập công lớn, tức một bên là lòng bảo-thủ với một bên là lòng tiến - thủ vậy. Lòng tiến-thủ hăng-hái tựa-hồ như át được lòng bảo-thủ, nhưng lòng bảo-thủ đã có một cách rất diệu để ngăn-cầm lại. Trong muôn kể đề mắc người ta, đời nào nước nào cũng vậy, duy có kể, liên-hoàn, là diệu hơn nhất. A-long-sô vốn là một bác nhà quê da-muru, nghĩ ngay đến kể ấy. Vốn có cô em gái là Bích-lịch, như trên kia đã nói, cô lại là người nhu-thuận và nhan-sắc dễ coi. Thường nhận từ

ngày Đông-Vĩnh-san về, xem ra cũng có ý cảm cái tư-sắc của cô. Cô ngoài hai mươi tuổi, ông ngoài bốn mươi, kề thời cũng không phải là xứng đôi thật, nhưng cái gia-tài kia là trọng, nếu để ông đi thời ông bán hết, vì giữ được ông ở lại, mà giữ bằng một cách thần-diệu như thế, thời bao nhiêu rừng ruộng đâu không phải của mình, song vẫn ở trong tay mình như trước. Nghĩ đã đắc - sách, bèn ngỏ lời với Đông-Vĩnh-san. Gãi phải chỗ ngứa, trượng-phu cũng phải siêu lòng. Cho hay cò-lai mặt sắt vẫn phải gãy vì tinh là nghĩa thế. Còn về phần cô-nàng thời lòng cũng phân-vân, nhưng anh chị có ý ép-uồng, cũng phải nghe lời, không biết nói sao.

Đôi vợ chồng mới ăn ở với nhau được hơn một năm, hương-lửa nồng-nàn, trượng-phu đã quên chí tứ-phương. Vợ-chồng A-long-sô thời thế là đắc-chí rồi, vì Đông-Vĩnh-san không hề trông nom gì đến ruộng đất, nhất-thiết phó mặc cho em rề cả. Song cái cuộc đoàn-viên kia tựa-hồ như viên-mãn-lắm mà kỳ-thực không khỏi mong-manh. Chồng già vợ trẻ, không phải là cái chân-lạc-thú gia-đình. Trượng-phu nóm-náu, cũng chỉ là cái cảnh tạm-thời một lúc. Hai cảnh đó, đều là cảnh ngược, không phải cảnh thuận. Ngược thời không bền được, sớm trưa tất có ngày quyết-liệt. Số là trong một năm ăn-ở với nhau, ông có yêu cô, mà cô tựa-hồ như không có tình với ông, vẫn kính vẫn phục ông là người chí-khí khác thường, nhưng không tỏ ra chút gì là sự âu-yếm vợ chồng. Gái hai-mươi, trai bốn - mươi thời tưởng sự âu-yếm ấy cũng khó thật; nhưng giá vào vợ chồng Đông-phương ta thời thế nào cũng được, nấn-ná năm nọ sang năm kia, rồi đàn-bà chóng già hơn đàn ông, có một ngày cùng nhau lão cả, thế là xong! Nhưng người Tây-phương không có

luộm-thuộm như thế. Nàng Bích-lich càng ngày càng đăm buồn, như người phải bệnh u-sầu ; Đông-Vĩnh-san thấy vợ không có tình với mình cũng phát-phiền, biết rằng cuộc này là cuộc nhân - duyên cưỡng - ép, không thể vương-tròn được. Chợt đấy xảy ra một sự, như cái tàn lửa vào mớ rơm khô. Triều-đình có sai một viên quan võ về quận tuyển lính, là một viên quan ba tên là Ngung-tát-lô, người còn trẻ tuổi lắm, cũng là người đồng-quận đi tòng-quân bên Ý-đại-lợi đã lâu năm mới về. Viên quan ba ấy té ra lại là người tình-nhân cũ của nàng Bích-lich thừa xưa, hồi còn nhỏ hai nhà đã gắn-bó với nhau, rồi sau chàng đi theo quân lâu không về, bên này cũng lấy chồng, thành ra bấy lâu không nhìn nhau nữa. Nhưng lòng nàng vẫn ngày đêm tưởng nhớ không khuây, ông dò ra cũng biết rõ căn-nguyên sự buồn-rầu của nàng là ở đó : nàng chính là đau bệnh tương-tư người tình-nhân cũ. Ông muốn thử, giả nói chuyện chàng bị chết trận ở xa, thời quả-nhiên thấy nàng nức-nở khóc, thú thật đầu đuôi cho ông nghe. Bấy giờ ông mới nói thật cho biết chàng hiện làm quan ba, nay mai sắp đến quận tuyển lính, và ông là chủ trại thế nào chàng cũng phải vào chào hỏi. Ông lại bắt rằng ngày mai khi chàng vào chào nàng cũng phải ra tiếp. Nàng bấy giờ đau-dớn và khó nghĩ thay ! Ý ông là muốn hễ khi gặp mặt, hai người lộ-tình với nhau, thời ông lấy đó làm cớ để khêu chiến với chàng mà định giết chàng, vì đời bấy giờ cái tục danh-dự-quyết - đấu đương thịnh. Nhưng hôm sau tiếp quan ba Ngung-tát-lô thời thấy người đáng trang võ - sĩ, cũng có khí-khái anh-hùng lắm ; ông quên cả bụng ghen-gét và lại có ý trọng-phục ; quan ba cũng biết tiếng trọng-phu mà tỏ lòng ham - mộ. Hai người đối-đáp nhau

trong một kịch sau cùng, lời-lẽ rất là cao - thượng, coi nhau như anh-em một nghề, cùng nghề võ - sĩ là nghề danh-dự nhất ở đời, chỉ khác một bên là bộ, một bên là thủy, một bên treo đeo lặn suối, một bên vượt bể xa khơi, hai bên cũng mạo-hiêm như nhau cả, mà ở đời duy có mạo-hiêm mới đáng sống. Ông biết rằng cuộc đời của ông phải ở trên mặt sóng, không phải ở trong xó nhà, và một năm nay ông nấn-ná ở chốn quê-mùa này, cố yêu gương giấu nài, để gây lấy một cái tình - duyên bờ - hững, chỉ đủ làm khổ người cực mình, mà phụ mất cái chí bấy lâu. Ông bèn định giấu người nhà, đi vượt bể chuyển này không bao giờ về nữa. Chúc-thư đã viết sẵn, định đi được ít lâu cho tên thủy-thủ đem về báo cho người nhà biết ông đã đắm tàu chết rồi, cho ở nhà liệu xử-sự thế nào mặc lòng. Sáng sớm bỏ nhà ra đi, chỉ gọi thằng bé cháu mười-bốn tuổi nói cho biết, thằng bé này nhỏ mà cũng đã có khí-khái, biết hiểu và cảm cái chí lớn của bác. Một đoạn hai bác cháu từ-biệt nhau, thật là lời-lẽ cao-thượng vô-cùng. Cháu hỏi bác: « Bác đi chuyển này bao giờ về ? » Bác trả lời :

« Người ta đi bể, còn biết bao giờ về, hỏi con ? Con đừng khóc, con ơi, con nghe bác bảo. Dù con không bao giờ trông thấy bác nữa, con cũng chớ nên đi sai đường. Con phải biết rằng làm người muốn giữ được cái chí binh-sinh, nhiều khi cũng khó-khăn lắm. Mình mơ mộng một sự to-tát, nhiều khi lại có cái mộng khác nó ngăn - trở. Mình mưu-tính một sự-nghiệp lớn, nhiều khi có những cái ảo-tượng phát-phơ ở đâu nó làm cho mình sai lỡ. Như con đây, tuổi tuy nhỏ mà đã có dạ cả chí cao, chẳng bao lâu con sẽ phải cái ma ái - tình nó bắt - buộc. Nhưng con phải nhớ trong bụng rằng bao giờ cũng phải nhiệt-thành với cái

chí của mình, như ông giáo-sư nhiệt-thành về việc truyền-đạo vậy. Cái thiên-chức của chúng ta không phải là ở yên một chỗ, cái thiên-chức của chúng ta là phải ra đứng đầu tàu giữa khi sóng gió, là phải giương buồm rẽ sóng mà chạy tít cùng xa.

« Con ơi, cái nhà với cái tàu, con phải kén chọn, phải biết cái chí mình thế nào, chí muốn yên-ổn, hay chí muốn mạo-hiêm. Nếu chí muốn kỷ-niệm việc xưa, thương-tiết người cũ, thời ở ngay xó nhà, nằm ngay góc giương. Hay là chí muốn đi men quanh bờ bể, không dám vượt thẳng ra ngoài khơi, hễ gặp khi sóng gió, thời tìm chốn ẩn-thân? Nhưng nếu cái chí còn cao nữa, nếu hằng ngày cố ngóng cho trông thấy vầng đông, mong cho sau này còn hay hơn về trước, nếu ngồi góc nhà mà học những câu sáo cũ lấy làm

nóng ruột sốt lòng, thời phải bỏ cái nhà mà chọn cái tàu, thời phải đi vượt bể như ông Kha-luân. . . »

Ấy bài kịch như thế. Đây là kể qua cho biết truyện, không thể nói được hết những chỗ xếp-đặt khéo, những câu đối-đáp hay. Chủ-não bài kịch này là ở sự phản-đối hai cái tính bảo-thủ và tiến-thủ, mạo-hiêm và cầu-an; phản-đối cái nhà với cái tàu, cái nhà là ba thước đất cạnh gốc cây tre, mà cái tàu là cả thế-giới mệnh-mông ở trước mắt. Ở đời này kẻ chọn cái nhà vẫn nhiều hơn kẻ chọn cái tàu, vì ngồi một xó vẫn yên thân hơn là xông-pha nguy-hiêm; nhưng có biết mạo-hiêm mới là kẻ trượng-phu. Cho nên kẻ trượng-phu bao giờ vẫn qui.

T. - C.

## LÀM VĂN

Hai tiếng « làm văn », ngày nay đã nghe thấy nhiều người nói, mà « làm văn » là làm văn ta, không phải văn tây mà cũng không phải văn tàu. Như thế thời đủ biết quốc-dân đã biết trọng quốc-văn; đó cũng là một sự nên mừng.

Tôi còn nhớ năm sáu năm về trước, hồi tôi mới lập ra báo *Nam-Phong* này, ngoài mấy anh em làm báo, không thấy mấy người làm văn quốc-ngữ. Có lẽ không ai nghĩ đến rằng chữ quốc-ngữ có thể làm thành văn-chương được. Trước tôi, ông NGUYỄN VĂN-VĨNH tự hồi báo *Đặng-cổ* đã hết sức hô-hào; ông thường nói: « Hậu-vận nước Nam hay dở thế nào là ở chữ quốc-ngữ. » Vì ông với tôi trước sau vẫn có một chủ-nghĩa: là biết rằng ở nước ta chữ nho không thể giữ được hết, chữ tây không thể học được khắp,

muốn dùng để phổ-thông-giáo-dục cho quốc-dân, duy chỉ có chữ quốc-ngữ, nhưng muốn cho chữ quốc-ngữ dùng được việc thời phải rèn tập cho mỗi ngày một hay hơn lên. Bởi thế nên chúng tôi gia-công gắng sức trong bao nhiêu năm, không quản công-phu khó-nhọc, không quản có kẻ chê-bại, chỉ ước-ao có một điều: là có ngày người mình cũng « làm văn » được như người, nghĩa là làm văn bằng tiếng mình, không phải mượn tiếng người. Ngày ấy có lẽ nay đã tới đây; chẳng thế sao đầu đầu cũng nghe thấy nói « làm văn »? Nếu ngày ấy đã tới thật, thời anh em ta cũng nên mừng, nghĩ đến bước đường cũ đã qua mà lại càng thêm mừng.

Không phải nói ngoa, nhưng vào khoảng mười năm về trước mà xướng ra làm văn quốc-ngữ tưởng cũng là

liều mà bạo thật. Văn nôm của ta từ trước duy có văn vần, văn xuôi chưa ai từng viết bao giờ. Thầy không có, sách không có, tuổi còn trẻ, học còn ít, thế mà dám hăm-hở làm văn, phỏng có liều không? Nhưng liều mà cũng bạo, bạo là thế này: Một bên các thầy tây-học lãnh-đạm, một bên các cụ đồ nho khứng-khỉnh, thế mà dám không nho không tây, giờ nghề quốc-ngữ, lơ-láo một mình, chẳng ai thiết đến, tưởng không bạo thời cũng là gan. Nhưng gan nhất là tự mình miễn-cưỡng với mình. Tôi thua nhỏ ham mê chữ tây lắm: khi ở nhà trường ra đã « tùy-tòe » làm thơ làm văn tây rồi! Ham cho đến nỗi mấy tháng trời tra-khảo các sách nói về các tình-nhân của bà GEORGE SAND để định làm một bài nghiên-cứu gửi cho một cái tạp-chí bên Tây! Thế có cuồng không? Nay hồi-tưởng đến mà buồn cười. Nhưng đã có tính ham như thế, vì từ bấy đến nay cứ tập văn tây hoài, thời có lẽ bây giờ cũng lên mặt « văn-sĩ » tây rồi, văn-sĩ vào hạng thứ năm, sáu, bảy, tám, chín, mười mươi chi đó! Nhưng mà đương ham mê như thế mà phần-nhiên miễn-cưỡng lại được, chợt tỉnh người ra mà tự nghĩ rằng: « Làm thẳng An-Nam mà không tập làm văn An-Nam, lại học làm văn tây, cho dầu hay tám vạn cũng không bằng người ta được, mà phí công-phu vô-ích. Văn tây, dầu mình không tập, người ta cũng không thiết gì; mà văn mình nếu mình không tập thời có ngày lụn-bại. Văn biết rằng văn mình chẳng ra gì, văn người ta hay thật, nhưng ra gì với không ra gì là ở tự mình, nếu mình cứ khinh-thường không thiết đến thời đến đời nào cho ra gì? Còn văn người ta hay thời mình nên học, càng học được nhiều càng hay, nhưng mà phải coi như một cái lợi-khi để tăng-bổ tri-thức cho mình, như một cái khi-giờ để làm-thời dùng mà chống

giữ quyền-lợi của mình. Chứ tự mình còn chưa có văn-chương mà đã vội tập làm văn-chương bằng tiếng người, thì dồ-dại quá! Và cái văn-chương mượn ấy cũng không hay được, vì nó không có hồn. . . ». — Tự hồi tỉnh-ngộ ấy cho đến ngày nay, trong mười năm trời, tôi không hề viết một bài văn chữ tây nào. Kịp cho đến khi sang du-lich bên Pháp, cần phải diễn-thuyết bằng tiếng Pháp, bấy giờ mới lại giờ đến nghề cũ, chẳng qua là đề ứng-phó với sự cần-dùng vậy.

Anh nghiện phải nhịn thuốc lâu năm, lắm lúc thèm cũng cực. Tôi cũng ví như người nghiện văn tây mà tự mình bắt-buộc phải nhịn phải thèm trong bấy lâu, là chỉ vì một chút khốn-tâm: khốn-tâm về văn quốc-ngữ; chỉ vì một chút hi-vọng: hi-vọng có ngày người mình cũng « làm văn » được như người.

Ngày ấy có lẽ đã tới đây. Mừng thay! Nhân mừng mà hồi-tưởng đến bước đường cũ đã qua, kẻ-lẽ mấy câu giông-dài, không phải là dồ-dối việc mình đề pho-bày với ai, nhưng tưởng rằng sự tưng-trải riêng của mình có lẽ cũng gián-tiếp ích-lợi cho bạn thanh-niên ta một đôi chút.

Các bạn ôi, con cá nó sống về nước mà nước ta sống về tiếng ta đó. Làm cho tiếng ta sống được là phận-sự anh em ta. Vậy anh em phải gắng lên, vì hiện nay tuy có điều mừng mà cũng còn phải lo, vì thiên-hạ còn có kẻ làm án tiếng An-Nam, kết cho cái tội nghèo, nghèo khốn nghèo nạn, nghèo cho đến nỗi không đủ mà dạy được trẻ con nhà-quê, phải lấy chữ tây dạy thế vào. Gần đây tôi có vận-dộng trong báo tây — vì báo ta vô - hiệu, — đề xin lấy chữ quốc-ngữ dạy các trường tiểu-học và cho thi tốt - nghiệp tiểu-học bằng quốc-ngữ: người ta lấy cái tội nghèo

của tiếng An-Nam mà phản-đối lại. Tiếng An-Nam có quả nghèo không? Anh em ta phải phá cho ra cái nghi-án thiên-cổ đó.

Về phần riêng tôi thời từ tuổi khôn lớn biết tư-tướng đến giờ, tôi đã tự-nguyện hi-sinh cho quốc-văn. Nói thế không phải là tự-cao tự-đại gì, vì ở đời này có bốn-xu về danh-lợi thời mới có «câu», chứ cặm-cui về quốc-văn thì ăn thua gì. Thấu Kim-tiền mới có người nhiệt-thành lễ-bái, chứ ông bụt mốc thời ai thèm nhìn; văn quốc-ngữ ta, chẳng qua là ông bụt mốc mà thôi. Nhưng người ta ai cũng có cái «ngiệp» ở đời (nói theo nghĩa Phật): nghiệp ông quan là «trị» dân, nghiệp ông thầu-khoán là «kiếm» tiền, nghiệp chú «xét-ty» là cho vạy nặng lãi; nghiệp mình có lẽ là làm nô-lệ cho quốc-văn. Thành-tâm hầu-hạ đã mười năm, tướng cũng có thể nói khoác một câu như thế.

Lương Khải-Siêu năm 30 tuổi, có bài «Tam-thập tự-thuật». Tôi nay vừa qua tuổi ấy, không dám sánh

với Lương Nhiệm-công, nhưng cũng muốn mượn câu kết bài tự-thuật của ông mà tự kết cho mình :

«Than ôi ! Tuổi đã ba-mươi, sở-chỉ sở-sự, trăm phần chưa được một phần, chỉ ngày ngày làm nô-lệ cho câu văn, nói mép ngoài miệng, chẳng ích gì cho thời-thế. Thường ngày nghĩ đến, thật thấy tủi thẹn. Tự xét cái tài-lực với cái địa-vị của mình bây giờ, ngoài việc đó cũng không biết làm gì để cho trọn cái trách-nhiệm quốc-dân trong muôn một. Việc tuy nhỏ mọn, cũng yên thế vậy. Ôi ! nước nhà lăm việc, ngày tháng như thoi, một thân yếu hèn, sức nhỏ gánh nặng. Bạn ta họ Hàn có câu thơ rằng: *Thiệt-hạ vô anh-hùng, bút-đề vô kỹ-sĩ* (dưới ngọn luỡi không có kẻ anh-hùng, dưới cái bút không có người kỹ-sĩ). Than ôi ! ta nay sinh-nhai về bút-thiệt, đã phí mất bao nhiêu niên-hoa rồi ! Sau này muốn lấy báo ơn quốc-dân, chưa biết thế nào, mỗi lần nghĩ tới, không từng không thấy kinh-tâm động-phách, ức-lắc không biết nói sao vậy.»

PH. Q.

### Tư-tướng đẹp, lời văn hay

Un homme de génie, c'est la rencontre d'une instruction supérieure et d'une personnalité issue d'une lignée qui l'a précédée...

L'Intelligence dans un pays est d'abord fonction non pas de l'enseignement, mais des mœurs. À étudier profondément les conditions de son plus complet développement, on reconnaît qu'au rebours du préjugé courant, elle est beaucoup moins individuelle que familiale.

PAUL BOURGET

*Người tài là người vừa có giòng-dống tốt, lại vừa được thêm cái học-thức cao ..*

*Nhân-tài trong một nước không cốt ở sự học, mà cốt ở phong-tục. Cứ xét kỹ nhân-tài này-nở ra thế nào, thời thấy rằng bởi cá-nhân ít mà ở gia-tộc nhiều, thật là trái với cái thi-n-khĩn thường của người ta.*



**Cảnh Hồ Hoàn-Kiểm (Hà-nội) đương mùa sen nở**

Bức tranh này là của ông TRẦN-THIÊN là một tay vẽ giỏi ở Hà-nội mới vẽ cho Hội Khai-tri, hiện treo ở trong phòng khách lớn nhà Hội.

# ĐẠO-GIÁO<sup>(1)</sup>

(Đạo Lão-tử)

Đạo-giáo khởi đầu có sách-vở để truyền về đời sau là kể từ Lão-tử, cho nên lại gọi là Lão-giáo hay là Lão-học.

Đạo-giáo nguyên trước là một môn triết-học rất cao-kỳ, sau thành ra một cái tôn-giáo có lắm điều rất huyền-hoặc, vô-lý, làm cho sự mê-tin của những dân ở Viễn-Đông này càng ngày càng thêm nhiều ra, dẫn đến bây giờ, tuy Đạo-giáo không thịnh-hành cho lắm, nhưng cái ảnh-hưởng vẫn còn mạnh, mà hiện nay ở nước ta thường những sự tin-tưởng của mọi người đều có một phần rất to thuộc về Đạo-giáo.

Vậy ta thử xét xem cái giáo-thuyết từ trước là thế nào và dần dần về sau nó biến đổi ra làm sao, để ta biết cho rõ những sự tin tưởng và sự sùng-bái của đồng-nhân ta.

Nguyên Đạo-giáo là cốt ở cái triết-lý và cái chủ-nghĩa huyền-tịch, lấy sự thanh-tĩnh vô-vi làm chủ-dịch cho người ở đời. Cứ theo như ở trong sử cũ của Tàu thì cái tư-tưởng ấy đã có từ đời Hoàng-đế và Nghiêu Thuấn rồi. Nhưng vẫn còn lơ-mờ chưa thành ra một học-thuyết rõ-ràng như là từ đời Xuân-thu về sau. Từ khi Lão-tử xuất-thế để lại bộ sách *Đạo-đức-kinh* rồi sau có những bậc đại-hiền-triết như Liệt-tử, Trang-tử theo cái tôn-chỉ của Lão-tử mà mở thành ra một học-phái rất hùng và rất cao.

Sự-tích của Lão-tử thì không được rõ lắm, theo sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên

là một nhà đại-sử-gia nước Tàu (ở về thế-kỷ thứ nhất tr. Gia-tô) thì Lão-tử là người huyện Hồ, làng Khúc-nhân, thuộc về nước Sở (huyện Hồ trước là đất nước Trần, sau nước Sở lấy nước Trần, cho nên mới thuộc về nước Sở, nay ở vào quãng Hào-châu phía tây-bắc tỉnh An-huy). Họ là Lý 李, tên là Nhĩ 耳, tự là Bá-Dương 伯陽, thụy là Đam 聃, không biết sinh vào năm vào. Những nhà chép chuyện Lão-tử cũng không đồng-ý, người thì nói rằng sinh vào năm Chu Định-vương thứ ba, (tức là năm 604 tr. Gia-tô) Người thì nói sinh vào năm Chu Linh-vương thứ hai, (tức là năm 570 tr. Gia-tô) Song cứ như lời trong sử chép rằng năm Cảnh-vương thứ hai-mươi-ba (tức là năm 522 tr. Gia-tô) Khổng-tử ở nước Lỗ vào kinh-dô nhà Chu đến hỏi Lão-tử về lễ, thì chắc là Lão-tử và Khổng-tử cũng đồng-thời (2), hơn nhau độ vài ba mươi tuổi gì đấy.

Lão-tử làm quan Trụ-bạ-sử, tức là quan giữ kho sách cho nhà vua, và vẫn tu đạo-đức, lấy sự tự-ân vô-danh làm chủ cho sự học của mình. Ở nhà Chu lâu ngày mà thấy nhà Chu suy-nhược, không làm sao được, Lão-tử bèn bỏ đi, về phía tây, đi đến Hàm-cốc-quan, nhất-danh là Đổng-quan (thuộc tỉnh Thiểm-tây ở vào cái khuỷu sông Hoàng-hà, tiếp-giáp với tỉnh Sơn-tây và tỉnh Hà-nam) gặp quan lệnh-đoãn tên là Hỷ mời ở lại mà bảo rằng. « Ông sắp đi ần, vậy nên gượng mà làm

(1) Bài diễn-thuyết của ông TRẦN TRỌNG-KIM ở « Việt-Nam Thanh-niên Hội. »

(2) Nếu theo cái ý rằng Lão-tử sinh năm 604 tr. Gia-tô thì lúc Khổng-tử và Lão-tử gặp nhau, Lão-tử đã 82 tuổi mà Khổng-tử mới có non 30 tuổi. Nếu Lão-tử sinh năm 570 thì lúc ấy Lão-tử mới 48 tuổi, tưởng cái ý sau nói có lẽ đúng hơn.

cho tôi ít sách». Lão-tử bèn làm quyển sách nói về đạo và đưc hơn 5.000 lời. Làm xong rồi bỏ đi đầu mắt, không biết về sau thế nào.

Con Lão-tử là Tôn làm tướng võ nước Ngụy, được phong ở ấp Đòan-can, cháu là Chu, chắt là Cung. Cháu đời thứ tư (huyền-tôn) Cung là Giả làm quan đời Hán Văn-đế; con Giả là Giải làm thái-phó cho Giao-tây-vương và nhân thế sang ở nước Tề.

Tư-mã Thiên lại chép rằng có người nói Lão-tử sống được hơn 160 tuổi, cũng có người nói sống được hơn 200 năm, là bởi Lão-tử biết phép tu-đạo để dưỡng-thọ.

Sử thì chỉ chép có thế thôi, còn những truyện khác như «Lão-tử nói truyện» thì nói rằng mẹ ông ấy thấy mặt trời rơi vào miệng mà có mang được 72 năm, một hôm đi tưới nước ở gốc cây lý thì Lão-tử chui ở nách tay trái mà ra, liền trở vào cây lý mà nói rằng đây là họ ta. Bởi vậy mới lấy họ là Lý. Lại nói rằng ông mới đẻ ra đầu đã bạc, cho nên mới gọi là Lão-tử. Tai có ba lỗ, cho nên gọi là Lão-Đam. Trần sáng lông-lành, mình trắng, mặt đỏ, lưỡi có vân gấm, mình dài một trượng hai thước, răng 48 cái. Học được phép: *thần đồ bảo chương biến-hóa* của Nguyên-quân 元君神圖寶章變化之方, và cái thuật: *hoàn đan phục hỏa thủy hống dịch kim* 還丹伏火水汞液金之術. Ông có thể làm cho thiên-thần phải giúp, chúng-tiên phải theo, lại có những phép độ-thể truyền lại như là: *cửu-dan, bát-thạch, kim-lễ, kim-dịch, trị-tâm, dưỡng-tinh, tuyết-cốc, biến-hóa, sai-khiển* được *quĩ-thần* 能為天神所濟. 衆仙所從. 所出度世之法有九丹. 八石. 金醴. 金液. 治心. 養性. 絕穀. 變化. 役使鬼神之法.

Sách *Chu thao ngọc trái* và sách *Thần tiên truyện* nói rằng: Lão-

tử sinh vào đời nhà Chu, bà mẹ là Lý-thị có mang 81 năm. Ngài mình dài tám thước tám tấc, mặt vàng, lông mày rậm, tai dài, mắt to, trán rộng, răng thưa, miệng vuông, môi đầy, ở giữa trán có ba ngấn như chữ ngũ, góc trán vuông mà sỏ ở giữa, mũi có hai cái trụ, tai có ba lỗ, chân đi như hai chữ ngũ (vòng kiềng) tay có mười cái vạch.

Ở *Huyền-diệu nội thiên* nói rằng: Lý-mẫu có mang 81 năm, một khi đứng chơi dưới gốc cây mạn, bỗng đứng nách bên tay trái nứt ra mà sinh ra Lão-tử. Lại có nơi chép rằng bà *Huyền-diệu-ngọc-nữ* nằm chiêm-bao thấy sao sa vào miệng, rồi có mang 72 năm mới sinh ra Lão-tử.

Ở kinh *Thượng-nguyên* thì chép rằng: Lý-mẫu năm mẹ thấy ngọc châu ngũ-sắc ở trên trời rơi vào miệng, nuốt đi rồi có mang.

Sách *Trương-quân-tướng* chép rằng: Lão-tử là hiệu, chứ không phải là tên thực. Lão nghĩa là khảo-cứu; tử nghĩa là sinh-sản ra nhiều: khảo-cứu các đạo-lý để dạy người rồi gây nên cái *thánh-tư* 聖學 (mâm thánh), cái mâm thánh ấy sinh-sản ra muôn vật gọi là *hóa-thiện* 化善, giúp được muôn vật mà không sót.

Những truyện ấy đều không nói thì ta cũng hiểu là truyện hoang-đường rất vô-lý. Chỉ trừ những sự-tích lấy ở trong *Sĩ-ký* của Tư-mã Thiên ra, thì toàn là những truyện chép ở trong sách làm về đời Tam-quốc, Lục-triều, là lúc Đạo-giáo đã thành ra một cái tôn-giáo chủ về việc thần-tiên, tu-luyện phù-phép, v. v. Cho nên người ta mới có ý bịa-dặt ra những chuyện ấy để tỏ ra Lão-tử là một bậc giáo-đồ, thì tất là phải khác với người thường. Thiết-lưỡng tôn-giáo nào thì cũng có cái ý ấy cả.

Có nhà bần rằng Lão-tử làm ra bệ

*Đạo-đức-kinh* tên là Dương Bá-Phủ, làm quan thái-sử đời vua U-vương nhà Chu (781-771) chứ không phải là Lão-Đam ở đời Xuân-thu. Ý-kiến ấy thì không quyết chắc lắm; vả chăng, cũng không có bằng-cứ đích-xác gì. Nay ta hãy biết rằng bộ sách *Đạo-đức-kinh* là bộ sách rất cổ nói về Đạo, mà cái gốc nguồn Đạo-giáo là khởi đầu từ đây mà ra. Nay ta xét cái lý-thuyết của Lão-lử ở trong *Đạo-đức-kinh* là thế nào:

Lão-tử là một nhà hiền-triết thấy người đời đua tranh nhau về đường danh-lợi, sinh ra nhiều sự biến-loạn chiến-tranh, làm cho nhân-dân phải lắm sự lầm-than cực-khổ mà không có phương-pháp gì chữa cho khỏi được cái lầm lỗi ấy. Càng dùng tri-não bao nhiêu thì sự gian - xảo lại càng nhiều thêm ra, càng nói nhân-ngĩa lắm thì sự tàn-ác lại càng gớm-ghe hơn lên. Bởi vậy Lão-tử cho việc đời làm chán-ngán, không thiết gì đến việc hành-động, muốn tìm sự thanh-tĩnh vô-vi, lấy cái cảnh tự-nhiên của tạo-hóa làm vui thú, khiến cho đời người tránh khỏi được nhiều điều tai vạ. Sự thanh-tĩnh vô-vi đó không phải là một cái sở-thích, hay là một cái ý-kiến riêng của một người nào, nhưng nó là cái tính tự-nhiên do ở cái gốc của muôn vật mà ra. Vậy nên ta phải biết cái gốc ấy là thế nào, và những cái ngọn nó ra làm sao. Cái gốc ấy là Đạo.

Đạo là gì mà tự đâu sinh ra? Lão-tử cho là thoát kỳ-thủy thì không có gì cả 天下萬物生於有。有生於無 (1), bởi cái không mà thành ra cái có, rồi do cái có đó, mà thành ra muôn vật, nghĩa là trước hết là không, rồi tự-nhiên thành ra một vật độc-nhất trong khoảng không-gian; do vật độc-

nhất ấy mà sinh ra muôn vật trong thiên-hạ.

Vật độc-nhất đó gọi là gì? Không biết gọi tên là gì, nhưng ta đặt tên chữ là *Đạo* 吾不知其名。字之曰道 (2). *Đạo* là một chữ đặt ra để có tên mà gọi cho dễ, chứ kỳ-thực thì không sao mà tả rõ ra được, vì rằng 道可道。非常道。名可名。非常名 (3), cái *đạo* mà đã nói rõ ra được thì không phải cái *đạo* thường bao giờ cũng có nữa, mà một vật đã có thể gọi tên ra được, thì cũng không phải cái vật thường vẫn có ấy nữa.

*Đạo* là một vật tự-nhiên hỗn thành ra trước khi chưa có trời đất, mờ mờ, mịt mịt, im lặng một mình trong khoảng không-gian, ở đâu cũng có, mà bao giờ cũng thế, không suy-suyễn chút nào, mà muôn vật trong vũ-trụ cũng bởi đó mà sinh ra cả 有物混成。先天地生。寂兮寥兮。獨立不改。周行而不殆。可以爲天下母。 (4).

*Đạo* lại là một giống rất to, mà không có hình-thể gì cả 大象無形 (5). Trông không trông thấy được, nghe không nghe thấy được, sờ không sờ thấy được 視之不見。聽之不聞。搏之不得 (6), mệnh-mông lơ-mờ, dấu muốn suy-diễn đến đâu, cũng không xiết được, mà bao giờ cái toàn-thể của *Đạo* vẫn là đơn-nhất, nghĩa là chỉ có một mà thôi, chứ không có hai ba nào cả. Nhân có cái tính đơn-nhất ấy mà thành ra có trời đất và muôn vật 道生一。一生二。二生三。三生萬物 (7). nghĩa là do cái tính đơn-nhất của *Đạo* mà sinh ra âm dương, tức là trời đất, trời đất cùng với khí sinh ra vạn-vật. Cái tính đơn-nhất ấy thật là linh-hoạt. Trời có được cái tính đơn-nhất ấy mới sáng, đất có nó mới vững, thần có nó

(1) *Đạo-đức-kinh*, chương thứ 40. — (2-4) *Đạo-đức-kinh*, chương thứ 25. — (3) *Đạo-đức-kinh*, chương thứ 1. — (5) *Đạo-đức-kinh*, chương thứ 41. — (6) *Đạo-đức-kinh*, chương 14. — (7) *Đạo-đức-kinh*, chương 42.

mới thiêng, muôn vật có nó mới sinh-sản ra mãi mãi 天得一以清。地得一以寧。神得一以靈。萬物得一以生 (1)。

Muôn vật tuy do trời đất và khí mà sinh ra, nhưng cũng bởi cái lẽ tự-nhiên của Đạo, chứ trời đất không có thiết gì đến vạn-vật, chỉ chủ lấy cái công-lệ mà thôi. Trời đất cho muôn vật như là rơm rác 天地以萬物爲菟狗 (2), để mặc cái lẽ tự-nhiên của Đạo nó chủ-trương lấy.

Trong khoảng trời đất cũng giống như cái bẽ thụt: mảnh trên là trời, mảnh dưới là đất, để không cũng không đẹp xuống, mà động đến thì thở hơi ra mãi không bao giờ hết 天地之間其猶橐籥乎。虛而不屈。動而愈出 (3). Trời đất sinh thì cứ sinh, hóa thì cứ hóa, mà vạn-vật thì đâu rồi cũng về Đạo cả, vì Đạo là gốc của muôn vật.

Muôn vật sinh ra khắp cả thế-giàu rồi lại quay trở về nguyên-bản, nghĩa là trở về hợp làm một với Đạo. Trở về với Đạo rồi lại hóa ra làm muôn vật, cứ đi đi về về mãi như thế, tức là cái cuộc biến-cải sống chết ở đời vậy.

Biết được cái lẽ tuần-hoàn ấy là người trí-tuệ, công-chính, ôn-hòa, có thể cùng với Đạo làm một; không biết cái lẽ ấy là ngu dại, làm những điều tai-hại, chứ không hay lành bao giờ.

Ở đời quan-hệ hơn cả là sự sống chết; mà 出生入死 (4), sống là do Đạo mà sinh ra, chết là quay trở về Đạo. Đạo thì bao giờ cũng thế, chỉ bởi có khi động khi tĩnh, mà thành ra nhân nọ quả kia, hết cái trạng-thái này lại đến cái trạng-thái khác, cứ đi đi, lại lại, biến biến, hiện hiện, không bao

giờ nghỉ, mà không bao giờ hết. Bởi vậy cho nên thánh-nhân đã suốt rõ cái huyền-đức ấy, là cái đức cao xa hơn cả, đã suốt rõ được cái huyền-đức ấy thì cứ để cho muôn vật được tự-nhiên mà theo cái số mệnh của mình, không hề lo nghĩ tìm kiếm cách gì để ngăn-trở sự xoay vần của lẽ tự-nhiên. Minh có làm điều gì thì cũng chỉ theo cái lẽ ấy mà làm để làm gương cho người ta theo mà thôi, còn thì để mọi người mọi vật được ung-dung, tùy cái công việc, cái địa-vị riêng của mình mà cử-động, chứ không có ý cưỡng-bách gì cả.

Đây là nói về cái nguyên-lý tạo-tác ra trời đất và muôn vật thì thế, còn về đường luân-lý chính-trị của người ta ở đời cũng phải theo cái nguyên-lý ấy mà thi-hành.

Về đường luân-lý thì ta phải biết rằng sự cử-động làm mất sự rét, sự yên-tĩnh làm mất sự nóng, sự thanh-tĩnh của thánh-nhân có thể sửa đổi được sự dỏ của thiên-hạ 躁勝寒。靜勝熱。清靜爲天下正 (5). Vậy làm người sinh ra ở đời ta có thể giữ được cái trong-sạch ở trong cái đục, giữ được sự yên-lặng hòa-bình ở giữa đám hoạt-động nồn-nao, nghĩa là mình biết tùy cái phương-tiện mà khu-xử, đừng muốn điều gì trái với cái lẽ tự-nhiên. Lòng người ta bao giờ cũng phải không-không, việc gì cũng không lấy làm thiết, chỉ nhất-tâm giữ lấy được tĩnh, như thế là có thể gần với Đạo được. Thường có bỏ hết được những cái lòng ham muốn, thì mới biết được những cái huyền-diệu của Đạo, chứ hễ còn có lòng ham muốn, thì chỉ biết được ngọn mà không biết được đến gốc, chỉ biết được những cái kết-quả ở đời, mà không biết được đến nguyên-nhân sâu xa của muôn vật 常無欲以觀其

(1) Đạo-đức-kinh chương 39. (2-3) Đạo-đức-kinh chương 5. — (4) Đạo-đức-kinh chương 50. — (5) Đạo-đức-kinh chương 45.

妙。常有欲以觀其微。(1)。 Nếu chỉ biết được những cái ngọn mà thôi, thì cái biết của mình có ích gì đâu, vì những sắc mà mắt mình trông thấy, những tiếng mà tai mình nghe thấy, những vị mà miệng mình nếm thấy, sự vui-mừng, sự ao-ước, lòng tham danh-lợi, v. v., đều là loạn cái tinh-thần của mình. Vì thế cho nên thánh-nhân chỉ lo cái bụng cho no mà thôi, chứ không cần đến những cái ảo-hình ảo - tượng làm gì.

Vả lại chịu khó-nhọc làm công nợ việc kia để hao-thần tổn-trí để làm gì? Có việc gì là việc được lâu dài, không? Con gió to cũng không thổi luôn được cả buổi sáng, trận mưa lớn cũng không suốt được cả ngày: mưa gió là việc của trời đất, mà trời đất còn không làm việc gì được lâu dài, huống-chi người ta muốn làm việc lâu dài làm sao được. 爲無爲。事無事。味無味。大小多少。報怨以德。(2) thánh-nhân chỉ nên làm những việc không làm, lo những việc không lo, thích những việc không thích, lớn nhỏ nhiều ít cũng cho như nhau, không lấy làm hơn kém gì cả, đối với người thì lấy đức mà báo oán, nghĩa là người ta làm điều ác cho mình, thì mình làm điều lành mà báo cho người ta, chứ không đem lòng thù-oán ai. Ta phải biết rằng 少則得。多則惑。是以聖人抱一爲天下式。(3), hễ người ta chỉ lưu-tâm vào ít thì được, muốn nhiều thì hỏng, cho nên thánh-nhân chỉ cốt lấy một việc là chăm-chăm về Đạo mà thôi, nghĩa là giữ yên tĩnh trong sự vô-vi, để làm gương cho thiên-hạ, thế là đắc-đạo.

Người đã giữ được Đạo thì 不出戶

知天下。不闕牖見天道。其出彌遠。其知彌少。(4) không ra khỏi cửa mà biết được cả muôn vật trong thiên-hạ, không dòm ra ngoài cửa sổ mà biết được cái đạo trời nó thống-trị cả thế-gian, bởi thế thánh-nhân chỉ cốt biết lấy một cái gốc, mà không cầu đến các cái ngọn, vì rằng hễ người ta càng muốn đi xa bao nhiêu thì lại càng biết ít đi bấy nhiêu. Đến sự học cũng vậy, 爲學日益。爲道日損。損之又損。以至於無爲。無爲而無不爲。(5), càng học càng biết nhiều mới thì lại càng vô-ích mà hại cho mình, chứ đã đem tâm-trí mà chú vào Đạo, thì cái biết của mình càng ngày càng ít đi, càng ít mãi cho đến bậc vô-vi; tuy vô-vi nhưng mà không có việc gì là không có cái ảnh-hưởng của mình. Bởi vậy 聖人處無爲之事。行不言之教。(6) thánh-nhân chỉ noi theo Đạo mà giữ cái địa-vị làm sự vô-vi, và dạy những điều không phải nói ra.

Làm người ở đời thì bao giờ cũng nên giữ lấy ba điều làm quý: 一曰慈。二曰儉。三曰不敢爲天下先。(7). một là từ, tức là lòng nhân-ái; hai là kiệm, tức là giản-dị không xa-xỉ; ba là không dám tranh hơn ai, tức là lòng khiêm-nhượng. Có ba điều ấy thì không có đánh nhau giết nhau, không hoang-phí, không tham-danh tham-lợi, ai cũng như thế cả, thì việc gì mà không thái-bình yên-trị.

Vả chẳng, cạnh-tranh mà làm gì, danh-lợi mà làm gì, chẳng qua ai thì cũng cầu lấy sự an-nhàn sung-sướng mà thôi. Mà cái đó mình có thể tự mình tìm thấy được. Hễ mình biết tri-túc thì không việc gì mà phải bị những sự lâm-lụy khổ sở. Đã tri-túc là đã giàu

(1) Đạo-đức-kinh chương 1. — (2) Đạo-đức-kinh chương 63. — (3) Đạo-đức-kinh chương 22. — (4) Đạo-đức-kinh chương 47. — (5) Đạo-đức-kinh chương 48. — (6) Đạo-đức-kinh chương 2. — (7) Đạo-đức-kinh chương 67.

rồi知足者富。(1), cần gì nữa mà phải vất-vả khó-nhọc để cho lụy đến thân.

Người trí-giả làm việc gì mà công đã thành danh đã toại, thì nên đem thân lui về chỗ an-nhàn 功成名遂身退 (2). Như thế là chung-thân được trọn vẹn, chứ hề còn tham nữa thì không có cái vạ nào to bằng cái vạ không tri-túc 過莫大於不知足 (3).

Người ta sợ-dĩ lo-lắng lắm, chẳng qua là chỉ vì cái thân mình, mình muốn cho thân mình được vẻ-vang nọ kia, cho nên hết lo điều nọ, đến sợ điều kia, chứ đến khi mình đã không thiết đến những cái tư-lợi vô-ích cho mình, thì mình còn có sợ gì nữa 吾所以有大患者。為吾有身。及吾無身。吾有何患 (4). Bởi vậy thánh-nhân không có súc-tích cái gì để riêng cho mình, càng làm cho người ta bao nhiêu, mình càng có nhiều bấy nhiêu, càng cho người ta đi bao nhiêu, mình càng giàu bấy nhiêu 聖人不積。既以為人。已愈有。既以與人。已愈多 (5).

Tóm lại mà xét cái luân-lý của Lão-tử là cốt lấy thanh-tĩnh, vô-vi, cái gì cũng để theo lẽ tự-nhiên, không có phiền-phức điều gì cả, làm người ở đời được thế nào là hay thế, tự lấy thế làm sung-sướng, không tham-danh tham-lợi. Đối với người thì không nên kết-thù kết-oán, cốt lấy lòng từ-ái mà giao-thiệp với nhau. Bất-kỳ việc gì cũng lấy ơn mà trả thù. Cho cái cảnh đời là một cuộc tuần - hoàn xoay đi chuyển lại đầu đầu rồi cũng trở về cái nguyên - lý độc-nhất, tức là Đạo. Sự sống sự chết cũng do cái lẽ tuần-hoàn ấy mà ra, không nên quan-tâm làm gì, cứ ung-dung tự-tiện để mặc tạo-hóa theo lẽ tự-nhiên mà biến-đổi.

Cái luân-lý ấy có phần rất thanh-nhã cao-thượng, nhưng chỉ phải một điều nó khiến người ta không thiết đến cái gì cả, nó hủy mất cả cái nghị-lực và sự cố-gắng của giống người, là hai cái yếu-diểm cho sự tiến-hóa của nhân-quần xã-hội.

Về đường chính-trị thì Lão-tử cũng theo cái nguyên-lý vô-vi: 無為而民自化。好靜而民自正。(6), không làm gì mà dân tự hóa ra thành hay, cứ yên lặng mà dân đổi ra ngay lành. Tuy rằng nói vô-vi, nhưng 無為而無不為 (7) không phải cứ ngồi yên không hành-dộng việc gì cả đâu, ai đã giữ vào việc chính-trị thì phải 為之於未有。治之於未亂 (8), biết phòng giữ từ trước, lo liệu từ trước, từ lúc chưa có việc gì xảy ra thì mới được. Bao giờ cũng phải cẩn-thật giữ-gìn từ trước cho đến sau, để giúp cái lẽ tự-nhiên của muôn vật, được như thế thì việc gì cũng hay cả. Nhưng cái hay của Lão-giáo không giống như cái hay của Nho-giáo. Bên Nho-giáo thì vụ lấy nhân-nghĩa, trung-hiếu, trí-tuệ; bên Lão-giáo thì vụ lấy thuận-muộn, chất-phác, không chịu cái ước-thúc gì cả. Lão-tử nói rằng: «大道廢。有仁義。智慧出。有大偽。六親不和。有孝慈。國家昏亂。有忠臣。(9) đạo lớn đã bỏ không ai theo nữa, thì mới đặt ra nhân-nghĩa; có trí-tuệ, thì mới có những điều gian-ác phản-nghịch; vì cha con vợ chồng không hòa với nhau, cho nên mới có sự hiếu-từ; vì quốc-gia biến-loạn, cho nên mới có trung-thần.» Nghĩa là những điều ước-thúc của ta bày đặt ra đều là trái với Đạo, đã trái với Đạo là không hay.

Muốn cái hay thật là hay, thì phải

(1) Đ. đ. k. chương 33. — (2) Đ. đ. k. chương 9. — (3) Đ. đ. k. chương 46. — (4) Đ. đ. k. chương 13. — (5) Đ. đ. k. chương 81. Đ. đ. k. chương 57. (7) — Đ. đ. k. chương 48. — (8) Đ. đ. k. chương 64. — (9) Đ. đ. k. chương 18.

絕聖棄智。民利百倍。絕仁棄義。民復孝慈。絕巧棄利盜賊無有。(1), nghĩa là dứt cái thánh bỏ cái khôn, thì dân lợi lên được trăm phần, dứt nhân bỏ nghĩa, thì dân trở lại hiếu-từ, dứt cái khéo bỏ cái lợi thì trộm cướp không có. Cái tôn-chỉ này thì thật là tương-phản với cái tôn-chỉ của Nho-giáo. Những điều nhân nghĩa lễ tri của bên Nho-giáo chẳng qua là những điều ước-thúc của người ta đặt ra, để đánh lừa thiên-hạ đó thôi, chứ không thật. Vì lẽ rằng 失道而後德。失德而後仁。失仁而後義。失義而後禮。(2) có mất đạo, mới có đức, mất đức mới có nhân, mất nhân mới có nghĩa, mất nghĩa mới có lễ. Vậy thì chỉ bằng tìm lấy cái gốc, nghĩa là trở về Đạo, là hơn cả, việc gì cũng cần sự giản-dị chất-phác và tự-nhiên.

Hễ không dùng đến người tài giỏi thì không ai tranh nhau nữa, không quý những của hiếm có thì không ai đi ăn trộm nữa, không thấy những của nó có thể làm cho mình sinh ra lòng tham, thì cái bụng mình không bao giờ loạn. Bởi vậy bậc thánh-nhân đời trước trị dân không lo mở trí, nhưng chỉ lo cho no bụng, khiến cho dân không biết gì và không có muốn gì cả 虛其心。寔其腹。使民無知無欲。(3). Những nhà chính-trị biết theo Đạo mà trị dân là không phải dạy cho dân khôn lên, nhưng chỉ cốt khiến cho dân giữ lấy cái tính thô-phác. Vì dân càng khôn lên bao nhiêu thì càng khó trị bấy nhiêu, thành ra lấy trí mà trị nước là làm hại nước, lấy bất-trí mà trị nước là cái phúc cho nước.

Cứ như Lão-tử, thì cái cảnh-tượng một nước thái-bình là người trong nước từ lúc trẻ cho đến lúc chết, ai ở

dâu ở đấy, không có giao-thông đi lại, không có dùng những đồ xa-xỉ trang-sức, không cần đến binh mã quân lính, không biết văn-chương xảo-kỹ là gì. Miễn là ăn ngon mặc ấm, ở yên, phong-tục dịu-dàng hòa-nhã, ấy là cái cực-diêm về đường chính-trị. Còn việc binh-đao chiến-dấu là cái tai vạ rất lớn, cho nên dâu cái binh-khí lợi thế nào cũng là việc bất-tường, mà những kẻ đã biết theo Đạo là không có dùng đến, 夫佳兵者不祥之器。故有道者不處(4). Mà có dùng đến nữa cũng là việc bất-dắc-dĩ, chứ không phải là việc hay, vì rằng đã có chiến-tranh tất là có sự giết hại. Ai lấy sự giết hại làm thích thì người ấy không đáng giữ đến việc thiên-hạ. Chỗ nào quân đã đóng, thì gai góc mọc ngay ra, vì không có ai mà cày cấy nữa; chỗ nào đại-quân đã đi qua, thì sự đói khát trộm cướp sinh ngay ra, vậy thì có cái vạ gì to bằng cái vạ chiến-tranh không? Yêu dân và trị nước thì không gì bằng sự vô-vi, để cho dân được yên-tĩnh 愛民治國能無爲乎(5).

Cũng vì cái lẽ ấy cho nên thánh-nhân biết mình có thế-lực mạnh, mà vẫn giữ cái phần kém, biết mình sáng-suốt mà vẫn giữ phần tối-tăm, biết mình vinh-hạnh mà vẫn giữ phần đê-nhục 知其雄守其雌。知其白守其黑。知其榮守其辱。(6). Mình giữ được như thế là gần được Đạo, thì tất việc gì cũng hay, không bao giờ phải đến nổi tranh-chiến làm cho nhân-dân phải khổ-sở.

Cái đạo trời là cứ làm lợi cho muôn vật, chứ không có làm hại ai bao giờ, cái đạo của thánh-nhân thì cũng theo cái lẽ ấy mà làm, nghĩa là làm lành cho mọi người chứ không có tranh-dành với ai cả 天之道。利而不害。

(1) Đ. đ. k. chương 19. — (2) Đ. đ. k. chương 38. — (3) Đ. đ. k. chương 3. — (4) Đ. đ. k. chương 31. — (5) Đ. đ. k. chương 10. — (6) Đ. đ. k. chương 28.

聖人之道。爲而不爭。(1)

Đây là cái lý-tưởng của Lão-tử về đường chính-trị là thế. Tuy có nhiều điều hay, nhưng lại có nhiều điều không hợp với cái tinh-thể của nhân-quần xã-hội. Người ta sống ở đời không phải là đàn cừu đàn dê, mà bảo cứ cố ăn cho no, ở cho yên, chứ không cần hiểu biết gì nữa cả. Người ta sở dĩ có cái phẩm-giá là cũng vì có sự hiểu sự biết nó làm cho, cái thân-thể của mình thì rất nhỏ mọn, mà cái trí-tuệ của mình thì có thể tung-hoành trong vũ-trụ. Dầu rằng cũng vì cái hiểu cái biết đó nó làm cho đời người ta phải lắm điều đau-đớn buồn-bực thật, nhưng giá không có cái đau-đớn, cái buồn-bực thì có lẽ đời người ta dễ cũng không có cái gì là cái thú-vị nữa.

Đã hay rằng Lão-tử đứng vào cái địa-vị Đạo-giáo thì cho cái gì cũng bởi Đạo mà ra, cái gì cũng ủy-thác cho Đạo, để mặc Đạo tự sai khiến lấy thì rồi mọi điều cũng thành ra hay cả, người ta cứ phải khờ dại như lũ trẻ con, chỉ chủ lấy sự yên lặng là đủ. Nhưng đây là một cái lý-tưởng của một nhà triết-học, chứ vị-tất cái lý-tưởng ấy đã hợp với cái thực-tình về lẽ sinh-hoạt của loài người ta.

Ta nay xét sách của Lão-tử thì ta phải biết ý-kiến của Lão-tử mà thôi, còn cái ý-kiến ấy chưa hầu dễ đã đem ra thực-hành được. Mà nhất là ta sinh vào thời-đại « tru thắng, liệt bại » này mà lại cứ khoanh tay để mặc trời đất xui khiến thì có lẽ chẳng bao-lâu mà tiêu-diệt đến hết.

Có một điều ta nên biết là trước khi Lão-tử nói về Đạo và những cái huyền-đức của Đạo, thì ở bên Ấn-độ các nhà triết-học những học-phái *Vê-đa*, *Vu-panishad* và *Védanta* đã bàn-bạc về lẽ

trời đất, vạn-vật đều do một vật hỗn-nhất tự-tại gọi là *Brahma* hay là *Isvara* mà sinh ra. Bởi vậy, những người kè-cứu về Lão-học có nhiều người hồ-nghi rằng có lẽ Lão-tử tồ-thuật những cái tư-tưởng Ấn-độ, chứ không phải là một cái tư-tưởng gốc ở Tàu. Điều đó có lắm người tin là thực. Nhưng cứ như thiên-kiến thì chưa chắc đã là một lẽ hợp với sự thực, vì rằng phạm một cái tư-tưởng mà có thể lan sang khu-vực khác là thường do hai cơ: một là bởi sự giao-thông buôn bán, hai là bởi một cái mãnh-lực nó dun đầy như là sự chiến-tranh lược-địa. Thế mà xét từ đời Chiến-quốc về trước không thấy sách-vở nào nói rằng người Tàu đi lại với người Ấn-độ. Và lại xét cái địa-thể hai dân-tộc về thời bấy giờ, thì dân-tộc Ấn-độ chỉ quanh-quẩn ở trong khoảng sông *Indus* và sông *Gange* mà thôi, còn như dân-tộc Tàu thì chưa ra khỏi cái khoảng dưới lưu-vực sông Hoàng-hà. Những xứ ở về vùng phía tây quá tỉnh Thiểm-tây bấy-giờ một ít, đã cho là mọi-rợ rồi. Như vậy thì hai dân-tộc ấy giao-thông với nhau sao được? Chỉ lạ có một điều là cái tư-tưởng của những học-phái Ấn-độ và cái tư-tưởng Lão-học phỏng-phất giống nhau. Không biết có phải là cùng một ngọn gió phân ra làm đôi ngã, tuy hai bên không gặp nhau, nhưng nó cũng một gốc mà ra, hay là sự giống nhau đó là một cái ngẫu-nhiên mà thôi. Bởi vì sự đời thường có lắm cái ngẫu-nhiên nó làm cho cái lẽ-phải của người ta không biết đường lối mà lần, đến nổi thành ra lầm lỗi. Những lẽ đó ta chưa hiểu rõ, thì thiết-tưởng chớ nên quyết-đoán vội, để lúc nào có chứng-cớ xác-thực thì bấy giờ ta sẽ hay.

Nay ta hãy biết rằng Lão-tử là một nhà

(1) Đ. đ. k. chương 81.

đại-triết-học « lấy thâm - trầm làm căn-bản, lấy giản-ước làm thống-kỷ, là vì cái gì bền thì hay nát, cái gì nhọn thì hay gãy, cho nên cứ khoan-dung đãi-vật mà không trước-hại người nào. » Giá người đời chịu theo cái tôn-chỉ ấy thì có lẽ cũng bớt được nhiều điều tàn-ác bạo-ngược.

Những tư-tưởng của Lão-tử có lắm điều rất cao-kỳ, thực bên Nho - giáo không nghĩ tới. Cũng vì vậy cho nên về sau phàm những nhà Nho-học có tư-tưởng lỗi-lạc là cũng có Lão-học ít nhiều. Hễ ai không có Lão-học thì chỉ thấy bo-bo ở trong những sự tầm-thường trước mắt, bó buộc cái tinh-thần người ta vào cái lễ-nghĩa hẹp-hòi, chứ không có bay bổng lên tới chỗ cao xa mà ngắm cái cảnh - tượng của tạo-hóa, khiến cho lòng người có cảm-động về sự xoay vần của vũ-trụ. Mà cũng vì thế cho nên thường Nho-giáo vẫn bài-bác Lão-giáo, lắm lúc cái thế-lực của Nho-giáo rất mạnh, Lão-giáo vẫn cứ duy-trì được.

Đây là tóm-tắt cái lý - tưởng của Lão-tử đã bày tỏ ra trong sách *Đạo-đức-kinh*. Còn cái văn-từ của Lão-tử thì thật là văn-tắt. Lắm chữ nghĩa lộn quá, thành ra tối-tăm khó hiểu. Về sau người ta lại xếp ra thành chương thành mục, rồi mục nọ lẫn sang mục kia, làm cho lắm chỗ cái tư - tưởng không liên-lạc với nhau. Lại có những câu như 神谷不死。是謂玄牝。(1) cái thần ở trong khoảng trời đất không chết, cho nên gọi là « huyền-tân ». Huyền-tân là cái bí-mật nó sinh ra muôn vật. Hay là câu 專氣致柔能如嬰兒乎。(2), giữ cái khí hút vào trong người cho thành ra đứa anh-nhi, v. v. Những câu ấy ý-nghĩa rất tối, nhưng về sau những phái đạo-sĩ nhân

lấy những câu ấy mà làm cái căn-nguyên sự tu-luyện.

Lão-tử tây-du được độ chừng một trăm năm, thì có Liệt-tử và Trang-tử kế nhau ra đời và noi theo cái lý-tưởng ấy mà phụ-diễn cái tôn-chỉ ra một cách rõ-ràng hơn và bài-bác cái học-phái khác một cách rất kịch-liệt.

Liệt-tử tên là Liệt Ngự-Khẩu 列御寇, người nước Trịnh, thuộc về lĩnh Hà-nam bên Tàu bây giờ, sinh vào quãng đệ-ngũ đệ-tử thế-kỷ trước Thiên-chúa. Ngay ở đầu thiên *Thiên - thụy* sách *Liệt-tử*, chép rằng Liệt-tử ở cái lều gianh ở nước Trịnh hơn 40 năm mà không ai biết, vua quan đều cho như là một người thường-dân, không ai lưu-tâm đến. Phải một năm mất mùa, Liệt-tử phải bỏ sang nước Vệ, môn-đệ có người nói rằng : Nay tiên-sinh đi không biết đến bao giờ lại trở về, vậy tiên-sinh học được những điều gì xin dạy cho chúng tôi biết. Sau những môn-đệ chép lấy những lời thầy dạy làm thành quyển sách, tất cả chia làm tám thiên.

Cứ như Liệt-tử thì những lý-thuyết về Đạo đã có từ đời vua Hoàng-đế, bởi vậy Liệt-tử thường hay dẫn ở *Hoàng-đế thư*, chứ không nói đến *Đạo-đức-kinh* (3). Liệt-tử cũng nói như Lão-tử cho muôn vật đều bởi cái vô-hình vô-danh, nghĩa là bởi Đạo mà sinh ra, và lại giải-diễn ra có phần rõ-ràng hơn.

Trước hết Liệt-tử cho cái lý hồn-nhất là đầu cả mọi sự tạo-hóa. Vạn-vật đều do một vật mà sinh ra. « Cái vật nó sinh ra vạn-vật thì không có cái gì sinh ra được nó ; cái vật nó hóa được vạn-vật, thì không có cái gì hóa được nó. Cái vật mà không cái gì sinh ra được nó, nó cứ sinh sinh ra mãi ;

(1) *Đạo-đức-kinh* chương 6. — (2) *Đạo-đức-kinh* chương 10.

(3) Những câu 神谷不死是謂玄牝。玄牝之門是謂天地之根。v. v. đã thấy chép ở *Đạo-đức-kinh* của Lão-tử, thì Liệt-tử cho là ở trong *Hoàng-đế-thư*.

cái vật mà không cái gì hóa được nó, nó cứ hóa hóa đi mãi. Mà lúc đã sinh rồi thì cái gì đã sinh là cứ sinh mãi, không sinh không được; lúc đã hóa rồi thì cái gì đã hóa là cứ phải hóa mãi, không hóa không được. Bởi thế cho nên cứ sinh mãi, hóa mãi không lúc nào nghỉ. Cái sinh là âm-dương, cái hóa là tứ-thời. Cái sinh ra muôn vật đó hình như là độc-nhất mà cứ yên-lặng một chỗ; cái hóa muôn vật đó là cứ đi đi lại lại chuyển vần mãi. Cái khoảng đi lại ấy không bao giờ hết, cái đạo độc-nhất thì không bao giờ cùng được » (1).

Ấy cái lẽ sinh hóa là thế. Còn cái cuộc trời đất thì « phàm cái có hình là do cái vô-hình mà sinh ra, vậy trời đất sinh ra bởi cái vô-hình. Cái vô-hình ấy lúc đầu tiên là *thái-dịch*, nghĩa là lúc chưa có gì cả; thứ nhì là *thái-sơ*, lúc đầu mới có khí; thứ ba là *thái-thủy*, lúc bắt đầu mới có hình; thứ tư là *thái-tổ*, lúc bắt đầu mới có chất. Khi cái khí, cái hình, cái chất đã có đủ cả, nhưng chưa phân-ly nhau ra, thì gọi là *hỗn-luân*, nghĩa là lúc vạn-vật còn lẫn-lộn với nhau chưa phân rõ ra cái gì cả. Lúc *hỗn-luân* ấy tức là *dịch*; mà *dịch* là không có hình-tích gì cả, rồi sau mới hóa ra một, một hóa ra bảy, bảy hóa ra chín, chín là số cùng (2). Đến số chín lại lộn lại số một, vậy số một là cái khởi-diểm của các vật có hình. Lúc khí, chất đã thành, thì cái khí khinh-thanh lên làm trời, cái khí trọng-trọc xuống làm đất, hòa hai cái khí ấy thì làm thành người, bởi thế cho nên vạn-vật sinh-hóa là do cái tinh-khí của trời đất cả (3).

Trời đất và vạn-vật xoay vần ở trong vũ-trụ mệnh-mông vô-cùng vô-tận. Không biết thế nào là trước là sau,

không biết thế nào là còn là hết mà nói được. Xét về cái thủy cái chung, nghĩa là lấy thời-gian mà suy thì 物之終始。初無極已。始或爲終。終或爲始。惡知其紀。(4), cái thủy và cái chung của muôn vật vốn trước đã là vô-cực, hoặc cái thủy này là cái chung kia, hay là cái chung kia là cái thủy này, thế nào thì thật không biết đâu mà lần được.

Thời-gian đã vậy, không-gian cũng thế 無則無極。有則有盡。cái không thì không bao giờ hết, mà cái có thì thế nào cũng phải có cái số cùng. Tại sao mà biết? Tại lẽ rằng: 無極之外復無無極。無盡之中復無無盡。無極復無無極。無盡復無無盡。朕以是知其無極無盡也。而不知其有極有盡也。 ngoài cái vô-cực, lại có cái vô-vô-cực, mà trong cái vô-tận lại là cái vô-vô-tận. Đã vô-cực lại có vô-vô-cực, đã vô-tận lại có vô-vô-tận, thế cho nên ta biết được vô-cực vô-tận, mà không biết được hữu-cực hữu-tận vậy.

Vũ-trụ đã vô-cùng vô-tận, thì vạn-vật lớn nhỏ bao-bọc nhau, mà không bao giờ cùng-cực. Cái bao-bọc vạn-vật cũng như cái bao-bọc trời đất: cái bao-bọc vạn-vật vốn đã vô-cùng, thì cái bao-bọc trời đất cũng vô-cực. Ta biết đâu rằng ngoài trời đất lại chẳng còn có một trời đất lớn hơn nữa hay sao? Lấy lý mà suy thì thế, nhưng lấy cái hiện-hình mà trưng-nghiệm thì không thể sao được. Thế thì trời đất cũng là một vật, mà đã là vật là bất-túc 大小相含無窮極也。含萬物者亦如含天地。含萬物也故不窮。含天地也故無極。朕亦焉知天地之表不有大天地者乎。亦吾所不知也。然則天地亦物也。物有不足。(5). Bởi thế cho nên

(1) *Liệt-tử*: Thiên-thụy. — (2) Số bảy và số chín ở đây không rõ là bảy và chín gì. —

(3) *Liệt-tử*: Thiên-thụy. — (4-5) *Liệt-tử*: Thang-vấn.

trời đất cũng chưa dễ đã khỏi được cái vòng sinh-hóa. Ta nay biết rằng trời đất là cái khí tích lại mà thành ra; đối với không-gian thì chỉ là một vật rất nhỏ, nhưng mà đối với những vật đã có thì là một vật rất to 夫天地空中之一細物。有中之最巨者。 Vậy nên ta không biết thế nào mà đo lường được. Đời trước có người lo trời đất có ngày đổ nát mất. Liệt-tử nói rằng: « Bảo trời đất rồi có ngày đổ nát cũng là làm, mà bảo trời đất cứ mãi mãi không bao giờ đổ nát được, cũng là làm, đổ nát hay không đổ nát, mình biết thế nào mà nói? Vả chẳng, đổ nát hay không đổ nát, lẽ nào cũng thế cả, vì rằng cái sống không biết được cái chết, cái chết không biết được cái sống. Vậy thì trời đất đổ nát hay không, có việc gì đến ta mà ta lo? » (1).

Bởi cái lẽ sinh-hóa tuần-hoàn của trời đất, cho nên muôn vật cứ sinh ra rồi lại chết đi, chết đi rồi lại sinh ra, cứ như thế mãi, chứ không cái gì là cái đã sinh ra mà cứ sống mãi được, mà cũng không có cái gì đã chết rồi là hết được. Bởi thế ai muốn sống mãi và khỏi được cái chết là muốn một điều không bao giờ được, 欲恆其生。盡其終。惑於數也。(2). Đã hay rằng 壽者人之情。死者人之惡。(3), làm người thì ai cũng yêu cái sống mà ghét cái chết, nhưng phải biết rằng 死與生。一往一反。故死於是者。安知不生於彼。故吾知其不相若也。吾又安知營營而求生非惑乎。亦又安知吾今之死不愈昔之生乎。(4), cái chết với cái sống là một đi một về, cho nên biết đâu chết ở đây mà lại không sinh ra chỗ khác? mà có sinh ra chỗ khác thì biết đâu lại không sinh ra một cách khác, chứ không giống như bây giờ? Vả, ta lại

không biết rằng cứ bo-bo cầu sống là một điều làm hay sao? Và biết đâu là cái chết bây giờ là chẳng hơn cái sống lúc trước. — Vậy thì việc gì mà cứ lấy cái chết làm sợ?

Người ta thì có tinh-thần và hài-cốt 精神者天之分。骸骨者地之分。(5), tinh-thần là cái phần của trời cho, hài-cốt là cái phần của đất cho. Cái khí thanh của trời tụ hợp với cái khí trọc của đất mà thành ra người. Đến khi chết thì những cái khí ấy phân-li nhau ra, cái khí thanh lại trả về trời, cái khí trọc lại về đất 各歸其真。(6), đâu lại cứ gốc cũ mà về, chỉ có mất cái «ngã» nghĩa là cái nhân-cách riêng của từng người mà thôi. Người ta khi sinh ra cũng như là người ở nhà đi, mà khi chết cũng như là người trở về nhà, cho nên 古者謂死人爲歸人。(7) đời xưa bảo người chết là người về. Vả lại 人胥知生之樂未知生之苦。知老之憊未知老之佚。知死之惡未知死之息也。(8) người ta ai cũng biết cái vui của sự sống, chứ không biết cái khổ của sự sống; biết cái mệt của sự già, chứ không biết cái thong-dong của sự già; biết cái lo sợ của sự chết, chứ không biết cái nghỉ-ngơi của sự chết.

Vậy chết là về, chết là nghỉ, thế thì việc gì mà ta còn sợ hãi nữa? Huống-chi sự biến đổi của trời đất có cái gì là cái chốc lát mà thành ra đâu 凡一氣不頓盡。一形不頓虧。亦不覺其成。不覺其歸。亦如人。自世至老。貌色智態無日不異。皮膚爪髮。隨世隨落。非嬰孩時有停而不易也。間不可覺俟至後知。(9), phàm một cái khí cũng không đột-nhiên mà hết ngay, một cái hình cũng

không đột-nhiên mà hồng ngay, mà cái gì thành tự bao giờ, mình cũng không biết, cái gì hồng tự bao giờ, mình cũng không hay, nó cứ sinh hóa dần dần tự dẫu dẫu, chứ mắt mình có trông thấy được dẫu. Đòi người ta cũng vậy, từ lúc sinh ra cho đến lúc già, mạo-sắc trí-thái mỗi ngày một khác, da tóc móng tay móng chân cứ sinh ra, rụng đi, chứ không y-nguyên như lúc còn nhỏ được mãi. Những sự thay đổi đó nó cứ từ-từ mỗi ngày một tí, đến khi nó có phát-hiện ra thì mình mới biết mà thôi.

Vậy cái lẽ biến đổi là một cái lẽ tự-nhiên bao giờ cũng thế, không sao tránh khỏi; cái gì cũng đã có cái mệnh: 生生死死. 非物非我. 皆命也。(1), cái sống cái chết không phải là tại vật hay là tại ta, tại cái mệnh cả. Bởi thế cho nên ta cứ an-phận để mặc cái mệnh nó xui khiến ra thế nào, thì ta hay thế. Người ta sợ-dĩ không được an-nhàn, là vì có bốn điều: 一 爲壽

二 爲名. 三 爲位. 四 爲貨。(2) một là vì sự muốn thọ, hai là muốn danh, ba là muốn tước-vị, bốn là muốn giàu có. Giá mình không thiết đến bốn điều ấy, cứ theo cái mệnh đã định thì việc gì mà không an-nhàn sung-sướng. Người hiền-giả là người không biết gì đến thọ-yếu, danh-lợi, của-cái gì cả, chỉ đem cái thần-trí của mình mà hợp-nhất với Đạo, rồi vụ lấy sự an-dật là đủ. Không có cạnh-tranh, không có gây nên thù oán, không có khoe tài khoe năng, mặc ai ganh đua bôn-tẩu, mặc ai ý-quyền ý-thế, mình cứ giữ phận mình, rồi đến khi chết thì ai cũng như ai, Nghiêu Thuấn cũng như Kiệt Trụ, chết cũng hóa ra đồng xương hăm mà thôi, chẳng ai khác gì ai cả. Vậy thì ta hãy lo cái sự sống bây giờ, chứ không cần gì mà phải lo cái chết về sau 且趨常生 奚惶死後。

(Còn nữa)

TRẦN TRỌNG-KIM

## LƯỢC-KHAO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ<sup>(3)</sup>

### VI

#### LUẬT HÌNH

##### CHƯƠNG THỨ HAI.

##### Các thứ trọng-tội khinh-tội đối với tư-nhân.

Các thứ trọng-tội khinh-tội đối với tư-nhân là những thứ tội-phạm chỉ làm hại tư-nhân, phạm quyền-lợi cá-nhân mà thôi. Trong bài lược-khao về chương thứ hai này chia ra làm 3 tiết:

Tiết thứ I nói về Trọng-tội khinh-tội phạm thân-thể người.

Tiết thứ II nói về Trọng-tội khinh-tội phạm về tài-sản của người.

Tiết thứ III nói về Tội-phạm linh-tinh, nghĩa là những thứ tội phạm không thể xếp được vào hai tiết trên.

##### Tiết thứ I

*Trọng-tội khinh-tội phạm thân-thể người.*

§ I. — *Cố-sát — độc-sát — truy-thai — cố-ý dả - thương* (từ điều 179 đến điều 192 luật Hình).

(1) *Liệt-tử*: Lục-mệnh. — (2) *Liệt-tử*: Dương-chu.

(3) Xem *Nam-Phong* từ số 57 đến 61.

A. *Cố-sát (meurtre)*. — Chữ *sát*, *sát-nhân (homicide)* chỉ có nghĩa là giết người, nên chia ra : sự vô-ý giết người và sự cố-ý giết người.

Cố-ý giết người gọi là *Cố-sát (meurtre)*. Nếu lại dự-muru hoặc ần-phục mà giết người thì gọi là *muru-sát (assassinat)*.

*Nguyên-lý của tội cố-sát*. — Phải đủ cả các nguyên-lý sau này, mới gọi là cố-sát :

1<sup>o</sup>) *Một sự làm chết mạng người*. — Nghĩa là người đương sống mà làm chết ; nếu giết người đã chết rồi, thì thành ra một thứ trọng-tội khác, không phải là tội cố-sát.

2<sup>o</sup>) *Một sự hành - vi làm thành nguyên-nhân cho việc chết người*. — Hoặc *đánh* hoặc *làm thương* cho người ta chết, thế là do một việc *hữu-hình (fait positif)*. Cũng có khi do một việc *vô-hình (fait négatif)* thí-dụ như việc bắt người giam trái phép, đề nhện đói cho đến chết người ; lại như việc trông coi người ốm gặp khi cần phải cho uống thuốc mới sống được, mà lại bắt người ốm nhện thuốc đề đến chết, đều là những việc do sự vô-hình mà phạm tội cố-sát. — Nhưng trong những khi ấy phải xét xem những hành-vi có quả là cái nguyên-nhân làm cho đến chết người không ; nếu còn vì cơ khác mà chết, thì không thể buộc được tội cố-sát.

3<sup>o</sup>) *Sự làm chết người là do đích tại lỗi người bị can*. — Nguyên-lý này thì bằng-cứ ở sự có người làm chứng, hoặc do ở cái cách chứng-cứ khác, như là bằng cách y-thuật-giám-định.

4<sup>o</sup>) *Một sự cố-ý giết người*. — Nghĩa là người phạm lập-tâm làm chết, còn cái chủ-ý tại sao mà giết người thì không cần phải xét. Nếu phạm tội giết người mà không phải là cố-ý, thì thành ra vô-ý sát-nhân hay là cố-ý đánh người mà lỡ ra chết người cũng chỉ

là ngộ-sát. Lại như giết lầm người cũng vẫn là cố-sát, là vì lẽ rằng lập-tâm giết là phạm tội cố-sát rồi, tuy định giết người nọ mà lầm phải người kia, cũng vẫn là tội ấy. — Khi xét án, nên nhớ lệ tương-hành-vị-toại định trong điều 48 luật Hình cũng là lệ tưng-phạm định trong những điều 49, 53 luật Hình.

*HÌNH-PHẠT*. — Cố-sát mà không có tình-trạng gia-tội thì bị khổ-sai-chung-thân (điều 180 luật Hình).

Cố-sát mà thêm một trường-hợp trong điều 181 luật Hình thì bị tử-bình.

Trong điều ấy có giải nghĩa chữ *dự-muru* và *ần-phục* như sau này :

*Dự-muru* là trước khi phạm-tội đã quyết-ý xâm-phạm thân-thể người nào đã nhất-định hoặc xâm-phạm những người nào sẽ gặp đến, dầu sự quyết-ý xâm-phạm còn tùy một tình-trạng gì một điều-kiện gì, cũng vẫn là *dự-muru*.

*Ần-phục* là đợi người nào trong một địa-điểm hoặc nhiều địa-điểm mà giết hay là bạo-hành, dầu đợi lâu đợi chóng đều là *ần-phục*.

B. *Độc-sát (Empoisonnement)*. — *Độc-sát* là phạm đến sinh-mệnh của người bằng thứ vật-chất mà cái hiệu có thể làm chết người. Người nào tri-tình mà cố-ý bán thuốc-độc, thì phải bị nghĩ là *độc-sát tưng-phạm*.

Người nào chúc-sử người đệ-tam dầu chất độc có thể giết người, người đệ-tam cũng biết về cái hiệu giết người ấy mà cứ làm, thì người chúc-sử cùng người đệ-tam ấy đều cho là người phạm về tội *độc-sát* (điều 179 luật Hình).

Chiếu như điều luật Hình thì tội *độc-sát* có 3 nguyên-lý sau này :

1<sup>o</sup>) *Phạm đến tình-mệnh của người*. — Không cứ rằng cái độc-chất đã sinh hiệu làm chết người rồi mới có tội, vì

điều 179 chỉ định rằng: « Phạm đến tình-mệnh của người bằng thứ vật-chất mà cái hiệu có thể làm chết người. » Nghĩa là đã đầu thuốc-độc, tức là độc-sát. — Tuy người bị đầu-độc có nhờ duyên-cớ gì mà thoát chết mặc dầu, kẻ phạm cũng vẫn có tội. Nếu kẻ phạm mới lập-ý độc-sát mà thực chưa đầu độc-chất, thì mới là trưng-hành-vị-toại.

2<sup>o</sup>) *Bằng thứ vật-chất mà cái hiệu có thể làm chết người.* — Là tất cả vật-chất phạm vào trong mình là sinh chết người, không cần phải phân-biệt rằng cái vật-chất ấy làm chết ngay hay là lâu mới làm chết, vô-luận rằng cho người ta ăn uống vào miệng hay là hô-hấp vào mũi, châm-chích vào máu hay là dùng cách thế nào ám-độc đều là phạm tội độc-sát. Lại cũng không cần phải luận rằng đầu-độc một lần, hay là chia ra nhiều lần lật-vật mà làm dẫn cho chết, đều là phạm tội độc-sát.

Về tội độc-sát thì được dùng đủ các cách luật định để tra xét, song duy cách y-thuật-giám-định thì thường dùng hơn, nhưng cách ấy rất quan-trọng.

3<sup>o</sup>) *Cố-ý độc-sát.* — Thế nào biết rằng người phạm cố-ý độc-sát? Một là tri-tình nghĩ ra phạm, biết đích cái vật-chất đem đầu cho người có tính-chất là một vật độc đến chết người, hay là *dụng-tình*, nghĩa là người phạm cố-ý làm chết người ta. — Bởi thế cho nên khi nào gặp hai trường-hợp như sau này thì không phải là độc-sát :

a) là vì sự vụng-dại sơ-suất, bất-cần hoặc không tuân giữ qui-tắc của quan định mà lỡ làm cho người ta bị phải chất-độc đến nỗi chết : tội ấy tức là tội phạm định trong điều 197 luật Hình.

b) là vì người phạm không định ý làm chết người, nhưng định làm hại

sức khỏe người ta, thì chỉ phạm điều 192 luật Hình định như sau này :

« Người nào cố-ý đầu thứ dược-liệu không cứ dùng phương-pháp gì — tuy không phải là cái chất có thể giết người được, nhưng mà có hại đến sức khỏe của người, thì phải bị phạt giam từ 1 tháng đến 5 năm.

« Nếu người ta vì dùng thứ dược-liệu ấy mà bị-bệnh đến 20 ngày giở lên, hay là người hại là người tôn-thuộc, thì người phạm phải bị tội đồ », (điều 192 luật Hình).

C. *Trụy-thai (avortement).* — Người nào dùng các chất độc hay là dùng phương-pháp khác thực-hành hoặc dự-hành cốt làm cho đàn-bà trụy-thai, thì không cứ người đàn-bà ấy có thuận-tình hay không, người phạm cũng bị khổ-sai có kỳ.

Người đàn-bà hoặc bằng lòng dùng phương-pháp của người khác bảo, hoặc tự dùng phương-pháp của mình, để phá-thai mà thành ra trụy-thai, thì cũng phải chịu hình-phạt như trên. Nếu thai chưa trụy thì phải tội đồ (điều 187 luật Hình).

D. *Cố-ý đả-thương (coups et blessures volontaires).* — Luật Hình không giải rõ thế nào là *đả* (đánh người) và *thương* (làm cho người ta bị-thương). Song cứ chiếu như ý nghĩa trong những điều 189-190-191 luật Hình thì những sự đả-thương tức là những việc bạo-hành không có ý-tứ làm cho chết người.

Những việc bạo-hành ấy có thể chia ra làm ba hạng :

1<sup>o</sup>) *đánh mà làm thành thương-tích* tức là thương (*blessures*) nghĩa là dùng vật gì xâm-phạm đến thân-thể người ta làm cho sây da, chảy máu, làm đau làm sai xương thịt gân da người ta ;

2<sup>o</sup>) *Đánh mà không có thương-tích* tức là đả (*coups*) nghĩa là động chạm đến thân-thể làm cho người ta bị đau, mà nhiều khi không có thương-tích;

3<sup>o</sup>) *Bạo-cử, bạo-hành* (*violences ou voies de fait*) thì chỉ là những việc đánh đấm hoặc bạo-hành tầm-thường mà không phải là *đả-thương*. Bởi thế nên trong điều 189 luật Hình định rằng: «... hoặc dùng cách bạo-cử khác mà không có thể cho là sự bạo-hành tầm-thường», điều luật ấy định tương như thế là cốt để trị tội kẻ bạo-hành phạm đến thân-thể người ta mà lại vừa để trị tội kẻ dùng cách hung-hãn khoa-trương làm cho người kinh-hãi, như gươm dao khoa-trương, cầm súng nhằm dâm-dọa người ta, vân vân.

*Nguyên-lý của tội đả-thương bạo-cử :*

1<sup>o</sup> Một việc thực-hành đả - thương bạo-cử.

2<sup>o</sup> Một việc cố-ý, vì vậy trong điều thứ 189 luật Hình phải đề chữ « người nào cố-ý... »

§ II. — *Dọa người — Lưu-trữ thuốc độc*, (từ điều 193 đến điều 194 luật Hình).

Chữ dọa, dâm-dọa, dọa người, hách-truật (*menaces*) theo nghĩa thường thì trở về cái việc mình dọa trước người nào nói định làm điều bạo-ngược hại người ta, để cho người ta sợ mình. Nhưng mà luật trị-tội là chỉ trị về sự làm cho người ta sợ hãi phải bị ức-hiếp, chứ còn cái sự mới có ý làm điều bạo-ngược thì chưa đủ trị tội. Về cách luận tội thì trong điều 193 có định sai-cấp nặng nhẹ khác nhau.

§ III. — *Giết người đánh người bị thương và độc-sát mà không phải là cố-ý*, (từ điều 195 đến điều 197 luật Hình).

Người nào vì vụng dại sơ-suất, bất-cẩn hoặc không tuân giữ qui-tắc của

quan định, không phải là cố-ý giết người mà đến nỗi làm chết người hay là làm cái nguyên-nhân cho sự làm chết người, thì phải giam tù 2 tháng đến 2 năm và phạt bạc từ 20 đồng đến 200 đồng, (điều 195 luật Hình).

Người nào vì sai lầm hoặc sơ-suất bất-cẩn mà vô-ý đầu cái chất có độc hoặc chất có hại đến sức khỏe của người làm cho người nhân đó đến chết hoặc sinh-bệnh, thì tùy theo trường-hợp, chiếu hình-phạt điều 196 mà nghĩ tội (điều 197 luật Hình).

Chiếu như điều luật trên này, thì tội vô-ý sát-nhân có 3 nguyên-lý sau này:

1<sup>o</sup>) *Một việc làm chết người.* — Người bị-hại có bị chết thực sự thì kẻ phạm mới bị khép vào điều 195 là thuộc tội vô-ý sát-nhân. Nếu không đến chết người thì lại ra tội khác.

2<sup>o</sup>) *Một sự lỗi của người phạm.* — Bởi vì có lỗi mới thành ra phạm luật Hình; cái lỗi ấy: hoặc là do sự *vụng dại*, thí-dụ như người đánh xe, người tài-xế chưa đủ tư-cách mà ra đánh xe vụng máy dễ xảy ra đến chết người; hoặc do sự *sơ-suất* như người đứng xây nhà không phòng-bị làm dóng tử-tế dễ xảy ra ngã chết thợ-thuyền, hoặc do sự *bất-cẩn*, thí-dụ hoặc quên không chịu phòng-bị hoặc biết mà không chịu làm hoặc do sự *không tuân qui-tắc*, chữ qui-tắc đây nên hiểu nghĩa rộng.

3<sup>o</sup>) *Sự chết chính bởi tại lỗi người phạm mà ra.* — Nghĩa là nếu người bị-hại bị-chết không phải là tại cái lỗi của người phạm thì không thì được điều luật 195.

Phân-biệt sự vô-ý sát-nhân, sự cố-ý đả-thương mà làm chết người và sự cố-sát :

1<sup>o</sup> — Vô-ý sát-nhân là nguyên không hề có lập-tâm đánh, giết người,

chỉ vì sự lỡ ra mà làm chết người, (điều 195 luật Hình).

20 — Cố-ý đả-thương, mà làm chết người là khi người phạm chỉ lập-tâm đánh đau, không ngờ đến nỗi chết người (điều 190 đoạn thứ 2 luật Hình).

30 — Cố-sát là khi người phạm lập-tâm làm chết người (điều 179 đoạn thứ 1 luật Hình).

*Những người bị can-trách về hình-sự.* — Nhân trên này nói về tội vô-ý sát-nhân tưởng nên nhắc đến cái lệ « Những người bị can-trách về hình-sự » định ở trong chương thứ IX luật Hình. — Lệ ấy hiện đã giải-thích trong thiên thứ nhất, chương thứ ba, tiết thứ 1 trong bài lược-khảo về luật Hình này.

§ IV. — *Thông-gian — cưỡng-gian — dâm-thông — song-hôn* (điều 198-205 luật Hình).

Tự-cổ chi-kim nước nào cũng phải giữ lấy cương-thường làm gốc; luật phép đặt ra cũng là để bắt-buộc người ta phải giữ cương-thường, vì lẽ ấy nên tội « dâm » là tội tổn-hại cương-thường không những bị Tôn-giáo cho làm tội đầu mọi điều ác (*Dâm vi chư ác thủ*) mà cả pháp-luật cũng bắt tội cho làm tội bại-hoại phong-hóa. Kể về tội dâm có nhiều cách thậm-tệ, hễ phong-tục suy thì nhiều dâm-phong. — Nhưng pháp-luật chỉ có thể trừng-phạt những tội dâm phạm đến đạo vợ-chồng, phạm đến tuổi trẻ, phạm đến luân-thường trong gia-tộc, phạm đến sự trinh-tiết của người đàn-bà, hay là những tội công-nhiên hành-dâm, cưỡng-bách hành-dâm; còn những dâm-phong u-ám của những loài vô-giáo-dục thì pháp-luật không thể phòng-phạm tới được; những kẻ ấy đã có tòa-án lương-tâm trị-tội hoặc bị công-chúng mỉa-mai thì cũng như bị pháp-luật bắt tội.

*Giải nghĩa mấy chữ trong tiết thứ IV chương thứ XIX luật Hình.*

**THÔNG-GIAN** (*adultère*) — Người nào đã giá-thú mà lại có ngoại-tình là phạm tội thông-gian.

**CƯỜNG-GIAN** (*viol*) — Là cưỡng-bách đàn bà để mà hành-dâm.

**DÂM-THÔNG** (*fornication, relations coupables avec les femmes*) — Chữ dâm-thông là chữ thông-dụng cho chung tất cả mọi việc dâm-ô trái phép.

**LOẠN-DÂM** (*rappports incestueux*) — Là trong họ-hàng dâm-thông với nhau làm loạn luân-thường.

**SONG-HÔN** (*Bigamie*) — Hoặc trùng-hôn nghĩa là đã có chồng rồi lại lấy chồng nữa, đã có vợ cả rồi lại lấy vợ cả nữa.

§ V. — *Trái phép bắt người giam người đỡ người đem đi*, (điều 206—213 luật Hình).

*Trái phép bắt người giam người.* — Người nào không phải là công-chức có quyền cũng không phải là lúc luật cho phép được làm mà tự-tiện bắt giữ người ta, thì gọi là bắt người trái-phép; nếu mà tự-tiện giam-hãm người ta, cấm không cho xuất-nhập thì gọi là giam người trái phép. Như thế là vì không có quyền và không phải là lúc luật định mới thành ra trái phép, bây giờ thí-dụ người nào tự-tiện bắt kẻ đương-trường phạm tội giải đến cửa quan, hay là cha mẹ vì con hư mà xin tổng-giam con, thì có trái phép không? không trái phép, vì hai việc ấy trong luật có định.

*Các tội khác định trong tiết thứ V. — chương thứ XIX luật Hình.*

Luật lại định phạt những tội đỡ-bắt đàn-bà trẻ-con đem đi nơi khác, hay là âm-dẫn trẻ-con vị-thành-đình ra khỏi xứ Bắc-kỳ, hay là bắt người đem cầm bán (từ điều 208 đến 213 luật Hình).

§. VI. — *Bức-tử* (điều 214 Luật Hình).

Người nào ức cho người ta phải tự-tử thì phải xử theo tội trùng-trị; nếu người phạm tội đối với người tự-tử là người có chức-quyền hay là về hàng con cháu, thì sẽ bị xử theo trọng-tội.

§. VII. — *Mạ-ly, hủy-báng* (điều 215-223 luật Hình).

Người nào tá-sự mà nói phao để làm cho mất danh-dự hoặc giá-trị của người ta, thì gọi là hủy-báng (*diffamation*).

Người nào lấy lời vũ-nhục khinh-mạn và thô-bỉ mà nhiếc người ta, thì gọi là mạ-ly (*injure*) (điều 215 Luật Hình).

Luật Hình (từ điều 216 đến 223) đã chia rõ ra từng trường-hợp để định tội phạt nặng nhẹ là tùy theo với sự hủy-báng mạ-ly công-nhiên hoặc không công-nhiên hay là đối với người công-chức đương làm công-vụ hoặc đối với người thường, hay là do người trong họ bề dưới đối với bề trên.

§. VIII. — *Vu-cáo — Nặc-danh đầu-thư — Giả-chứng — Toa-tụng*, (từ điều 224 đến 236 luật Hình).

*Vu-cáo (dénouciation calomnieuse)*. — Phạm thấy kẻ bất-lương thực phạm trọng-tội, khinh-tội, thì quốc-dân ai cũng được phép cáo quan. Nếu vì lòng ngay đi cáo một việc không có mà làm tưởng là thực, thì chỉ bị bồi-thường mà thôi.

Nhưng mà kẻ nào do ác-y giả-trá cáo cho người ta phạm tội, thì gọi là vu-cáo. — Các nguyên-lý của tội vu-cáo như sau này :

- a) Một việc thực-sự đầu-cáo.
- b) Sự đầu-cáo là vu-trá.
- c) Cố-y hãm người vào tội.

*Nặc-danh đầu-thư (lettres anonymes)*. — Người nào tự mình hoặc bảo người, gián-yết-thị hay là gửi thư cho quan-

chức để cáo-giác một người hoặc nhiều người, mà giấu họ tên của mình không nói rõ — không cứ là dùng phương-pháp gì, — nếu xét ra sự cáo-giác ấy không có sự thật, thì chỉ một sự nặc-danh giả-cáo ấy cũng phải bị phạt-giam từ 6 ngày đến 2 năm và phạt bạc từ 7 đồng đến 200 đồng, hoặc hai thứ chỉ phải chịu một; nếu sự cáo-giác là sự vu-cáo, thì lại phải bị tội vu-cáo nữa, (điều 227 luật Hình).

*Giả - chứng (Faux témoignage)*. — Người nào bị đòi ra làm chứng về việc kiện dân-sự hoặc hình-sự mà dụng-tình khai ra những lời không thật, thì cho là phạm về tội giả-chứng. — Chiếu như điều 229 luật Hình, thì phải đủ các nguyên-lý sau này, mới gọi là phạm tội giả-chứng.

a) Khai ra ở trước mặt quan thẩm-phán.

b) Đứng khai làm chứng.

c) Khai ra những sự không thực.

d) Khai ra trong khi đã cam-đoan nhận trách cung-khai cho đến trước khi xong việc hỏi-chứng hoặc trước khi xong việc công-phán mà thủy-chung không chịu thú thực.

e) Cố-y để lừa dối quan thẩm-phán hoặc bênh-vực hay là hãm-hại người đương-sự.

§ IX. — *Cáo-tố thân thuộc* (điều 236 luật Hình)

Người nào cáo-tố ông, bà, cha, mẹ, đều cho là bất-hiểu, phải bị tội đồ; trừ khi nào nhân các đảng thân-thuộc ấy có phạm trọng-tội đối với nhà-nước hoặc đối với Chánh-phủ Bảo-hộ; hay là nhân thân - mẫu giết thân-phụ; hoặc người thân-thuộc thân-sinh của mình giết bố mẹ nuôi của người thân-thuộc ấy; hay là nhân cái người thân-thuộc ấy làm sự bạo-hành rất tàn-giặc đối với đũa-ấu-tiêu chưa đủ 16

tuổi sợ e có ngày đến tính-mệnh ; mà cáo-tố, thì không có tội, (điều 236 luật Hình)

Điều luật trên này là làm theo phong-tục Việt-Nam, nguyên là tham chiếu điều 306 luật Gia-Long.

§ X. — *Bình-khí và quân-hỏa.* — Tạo-tác hoặc lưu-trữ những đồ-vật dùng để giết người hoặc để đốt-phá hoặc để tạc-liệt.

Nhà-nước đối với dân phải có cái trách-nhiệm bảo-thủ trị-an, cho nên cần phải định ra qui-tắc về bình-khí quân-hỏa, là những vật quốc-cấm, về vật quốc-cấm ấy, trước hết phải có *phép quan* mới được tạo - tác thương-mại, huê-đái vân vân. — Khi đã được phép rồi lại phải *theo qui-tắc của quan-định* ; luật Hình Bắc-kỳ chỉ qui-định một cách đại-cương mà trừng-phạt vì sự không có phép quan ; còn qui-tắc trường-tế, thì gần đây có đạo sắc-lệnh quan Tổng-thống Đại - Pháp ngày 21 tháng tư năm 1918 thi-hành cho tất cả nhân-dân Đông-Pháp (*Décret du 21 Avril 1918 promulgué par arrêté du Gouverneur Général du 12 Août 1918 (Journal officiel du 28 Août 1918).*)

§ XI. — *Mai-tàng-trái-phép.* — Xâm-phạm phần-mộ của người. (điều 243-248 Luật Hình)

Luật phải qui-định hình-phạt về những hành-vi thuộc về những việc mai-tàng phần-mộ, là trước muốn để giữ vệ-sinh chung cho quốc-dân, sau là muốn bắt người ta phải trọng sự tin-ngưỡng theo tôn-giáo của dân bản-xứ, sau nữa đối với đế-vương lăng-tẩm mà có định lệ riêng là có ý tôn-trọng quốc-thể và bảo-tồn cổ-tích.

## TIẾT THỨ II

*Các thứ trọng-tội khinh-tội phạm về tài-sản của người.*

§ I. — *Đương đêm vô-cố vào nhà người ta.* (Điều 249 luật Hình).

Điều luật này đặt ra là để phòng kẻ gian.

§ II. — *Đạo-thiết* (250-258 l. H.).

Người nào vì gian-tâm mà cắp lấy tài-sản gì không phải của mình là phạm tội đạo-thiết (điều 250 luật-Hình). Cái tội phạm ấy ta thường gọi nôm là tội ăn-cướp, ăn-trộm, ăn-cắp, chiếu luật thì có khi là trọng-tội có khi là khinh-tội, cũng có khi chỉ là tội vi-cảnh.

Nhưng vô-luận là về hạng tội phạm nào, phải đủ 3 nguyên-lý sau này, mới buộc được là tội đạo-thiết :

1o) *Một sự cắp lấy.* — Cái điều đặc-biệt của tội đạo-thiết là sự nhân khi người ta không biết hoặc bắt ép người ta mà bắt lấy, giạt lấy, cắp lấy, trộm lấy, cướp lấy vật gì đem đi để làm cho của người sang của mình. — Cứ suy như thế thì tội đạo-thiết phạm về động-sản cũng được, phạm về bất-động-sản cũng được ; nhưng thuộc về bất-động-sản, thì tất phải là vật bắt lấy được nghĩa là đã do người phạm tội đạo-thiết làm thành động-sản rồi.

Tội đạo-thiết khác với tội biền-thủ và tội bội-tín, là vì lẽ rằng người bị-hại về tội đạo-thiết thì tự mình không bằng lòng đưa của ra, mà tội biền-thủ và tội bội-tín thì người bị-hại tự mình bằng lòng đưa của ra.

2o) *Tài-vật không phải của mình.* — Tất phải là vật của người, nếu vật của mình thì không phải là phạm tội đạo-thiết.

Nhưng của mình đã trao thành của người rồi mà lại trộm lấy lại, thì phạm tội đạo-thiết.

3o) *Vì gian-tâm.* — Vì gian-tâm mà cắp lấy mới thành ra tội đạo-thiết. — Gian-tâm nghĩa là *tri-tình* rằng vật

cắp lấy không phải của mình và *dụng-tình* lấy đi trong khi người ta không biết hay là *dụng-tình* bắt-ép mà lấy. Người phạm đã *dụng-tình* lấy đi là phạm tội *đạo-thiết*, không luận rằng vì lòng tham cầu lợi, hay là báo-thù, hay là làm hại người ta thế nào, đều là phạm tội *đạo-thiết*.

*Phân-biệt các tội đạo-thiết.*

Luật Hình (từ điều 251 đến điều 258) đã chia làm từng trường-hợp rõ-ràng và định hình-phạt *tình-vi*. Trong bài lược-khảo này chỉ tóm đại-ý như sau này :

A. — *Tội ăn-cắp-vật xử theo hình vi-cảnh*, (điều 258 luật Hình).

Nếu phạm tội *đạo-thiết* mà không có *tình-trạng gia-tội* (nghĩa là không mang khí-giới không đi nhiều người, không xuyên-tạc, không bạo-hành vân vân...) và cái giá-ngạch đồ-vật bị *đạo-thiết* không quá 2 đồng bạc, thì người phạm sẽ do tòa sơ-cấp chiếu chương thứ I trong luật Hình-sự-tổ-tụng và chương *vi-cảnh* trong luật Hình mà nghĩ - xử theo tội-phạt *vi-cảnh*, (nghĩa là bị phạt-giam từ 1 ngày đến 5 ngày và phạt bạc từ 2 hào đến 6 đồng - bạc hoặc hai thứ chi phải chịu một).

B. — *Tội ăn-trộm thường xử theo hình khinh-tội*.

Nếu phạm tội *đạo-thiết* định trong những điều 254, 255, 256 nghĩa là tội ăn-trộm nào không thể xử làm *vi-cảnh* được, mà lại không có *tình-trạng* gì khác nên *gia-tội*, thì người phạm sẽ bị xử phạt theo hình *khinh-tội* (nghĩa là phạt-giam có kỳ và phạt bạc), nhưng cũng có thể bị *quản-thúc* (điều 257. luật Hình)

C. — *Tội ăn-trộm nặng, ăn - cướp xử theo hình trọng-tội*.

Nếu phạm về tội *đạo-thiết* định trong điều 251, 252, 253, nghĩa là ăn-trộm vào nhà ra to, dùng cách tàn-bạo, lập-mưu giả dối, ăn - cướp đi nhiều người, mang khí-giới đi phá nhà cửa, đánh người, lấy đồ Tôn-miếu quốc - triều, công-sản vân vân, thì người phạm sẽ bị xử phạt theo hình *trọng-tội* (khổ-sai trung-thân, khổ-sai có kỳ, đồ-dịch).

§ III. — *Thân - thuộc trộm cắp lẫn nhau — Sự lấy trộm được miễn-tội*. (từ điều 259 đến điều 261 luật Hình).

Luật định rằng *thân-thuộc* (là những người như thế nào đã định rõ trong những điều 259, 260) trộm cắp lẫn nhau mà được *khinh-giảm* hoặc *miễn-tội* là ý muốn cho người ta không phải *đề* thương *tình huyết-nhục* và giữ cho trọn cái lệ *cộng-sản* trong *gia-đình*. — Những người ngoài làm *cộng-phạm* hoặc *tòng-phạm* thì vẫn bị tội (điều 259, 260 đã định rõ hình-phạt).

Còn cái lệ *miễn-tội* định trong điều 261 là có ý *khoan-thứ* đối với người nghèo lỡ phải lấy trộm.

§ IV — *Sự hành-vi trái phép đối với người mắc-nợ — Đánh mất những đồ-vật bị sai-áp — Bức-hiếp người ta để sách lấy của hoặc bắt ký tên*. (từ điều 262 đến điều 266 luật Hình)

Các điều luật trên này là để *trừng-trị* những người chủ - nợ bắt nợ trái phép, những người *mắc-nợ* đánh tháo những đồ vật của mình đã bị *sai-áp* và những người *bắt-lương* dùng cách *vũ-phu* để sách-thủ *tiền-tài* hoặc *bắt ép* người ta phải ký tên.

§ V. — *Biên-thủ và tội trá-ngụy khác* (từ điều 267 đến 272 luật Hình).

BIÊN-THỦ. — *Biên-thủ* khác với *đạo-thiết* vì lẽ rằng kẻ phạm tội *biên-thủ* không có dùng cách *bạo-hành* nhưng mà dùng cách *qui-trá* để làm cho người

bị biên-thủ tự mình bằng lòng đem của giao ra cho người. — Chiều như qui - định điều 267 thì phải đủ ba nguyên-lý sau này mới khép được vào tội biên-thủ :

10) *Dùng cách quỉ-trá.* — Như tên giả (hoặc tên đặt hoặc tên mượn), chức-vụ giả (trả xưng là quan là có họ), quỉ-kế (mưu-mẹo lừa-dối), trá-ngôn.

20) *Khiến người ta giao văn-thư tiền-tài cho mình.* — Tất người phạm có lập-tâm để định lấy hoặc đã lấy tiền-tài, văn-thư, khế-ước hoặc của-cải gì mới thành ra tội biên-thủ.

30) *Dụng-tình gian-trá.* — Tất kẻ phạm biết rõ rằng là tên giả, quỉ-kế, vân vân, mà lại dụng-tình lừa người lấy của, thì mới phải bị xử phạt theo tội biên-thủ.

TỘI TRÁ-NGUY KHÁC. — Những tội trá-ngụy khác, như dùng dị-đoan làm mê-hoặc nhân-tâm, dùng quỉ-kế để lãnh lấy cái bản-thân-phiếu về tư-phát-lý-lich của người khác, vì bụng gian mà tái-phát-mại những của-cải đã phát-mại rồi, gian khai rằng nghèo để xin tư-pháp hỗ-trợ, thì đều định phạt trong những điều 269, 270, 271, 272.

§ VI. — *Thiện-thủ hoặc bội-tín* (từ điều 273 đến điều 275 luật Hình).

*Tội bội-tín định trong điều 273.* — Cái tội thiện-thủ hoặc bội-tín định trong điều 273 khác với tội đạo-thiết, vì lẽ rằng người phạm tội bội-tín, thì không lấy vụng-trộm, mà những tài-vật bị thiện-thủ là do người-chủ bằng lòng giao cho ; lại khác với tội biên-thủ vì lẽ rằng về tội biên-thủ thì người phạm dùng cách trá-ngụy mà lấy của người ; còn về tội bội-tín, thì chỉ dùng sự hợp-đồng do hai bên thuận-nguyện mà thiện-thủ của người. — Chiều như qui-định điều 273, thì

phải đủ mấy nguyên-lý sau này mới khép được vào tội bội-tín :

A) *Phải có sự hợp-đồng trước, nghĩa là ước-định trước.* — Người phạm là một hạng người đi thuê-mướn hoặc thụ-thác, hoặc đại-quyền, hoặc điền-chất, hoặc tá-dụng, hoặc khoán-thủ vật sai-áp, hoặc nhận-lĩnh sự công-tác — không cứ sự công-tác ấy có tiền công hay không — để nhận tiền bạc, vật có giá, đồ thực-liệu, hóa-hạng, súc - vật, khí-cụ hay là đồ động-sản khác, hay là văn - thư khế - khoán có nghĩa-vụ, có nhả-trách, và những bao-bì có thư hoặc có việc — không cứ bao-bì ấy có niêm-phong hay không — mà đã có ước-định phải giao-giả, hoặc phải trình ra, hoặc phải ứng-dụng việc gì nhất-định (điều 273 luật Hình).

B) *Phải có sự thiện-thủ hoặc dụng-ý đánh mất.* — Người phạm tất dụng-tình gian-tham lấy đi hoặc đánh mất đi ; vả lại tất người chủ đã đòi mà quyết không trả.

C) *Phải có người bị hại.* — Người phạm được lợi hay không, luật không kể đến ; nhưng thiện-thủ đi mà để người chủ có bị hại, là phạm-tội.

D) *Phải có tài-vật bị thiện-thủ.* — Điều 273 đã kể rõ, nhưng tóm lại, thì : một là động-sản hữu - hình thường dùng ; hai là vô-hình-sản, như văn-thư, khế-khoán, mà lấy đi thì có thể làm hại cho người chủ.

*Tội bội-tín định trong điều 275.* — Cái qui-định về tội thiện-thủ định trong điều 275 là cốt để trừng-trì những kẻ đầy tớ, người làm-công lừa thầy nhận tiền công trước rồi lấy trốn đi không làm theo lời ước.

§ VII. — *Hữu-ý hoặc cô-ý phóng hỏa.* — *Phá-hủy vật kiến-trúc và tài-sản khác.* — *Ấn-cư-ốp,* — *Dùng cách hung-hãn mà kháng-trở việc công-tác*

của quan (từ điều 276 đến điều 294 Luật-Hình).

— § VIII. — *Hủy-hoại ruộng-nương cây-cối.* — *Ném bậy những vật ngạnh-chất hoặc vật ó-uế.* — *Giết, làm bị thương những voi, ngựa, trâu, bò và loài gia-súc khác* (từ điều 295 đến điều 304 luật Hình).

— § IX. — *Đánh-bạc, đánh-số, cầm-đồ* (từ điều 305 đến điều 306 luật Hình).

— § X. — *Các thứ tội-phạm về việc thương-mại, công-nghệ* — *Bán hàng mà lừa dối về hàng-hóa* — *Bán hàng mà dùng những đồ cân, đồ đo, đồ lường giả-dối* — *Dùng cách trái phép làm cho lên xuống giá bán, tiền công* (từ điều 307 đến điều 309 luật Hình).

Các điều khoản trong luật Hình, từ điều 276 đến điều 309 mà ở trên đã kê ra đề-mục, đều là những qui-định minh-bạch, không có chữ-nghĩa gì cần phải chú-thích.

### TIẾT THỨ III

#### Tội phạm linh-tinh

*Các tội trá-ngụy về sự khảo-thí, sự bầu-cử và sự tư-phá-phát-mại.*

*Trá-ngụy về sự khảo-thí.* — Lệ đặt phạt về tội này đã có sẵn trong bộ luật Hình năm 1917; nhưng khi tăng-san lại bộ luật Bắc-kỳ, nhân Hội-đồng làm luật thấy nhiều quan Chánh-thâm-phán các tòa-án-tỉnh kêu rằng chiếu luật năm 1917, thì hình-phạt về tội ấy nặng quá, thành ra nhiều khi phải đình-cử, hoặc tiện thì chỉ đề-thỉnh-trừng-phạt theo lệ hành-chánh mà thôi; vả nhân xét ra bây giờ thi-hương bãi rồi, thì cũng không cần phải phạt nặng như trước nữa: vì lẽ vậy nên về tội ấy trong bộ luật mới định tại hình-phạt nhẹ hơn, chỉ phạt bằng hình-phạt trong luật Đại-Pháp mà thôi.

*Trá-ngụy về sự bầu-cử.* — Lệ phạt về tội này đặt ra là để trừng-trị những người muốn ra làm lý-trưởng, chánh-phó-tổng, mà dùng cách hối-lộ để cho người ta bầu cho mình (điều 312 luật Hình). — Điều 313 thì phạt kẻ đi bầu-cử mà lợi-dụng người dốt để viết tráo tên người nọ ra tên người kia.

*Trá-ngụy về sự tư-pháp phát-mại.* — Lệ-phạt về tội này đặt ra là để trừng-phạt những kẻ nhân khi tư-pháp phát-mại tự ra mua rồi không trả tiền hiện-ngân, làm cho phải phát-mại lại. Như thế há chẳng là một sự giả-dối (trá-ngụy) mà lại là một sự khiếm-nhã với người chức-dịch đứng phát-mại hay sao? Vậy phải định ra điều luật để trừng-trị.

### CHƯƠNG THỨ BA

#### Tội phạm đặc-biệt

Chương tội-phạm đặc-biệt này tức là nói về chương thứ XIV trong luật Hình: « các người quốc-dân An-Nam sung làm quân-biên binh-tốt về ngạch khố-xanh, ngạch lính-cơ và ngạch cảnh-binh khác, phạm tội trong khi tại-ngũ » (từ điều 111 đến điều 145 luật Hình).

Chương này nguyên là theo bản chỉ-dụ ngày 18 tháng 8 năm Khải-dịnh thứ 3 (25 Juillet 1918); trong bản chỉ-dụ ấy trước có nói để bỏ - khuyết cho luật Hình và đặt vào sau chương « Công-chức phạm-tội ».

Chương này định về tội phạm đặc-biệt, nghĩa là chỉ thi cho những người quân-biên binh-tốt về ngạch khố-xanh, lính-cơ và ngạch cảnh-binh khác (thí dụ lính-dống) trong khi tại-ngũ mà thôi. Vả chiếu theo đoạn cuối - cùng điều 145, có định rằng: « Các điều-khoản trong chương này không hề trở ngãi đến lệ định về thẩm-quyền ở điều thứ 1 trong luật Pháp-viện-biên-chế; và cũng không can-ngại đến qui-tắc về

quân - kỹ ở trong các ngũ khố-xanh, lính-cơ ».

Nghĩa là chương này thì định về hình-phạt thì cho những người quốc-dân An-Nam về ngạch khố-xanh và các ngạch lính đã nói ở trên ; điều thứ 1 trong luật Pháp-viện-biên-chế, thì định thẩm-quyền đối với tất cả quốc-dân An-Nam ở Bắc-kỳ (nhưng có trừ ra những quốc-dân An-Nam thuộc về ngạch-lính thuộc-địa theo như đã định trong đoạn cuối điều ấy). Còn qui-tắc về quân-kỹ ở trong các ngũ khố-xanh lính-cơ, tức là lệ riêng của quan trên đặt ra để giữ trật-tự trong trại-ngũ, không phải như hình-phạt trong luật Hình.

Chương tội phạm đặc-biệt này chỉ thì riêng cho một hạng người quân-biên binh-tốt, mà chỉ thì trong khi tại ngũ ; như thế tất là ít khi dùng đến, và ý-nghĩa cũng đã rõ lắm, có chữ nào khó thì luật có thích cả nghĩa (thí-dụ phản-ngịch, điều 144, kháng-mệnh ; quốc-nội đào-quân, điều 125, vân vân). Còn những chữ thường thì đã thích nghĩa trong các chương khác. Vậy trong bài lược-khảo này tưởng không cần phải chú-thích thêm nữa.

## CHƯƠNG THỨ TƯ

### Nói về vi-cảnh

*Nghĩa chữ vi-cảnh.* — Theo nghĩa rộng, thì vi-cảnh là tội-phạm bị nghi phạt theo hình cảnh-sát (điều 1 luật Hình) ; theo nghĩa hẹp, thì vi-cảnh là gồm tất cả những việc phạm vật đã liệt-kê trong chương vi-cảnh luật Hình mà bị phạt giam từ 1 ngày đến 5 ngày và phạt bạc từ 2 hào đến 6 đồng, hoặc hai

thứ chỉ phải chịu một ; về tội vi-cảnh lại có khi phải gồm trừng-trị theo điều 27 luật Hình, nghĩa là khi cần đến lại phải tịch-một các đồ vật trái phép, các vật sinh ra bởi tội phạm và các đồ đã dùng hoặc định dùng để phạm-tội.

Chương thứ tư này chia làm 3 tiết

Tiết thứ I nói về tính-chất tội vi-cảnh.

Tiết thứ II nói về các hình vi-cảnh (1).

Tiết thứ III nói về các thứ tội vi-cảnh.

### TIỆT THỨ I

#### Nói về tính-chất tội vi-cảnh.

*Ý-tứ phạm-tội.* — Các tội vi-cảnh, là phạm đã thực-sự làm ra trái phép, thì bị phạt thường không cần phải truy xét đến cái ý-tứ phạm-tội của người phạm vi-cảnh ; (thí-dụ đốt pháo bắn súng ở chỗ đã có lệ cấm số I điều 323 luật Hình), thì tức phải bị phạt theo luật vi-cảnh ; về sự phạm ấy quan thẩm-phán không cần phải thẩm-cứ đến cái sự phạm ấy là vô-ý hay là cố-ý. — Nhưng về mấy thứ vi-cảnh cần phải biết cái tình-ý người phạm xét ra thực là cố-ý trái phép thì hãy xử phạt, thí-dụ tội vi-cảnh định trong điều số 20 số 15 (câu đầu) trong điều 323.

*Tình-trạng khinh-giảm hoặc miễn-nghị.* — Tuy rằng thuộc về vi-cảnh không cần phải xét đến cái ý-tứ phạm-tội, nhưng cần phải xét xem người phạm vi-cảnh, khi làm điều trái phép, có phải là người được tự-do, và có tri-thức, thì mới bắt tội. Nếu xét thấy có

(1) Trong thiên thứ nhất đã nói về luật-ý, đến chương thứ tư trong thiên thứ hai này đáng lẽ chỉ kê tên các tội vi-cảnh là đủ. Song việc án vi-cảnh là việc thuộc riêng về quyền tòa sơ-cấp, cũng là việc rất quan-hệ vậy, tưởng nên nhắc lại cái luật-ý về vi-cảnh cho rõ hơn ra cũng không phải là vô-ích.

những tình-trạng khinh - giâm hoặc miễn-nghị (như người bị-can còn trẻ tuổi, điên cuồng cường-bách bất-khả kháng-lực) thì khi ấy cũng phải chiếu theo các tình-trạng ấy mà chám-chước nghị xử.

*Phòng-vệ chánh-đáng.* — Về việc vi-cảnh cũng được việu-dụng cái lệ phòng-vệ chánh-đáng nhất là khi phạm về tội vi-cảnh trong số 24 điều 323 luật Hình.

*Tương-hành vi-toại.* — Việc tương-hành vi-toại cũng là việc tòng-phạm về tội vi-cảnh đều không bị phạt.

## TIẾT THỨ II

*Nói về các hình vi-cảnh.*

### A. — Hình phạt.

Cách hình vi-cảnh là phạt giam có kỳ, phạt bạc (điều 3 luật Hình), tịch-một các vật trái phép (điều 27 luật Hình).

*Phạt bạc.* — Số phạt bạc về vi-cảnh thì từ 2 hào đến 6 đồng bạc. Dầu gặp tình-trạng giảm-tội, cũng chỉ xuống đến 2 hào là cùng, mà gặp tình-trạng gia-tội, cũng chỉ lên đến 6 đồng-bạc là cùng. — Số tiền sở-đặc về sự phạt bạc vi-cảnh cũng như về khinh-tội đều đề sung nộp vào công-khố (kho-bạc nhà nước) (điều 19 luật Hình).

*Phạt-giam.* — Cái hạn phạt-giam thuộc về tội vi-cảnh, thì từ 1 ngày đến 5 ngày. Thông-thường thì người bị-tội phạt-giam, phải bị giam ở giam-thất. — Nhưng người bị xử phạt-giam về vi-cảnh, có thể bị bắt giam ngay ở câu-lưu-sở chỗ phát-sinh ra tội-phạm. Một ngày phạt-giam là 24 giờ. — Một tháng phạt-giam là 30 ngày (điều 17 luật Hình)

*Tịch-một.* — Về tội vi-cảnh, lại có thể tịch-một các đồ-vật trái phép, các vật sinh ra bởi tội-phạm và các đồ đã

dùng hoặc định dùng để phạm-tội (điều 27 luật Hình).

### B. — Cách thi hình-phạt

*Câu-phát.* — Cái lệ định tội về khi câu-phát (điều 47 luật Hình) không thi cho việc vi-cảnh. — Vậy nên khi có nhiều tội vi-cảnh đồng-thời câu-phát (nghĩa là một lúc xét thấy nhiều tội-phạm mà chưa tội nào từng bị nghĩ-xử), thì xử riêng mỗi tội một hình-phạt.

*Tái-phạm.* — Cái lệ tái-phạm về vi-cảnh, chiếu như điều thứ 46 luật Hình, thì cần phải đủ mấy nguyên-lý như sau này :

10) Cái tội phạm thứ hai, làm thành ra tội tái-phạm, tất phải thuộc về tội vi-cảnh định trong luật Hình ; nhưng không cần phải cùng một chủng-loại với cái tội vi-cảnh thứ nhất.

20) trước đã có án nghĩ về vi-cảnh mà đã thành ra án bất-đắc-can-cải, nghĩa là đã hết hạn chống-án rồi, không thể dùng cách gì mà thay-đổi án ấy được nữa.

30) Hai tội vi-cảnh sau cùng phạm ra trong một quản-hạt tòa-án vi-cảnh.

40) Cái án trước đã nghĩ ra từ 12 tháng về trước, mà 12 tháng ấy thì tính từ ngày án ấy đã thành ra bất-đắc-can-cải.

Người tái-phạm về vi-cảnh bao giờ cũng bị phạt-giam, có khi lại bị phạt bạc, nhưng lệ ấy không can-ngại đến qui-định riêng ở chương vi-cảnh, qui-định ấy như sau này : « Lệ-định về sự tái-phạm ở điều 46 luật này, sẽ không-dụng về sự tái-phạm các khoản bị phạm kể ở điều trên, mà chiếu theo lệ xử hình-phạt.

Thuộc riêng về những tội đạo-tội, thiệu-thủ và biền-thủ nói trong

khoản 22 mục thứ 7 điều trên, nếu kẻ bắt đầu từ khi tái-phạm, tiền-thứ đã có án-nghi thành ra án bắt-đắt-can-hải rồi, mà trong hạn 12 tháng lại tái-phạm một lần nữa, thì người phạm ấy sẽ bị chiếu theo hình-thức luật định, mà đem truy-tố ở trước tòa đệ-nhi-cấp, để khi có cần tòa ấy sẽ xử cùng một thứ hình-phạt trừng-trị về cùng các thứ tội-phạm ấy, như là trường-hợp tang-vật đạo-thiết quá giá 2 đồng-bạc.

« Nếu kẻ bắt đầu từ ngày án trừng-trị ấy đã thụ-hình rồi, trong hạn hai năm mà người phạm ấy không bị can-án về một tội cùng với tội phạm khi trước, thì ra ngoài hai năm ấy, người ấy có tái-phạm về một thứ tạp-tội gì về cùng chủng-loại các tội khi trước, sẽ được xử theo luật vi-cảnh. Nếu không phải như thế, thì không được hưởng sự lợi-ích ấy mà phải bị nghi-xử về hình-phạt trừng-trị » (điều 323 luật Hình).

*Tình-trạng giảm tội.* — Những tình trạng nên giảm tội định ở điều thứ 321 luật Hình cũng thi cho những tội vi cảnh : « Nếu người phạm đáng bị phạt giam hoặc phạt-bạc, thì tuy gặp trường-hợp tái-phạm, về khoản phạt giam cũng có thể giảm đến từ 6 ngày trở xuống, về khoản phạt-bạc cũng có thể giảm đến từ 7 đồng trở xuống ; và quan thẩm-phán cũng có thể phân-biệt chỉ xử phạt giam hoặc chỉ xử phạt-bạc mà thôi, và cũng được lấy khoản phạt-bạc thế cho khoản phạt giam, nhưng không cứ trường-hợp nào, phạt giam ít nhất cũng phải đến 1 ngày, phạt-bạc ít nhất cũng phải đến 2 hào ».

*Tiêu-diệt thời-hiệu.* — Thuộc về tội vi-cảnh, thì thời-hiệu truy-tố hạn là 1 năm sau khi phạm tội hay là sau khi khám-biên, quá hạn mà không truy-tố sẽ bị tiêu-diệt (điều 39 luật Hình).

Người phạm tội vi-cảnh mà đã chết rồi, thì không được trị-tội.

Người đương-sự bị-hại gặp khi ấy chỉ được đối với các người thừa-kế của người phạm, để xin thường-hoàn và xin bồi-tồn-hại (điều 40 luật Hình). — Thời-hiệu chấp-hành các hình vi-cảnh, hạn là 2 năm, kể bắt đầu từ ngày án-văn đã chung-thâm hoặc đã thành nhất-định, quá hạn mà không chấp-hành sẽ bị tiêu-diệt (điều 43 luật Hình). (1)

### TIẾT THỨ III

#### Nói về các thứ tội vi-cảnh

Chiếu theo qui-định trong chương vi-cảnh, thì có thể chia tội vi-cảnh ra làm 3 hạng.

10) Một hạng thì bị phạt-giam từ 1 ngày đến 5 ngày và phạt-bạc từ hai hào đến 6 đồng, hoặc hai thứ chỉ phải chịu một ; hạng vi-cảnh ấy đã tường-kê làm 41 khoản (tức là 41 số trong điều 323 luật Hình).

20) Một hạng thì định về tội làm huyền-náo ở nơi công-cộng trường-sở, hoặc bất-kính đối với công-chức ; về tội ấy chỉ được câu-lưu người phạm trong hạn một ngày là cùng (điều 325 luật Hình).

30) Một hạng thứ ba là tội vi-cảnh do nghị-định quan Toàn-quyền định ra : Điều 326 luật Hình định rằng : « Thuộc về các tội vi-cảnh khác chưa định rõ trong luật này, thì khi cần phải định sẽ do quan Toàn-quyền chiếu lời xin quan Thống-sứ Bắc-kỳ và quan Nam-án thủ-hiến mà nghị-định ».

(Còn nữa)

H. T.

(1) Chữ tiêu-diệt thời-hiệu nghĩa -*ich*, và lệ ấy như thế nào, đã giải nghĩa trong thiên thứ nhất chương I tiết III.

# ĐOẢN-THIỆN TIÊU-THUYẾT

## Gả bán cho con...

Cô Bảo-Lương chiều nào cũng vậy, hễ tan giờ ở nhà trường ra, thường một mình lững-thững, có khi lại dắt năm ba đứa học-trò nhỏ đi lại trên con đường vắng-vẻ kia, bên cái hồ sen mỏng-mênh, hoa nở đỏ ối, hương bay ra đã ngát cả một cánh đồng.

Cô cứ theo dọc bờ, đi đi lại lại hóng mát, dẫn-dụ cho những học-trò bé những điều sơ-lược về cách-trí: giống cá thở bằng mang, sen là cây ở dưới nước, nước là vật có thể biến ra hơi, v. v.; hay là một mình cô hết trông mây cao, lại nhìn xuống dòng nước trong đang chảy, có lúc lại nhìn ra cái dãy núi xanh rì ngoài xa, rồi cô lại sực nghĩ đến cái chức-phận con-con của cô, chỉ cố gắng sao cho đường ăn cách ở không phụ với cái chức-nghiệp, dù làm gương cho lũ em bé.

Ngọn gió thổi hiu-hiu, nét mặt cô càng hơn-hở, hình như đã có sự gì cảm-khái tự trong lòng ra.

Một buổi chiều, lúc cô đi chơi gần về, thấy tự đàng xa lại, một người đàn-bà ăn-mặc tả-tơi, hình-dung xấu-tức, mà dáng đi rơn-ọo vẫn ra cái phong-vận đại-gia. Cô mới trông, biết là người quen, sau nhận kỹ biết là bạn, bèn gọi tên, người kia thừa và ngoảnh lại, hai người nhận nhau là bạn học.

Cô Bảo-Lương thấy bạn xưa cũng là con nhà giàu có, đài-các, mà phút chốc gặp đã đến nỗi tiêu-tụy, thì đem lòng ái-ngại, cô liền lấy tình-thân mà hỏi đến việc nhà.

Người bạn cô kể cho cô nghe rằng :

— Chị ơi, từ khi chị về Hà-thành theo học được vừa hai năm, thì em ở dưới này phải qua một cảnh-ngộ đến bây giờ khô-tâm biết là nhường nào !

Số là trong năm ấy có hai người đem giàu cau đến nhà để hỏi em, một bên là một người học-trò, chưa vợ, nhà cửa cũng chẳng lấy gì làm phong-phú; bên nữa là một nhà trọc-phú, xin hỏi em làm lẽ, vì vợ cả không con. Ôi ! cái thân ngây-thơ này sung-sướng được có đến bấy giờ là hết, mà ngờ đâu từ lúc sắp mong nếm chút hạnh-phúc ở đời, lại là lúc cực ! Chị ơi ! Làm thân con gái ai có dại gì mà đi lấy lẽ, hưởng-chi nhà em nào đã đói ăn khát uống. Bụng em cũng chắc rằng thầy để em cũng một ý như thế: Nhưng, than ôi ! cái thế-lực kim-tiền đã giúp được thặng trọc-phú thỏa lòng, con quái-ma vàng bạc đã làm cho con người ta hoa mắt !

Lúc trước thầy để em đã nhận lời với người học-trò, sau không biết anh trọc-phú nó vận-động làm sao, mối-manh thế nào, mà thầy để em cũng đem lòng vì nê, thành ra đã chẳng có một chút cảm-tình gì với người học-trò kia nữa, lại càng nòng-nàn lắm, trước thì còn khát rằng em còn bé, xin thư lại, sau họ thúc mãi thì thầy để em cũng khôn lẽ chối-từ, song biết làm sao, vì quà lễ của anh trọc-phú từng lâu từng mới đã nhận rồi, nói ra cũng dở.

Cả cách mấy tháng sau, không biết anh xui bầy làm sao đến nỗi thầy để em mất một lòng vì hấn ; ở ngoài thì hết, ở trong thì đàn-áp bên nhà người học-trò

không chê bai cái lễ nộ, thì lại thách-thức những sự cực-kỳ xa-hoa, quá cái lực tài-chính của người ta, khiến người ta không còn thể xoay tìm vào đâu được mà đến nỗi phải thoái. Ôi ! Ngán thay cho cái thói đời, biết bao những người hiền - đức tài - năng lại không được người biết đến, mà những phường tiêu-nhân đã được nhờ cái thế-lực của đồng tiền lại càng đắc-thế. Ở trong nhà thì ngày đêm khuyên dỗ em, vè-vời cho em những sự đài-các cậu phú-gia, những sự sung-sướng sau này của người được làm vợ. Em hãy còn nhớ những câu rằng : « Nhà nó tiền dư thóc mọc, kể hầu người hạ, chẳng hơn lấy anh khóa kiết, lam-lũ suốt đời, như thế có làm gì cả với lễ, sung-sướng nhân-hạ là hơn. Vợ cả nó đã già lại không con, mà con thì còn trẻ, rồi ra có con-cái, thế nào nó chẳng quý hơn, bấy giờ lại tay hòm chìa khóa, tuy không là cả mà cũng như cả. Thầy để nói phải, con nên nghe ».

Chú em, nghe bấy nhiêu lời cũng không bằng lòng, thường can-ngăn đừng gả cho người nhà giàu ấy, vì tuy nó có vênh - vang thật, song cái vinh-hiến bất-lương đó có làm gì. Việc giá-thú ta không nên luận chi đến sự giàu nghèo, chỉ miễn rằng trai lành gái tốt, dòng giống xứng nhau là hơn, vả chẳng người học-trò kia, tuy bây giờ còn ở trong cái địa-vị học-trò, nhưng là một người chuyên-cần, cương - nghị, con đường hân-thể còn dài, hi-vọng sau này còn to.

Từ đó ở trong nhà em không tối nào là không nói đến câu chuyện ấy, nào cha mẹ, chú thím, nói đi bàn lại, khác nào một nơi hội-nghị mà đó pháí-đẳng đã kém thế-lực vậy.

Về phần em, ngay từ hồi đầu em khăng-khăng không thuận, đã hề

khuyên can thầy để em đừng nên thất-tín với người, nhưng mà ếch nhái kêu sao cho thấu, thế mà cả nhà lại còn xúm vào dỗ-dành em, nếu thuận ư, thì nào may áo, cho tiền, kéo hoa hột, toàn là những sự làm cho em mê cả, thì cái tri ngày-thơ này còn giữ sao nổi nghị-lực, suy xét sao được sự thiệt hơn, huống-chi lại có người lớn bảo-ban, dù bấy giờ có trái cũng nhận — và phải nhận — là phải.

Chị ơi! sự mối-lái của em đã như thế, sự cưới xin của em lại thế này. Anh phú-gia ở nhà quê mẹ sắp chết, nên đã sắp ngửa làm lễ cưới chạy tang, em còn nhớ hôm ấy là ngày mồng 2 tháng 4, tức là ngày chị đang thi tốt-nghiệp ở trường ra.

Em về nhà chồng được hai hôm, thì mẹ chồng mất, ngót một tháng trời trong nhà còn đang tiu-tít việc nọ việc kia, cho nên cũng không có điều tiếng gì cả, nhưng đến tháng sau tức là lúc công việc đã vãn, chồng em — em gọi là ông chồng thì phải vì ông đã nhiều tuổi — bấy giờ ra ý săn-sóc đến em lắm, yêu em lạ thường, chiều như chiều vong, sắm cho em đủ thứ. Em cũng không hiểu tại làm sao mà ông chồng em yêu chiều em quá, mà riêng em đối với ông chồng em cũng chẳng thấy gì là thành-thực, có yêu cũng chỉ do những sự chiều đãi bề ngoài mà yêu, thế nhưng mà cũng yêu, chắc có lẽ cũng từ bấy giờ em mới biết thân em không phải cái thân trẻ thơ nữa.

Ông chồng em càng chiều em bao nhiêu, lại càng như khêu cái ác-cảm cho người vợ cả, vì thế cho nên trong nhà thường sinh ra xô-xát nhau, bề này đả đả nọ, cái máu ghen của chị cả em cũng nhân đấy mà tăng, khiến cho chị em coi nhau như kẻ thù, ông chồng em

càng bênh-vực cho em nhiều, thì trong gia-đình càng lộn-bậy, rút lại cũng chẳng bổ-ích cho em. lại chỉ tổ cho người hành-hạ. Nghĩ cũng ngán thật, dòng-giống Thúc-sinh đời nào cũng có. Chị cả xử với em tàn-nhẫn quá, khiến cho em không thể chịu được, sinh ra căm giận, em cũng ý-thể chồng yêu thương đánh nhau tay đôi. Nhưng than ôi ! Cái thân-phận bé nhỏ này, vật sao nổi con mụ Hoạn-thư ! Từ đó em không ở luôn nhà chồng, thường năng đi về bên quê nhà kẻ cho thầy để em nghe cái kết-quả của sự xếp-đặt của thầy để em như thế, nhưng thầy để em cũng chẳng nghe nào, lại khuyên dỗ, đuổi em về nhà chồng, vì rằng ông chồng em mỗi bận sang chơi thì quà-quà bánh-bánh, không biết đã nói khôn nói khéo những làm sao.

Em ở nhà chồng bị vợ cả ngược-đãi, không thể chịu nổi, nên chẳng bao lâu đã phải kiếm đường tẩu-tháo. Em thu xếp ra ở được một tỉnh giáp biên-thùy, buôn bán qua ngày cũng đủ dung-thân, chỉ cốt cầu lấy sự yên lành là mục-dích, chứ cũng không còn mong-mỏi gì.

Em ở đấy buôn bán đã quá hai năm, người quen biết cũng nhiều, kể đi về cũng lắm, mà ông chồng em cũng không thấy hỏi-han chi đến, có lẽ cũng không nhìn-nhận nữa.

Tỉnh-thành đây mới lập, công việc còn cần phải mở-mang nhiều, cho nên kỳ tàu nào em cũng thấy các thầy thông, thầy ký, họa-dò, kế-toán, mộ đến nhiều lắm. Sự buôn bán rất là dễ, buôn đấy bán ngay đấy, một ngày cũng có thể kiếm được tới 15, 20 đồng. Em buôn bán trong hai năm trời, lưng vốn đã khá, cho nên trong bọn các thầy chẳng mấy người là không qua lại ngấp-nghe cửa hàng em.

Em cũng biết cái cảnh của các thầy, em cũng đã thừa cả cái bụng họ. Ôi ! họ cho em là phường đàn-bà không có học, nhẹ dạ, chỉ dứ-dênh là mắc, để cho họ thỏa-mãn được cái nhục-dục của họ, nhưng em nào lại thế, họ cho em là vô-học, thì em lại khinh lại họ là hèn, là nhát, ăn hại xã-hội, võ nợ đồng-bào, làm thân con trai, lúc đầu xanh, chẳng chịu lo bề tu-thân tiến-đức, chỉ biết lấy hai chữ chung-tình làm mãn-nguyện ! Tư-cách độc-lập chưa có, đã vội buộc thân vào chữ tình. Lạy một mình chưa chán, lại còn muốn đổ cho người ! Ôi ! đời như thế còn mong gì ích cho nhà cho nước ?

Em ở đấy ngoài sự buôn bán, chỉ giao-thiệp với những các bà già, vì em vốn sẵn lòng kính mến các cụ già phần nhiều từng trải việc đời và có lòng thành-thực, mà em cũng không ngờ sự giao-thiệp ấy lại là cái bẫy hại em, mà người em giao-thiệp lại là người hãm em xuống hố. Không, cũng không phải người ta muốn hãm em xuống hố đâu, có lẽ người ta muốn cho em, trong tay đã có đồng ra đồng vào, thì phải như thuyền có lái, mà em cũng nghĩ vậy mới nghe lời bà già !

Bà già đánh mối cho em một thầy trẻ tuổi làm việc ở trong một sở kia, ngoài những tiền phụ-cấp thêm giờ tiền lương thầy đã vào bậc nhất nhì trong sở. Cái hi-vọng của em bấy giờ, chỉ những mong được dồn cái tiền-lương kia với cái vốn này, thì bề đông tát sao chả cạn, em chắc lòng chàng, cũng có cái hi-vọng như em, và còn lắm hi-vọng khác nữa. . . !

Ngay hôm nghênh-hôn vừa xong, chàng ta cười vừa nói, đưa cho em cái gì thông-kế những các công-nợ của chàng mắc người ta và xin hiến

em chức tán-trợ-hội-viên ! Ôi ! Em mới xem cái biểu mà ngỡ người ra, không biết rằng nói thực hay nói chơi ! Nói thực ! Nhưng mà một mình sao mà nên nợ ? Tại sao mà nợ ? Lúc chưa lấy nhau thì chẳng ai phâm-bình cho, mãi lúc lấy nhau rồi, thì điều ông tiếng ve mới lắm, sau em xét ra mới biết chồng em nguyên là một chàng dăng-tử. Ôi ! Lương chàng sáu-mươi mà nợ chàng sáu trăm ! Thôi cái lưng vốn này chẳng trước thì sau cũng đi đời ! Nhưng mà chàm đã bám tay, nói ra càng thêm xấu, dù dở hay cũng cố đeo-dặng cho qua, chứ có đâu cái thân con gái mấy lần sang sông !

Em thu-xếp có năm ngày đã trả được hết các trái-chủ. Em có bảo chồng em rằng : « Vợ chồng mới lấy nhau, tôi cũng không muốn trái ý thầy, chỉ cốt sao đề gây lấy cái hạnh-phúc hòa-lạc ở cái gia-dình mới-mẻ này, cho nên đã thương yêu nhau thì đồng tiền tôi cũng không tiếc, chỉ thưa thầy từ nay không còn bận gì đến công nợ thì xin thầy hàng tháng đưa cho tôi cái số tiền lương để tôi trông nom ».

Chàng nghe nói hí dôi con mắt lại, nhoét mồm đáp : « Kể hèn-mọn bất-tài này đã được vợ gia-ôn phải ghi lòng tạc dạ, xin hết đời làm kẻ tôi-tớ trung-thành cùng vợ ». Em nghe thoáng mấy lời vừa buồn cười vừa giận thân, mà đoán ngay được cái tư-cách của chồng !...

Thăm-thoắt kỳ lương đã lĩnh, qua mồng 4, mồng 5, chồng em cũng điem-nhiên không nói-nặng gì cả, em cũng đề vạy xem sao. Qua tháng sau cũng thế, chồng em cũng làm lơ chẳng nói cái gì chuyện tiền-nông cả. Một hôm hai vợ chồng đang ngồi ăn cơm vui-vẻ, em hỏi chồng em tiền lương đâu cả, thì chồng em giương đôi con mắt tròn những

trắng nát em, bảo em : « Việc gì được hỏi ? » Em bảo lại rằng : « Trước tôi trả nợ cho thầy, thầy có hứa thầy đưa lương cho tôi, thì tôi đừng hỏi ư ? »

Chồng em lại quắc đôi con mắt lên, cầm cả cái mâm cơm đang ăn quăng vào người em, em thấy chồng em giờ mặt chóng quá, nên có nói nặng mặt vài câu, thì chàng liền vác ngay cái « ba-toong » (chàng vẫn chống đi đêm), đánh em túi-bụi ngót tiếng đồng-hồ, rồi chàng séo.

Đêm hôm ấy em nghi giận thân chỉ gặp người ngược-đãi, vừa mắt của lại ô-danh. Trước kia đã đau về đòn ghen, nay lại bị ốm về đòn chồng, còn chi là sự sống !

Rồi từ đó chồng em chẳng lai-vãng gì về đến nhà cửa, cứ ngày đêm ở trong các sông bãi, điếm thồ. Đôi ba phen em đã đi tìm đi đón, hay khuyên can về nhà, thì chẳng có nghe lại còn lấy cường-quyền mà át, cách ăn ở với nhau thực là rẻ-rúng nhạt-nhèo hơn người đưng nước lã. Em thấy cái tình-cảnh ấy biết không còn mong-mỏi gì, nên có đồng nào đã nhạt-nhạnh, gắp kỳ tàu về quê hầu hạ cha mẹ, lấy hiếu làm duyên, mong đề trả nợ cù-lao, Nay tình-cờ lại được gặp bà chị ở đây, có lòng hỏi đến, thực đã làm rờm tai quý-nhân mắt bao thì giờ.

— Không, không hề gì, chỉ em lâu ngày gặp mặt, tôi lấy làm mến lắm, bây giờ trời đã tối, nên về nhà tôi nghỉ mai về quê sớm.

Bốn bề yên-lặng, mây đen đầy trời, cảnh hoàng-hôn tự trên cao đưa lại, đàng xa xa, vầng nguyệt vừa lên, mấy cái tia sáng đã làm long-lạnh mặt nước, hai người cùng thong-dong theo con đường quanh-co ra về...

ĐOÀN NGỌC-BÍCH (Dalat)



kịch lợi-danh mà nhẩy nhót ở trên cái sân-khẩu triều-chính, như kinh Lễ có câu: « Đại-đức bất quan 大德不官, nghĩa là người có đức lớn không khi nào chịu ra làm quan vậy ». Kịp về thời-đại cận-kim này thời chữ đại-nhân chỉ là một món đem xưng-lặng riêng một phái quan-trường, là một số người đã được độc-hưởng cái hạnh-phúc vinh-thân phi-gia, nghĩa là xã-hội đã trải quá cái công-dụng hành-chính; còn ngoài-giả những người khôn-ngoan mà cao-thượng đã chịu bỏ cái hạnh-phúc thuộc về vật-chất mà không nhận cái chức-vị, cái lợi-lộc hữu-hình của quốc-gia, thời xã-hội cũng lại ngờ đi không xưng-lặng cho một cái huy-hiệu đặc-sắc là chữ đại-nhân, cho phân-biệt với bọn tiểu-nhân, phường hạ-đẳng, thời ai mà không sinh ra cái tư-tưởng yếm-thế, hay cũng bởi thế mà xã-hội mới chịu lấy cái kết-quả vô-lương, vì tự mai-một mất cả nhân-tài trong các giới, để cho một phái thâu-lợi dề mọc lẩn ra.

Không biết rằng xã-hội mà được tiến-hóa văn-minh là do những tư-tưởng cao, đạo-đức lớn, tức là tất cả những người có tài sáng-tạo, hoặc là có công thực-hành về các tự-nhiên khoa-học cũng là thực-nghiệm khoa-học, chớ không chỉ bởi một bọn người nào, nhất là không chỉ bởi ở một hạng người chỉ biết có việc thực-hành chính-sự mà thôi.

Nhưng mà ngày nay thời không sai-lầm thế nữa, ngày nay chính là cái ngày không những hấp-thủ tư-tưởng Âu-Tây, mà lại phục-hưng cả các nghĩa cũ trong tư-tưởng-giới của các bậc hiền-triết Á-Đông, nghĩa là ngày nay cũng biết tôn-trọng chung cả những bậc có công to trong cả các giới, đều có dự phần vào cuộc văn-minh tiến-hóa của loài người, gọi chung là các bậc thượng-lưu trong xã-hội. Nhưng không có lẽ tống

giao-lễ cũng đều xưng-lặng bằng cái huy-hiệu thượng-lưu? Có người nói: nếu xưng-lặng bằng chữ thượng-lưu không tiện, thời cứ xưng chung bằng chữ « tiên-sinh » cũng nên. Song xét ra chữ tiên-sinh với chữ đại-nhân ý nghĩa tuy-thị giống nhau, mà cũng không thích-hợp cho người trong cả các khoa các nghiệp; như các nhà văn-học, triết-học, bác-học, cho đến y-học thời dùng bằng chữ tiên-sinh tiện, chớ như các nhà xã-hội, chính-trị, nông-nghiệp, thương-nghiệp, kỹ-thuật, vân vân, thời dùng chữ tiên-sinh không tiện, vậy ắt là phải dùng bằng chữ đại-nhân. Sau chữ đại-nhân lại còn một điều rất tiện-nghi nữa, là dưới chữ đó là chữ phu-nhân dùng để mà chỉ các bà thượng-lưu thời trước cũng thích-hợp lắm; thế là mở rộng con đường vinh-dự cho các hàng thượng-lưu nhân-vật trong xã-hội ngày nay, mà cũng tức là mở rộng con đường tiến-hóa văn-minh của xã-hội ngày nay đó vậy,

Hoặc có kẻ bảo: Nay nhân thời-đại văn-minh ta cũng nên noi theo cái nghĩa « bình-dẳng » của Âu-Tây mà gọi chung cả mọi người bằng một tiếng « ông » như chữ Monsieur của Tây cho tiện. Nhưng phải biết cái trật-tự trong luân-lý-giới của hai bên không giống nhau, của ta thời phiền-phức mà phân-biệt, của Tây thì đơn-giản mà tề-thông; nếu bây giờ mà nhất-phiên tận-cách, thời e rằng trật-tự không khéo đến đảo-diễn; hãy coi một tiếng « ông » kia cũng vì đời nay tự-do lạm-dụng mà hóa ra rề-rúng quá rồi, đến nỗi lắm kẻ hơi có một chút tài mắt ở đời cũng đã được tôn lên hàng « cụ », không biết sau này còn nâng cao lên đến bậc nào? Vậy nếu không có một cái hàng rào để ngăn lấy hàng thượng-lưu nhân-vật, thì chẳng hóa « ngưi ký đồng quần » ư?

# LAI-CẢO CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

## Ở đời lấy gì làm khuây

Đầu năm nay tôi có vì một người bạn mất mà làm mấy lời viếng như sau này :

« Người ta sinh ra đời cũng không đáng mừng mà cũng không nên buồn, lúc chết cũng không nên thương mà cũng không nên vui. Kia thử xem như thế-giới này, đối với mắt ta, tai ta, ngũ-quan ta, bụng suy-lường eo-hẹp ta thì đã là rộng lắm, rộng lắm. Nhưng thế-giới này, trái đất này, đối với cái khu vũ-trụ của bộ mặt trời ta thì chỉ là hạt bụi ; cả cái khu tám vị hành-tinh cùng mặt trời cũng chỉ là hạt bụi trong hạt bụi của đường ngân-hà ; đường ngân-hà kia, so với vũ-trụ mênh-mông bát-ngát, cũng chỉ là hạt bụi mà thôi ! Cái khoảng không-gian mà ta muốn trông-tượng ra cho to đến đâu nữa, dù dùng ánh sáng phải đi đến ức triệu năm mới thấu nữa cũng chỉ là hạt bụi.

« Vậy thì hạt bụi trong hạt bụi ! Vũ-trụ to vô-cùng ! dù trong vũ-trụ có vì hành-tinh nào mất đi, bộ tinh-tú nào mai-một đi, dù cả các vì sao si-sít ở đường ngân-hà mà ta cũng ở đấy có tiêu-diệt đi, dù trăm nghìn vạn ức đường ngân-hà to gấp trăm nghìn vạn ức đường ngân-hà ta thường trông thấy có tiêu-diệt đi, cũng là sự không vào đâu của vũ-trụ, cũng ví như một quả núi to mà thiếu mất một hạt bụi mà thôi !

« Vậy thì ta là vi-trần trong hạt vi-trần, ai-hoài mà chi ! để tâm đến nữa mà chi !

« Nay trong lúc ta chớp mắt, biết bao nhiêu thế-giới, biết bao nhiêu vật tiêu-diệt mà cái sự diệt-vong đó ông Hóa-công có biết đến đâu !

« Từ lúc một cái tàn lửa nhỏ ở không-gian bật ra, xoay tít đi, rồi trong tàn lửa ấy bật ra tám vị hành-tinh lớn và nhiều hành-tinh nhỏ xoay chung-quanh, kể biết bao nhiêu là năm, là tháng là giờ, các vì hành-tinh đó mới có vì nguội, mới có sinh vật ; từ lúc có sinh-vật lại trải biết bao là thì giờ mới có giống người ; từ lúc có giống người, biết bao ngày, tháng, năm mới biết ở chung cùng nhau, dựng thành xã-hội, lập thành dân-doàn ; rồi thì bao nhiêu cơ-khí, bao nhiêu tài-năng, bao nhiêu trí-tuệ mới đúc nên thế-giới văn-minh tráng-lệ này.

« Trong cái cuộc biến-cải của thế-giới, trong tâm-lý người ta bật nên bao nhiêu điều, bao nhiêu người đáng khen ngợi : như ái-quốc, như trinh-liệt, như anh-hùng, như nghĩa-sĩ, các khoa-học kỳ-dị, các triết-lý siêu-việt ; nào liều chết theo chồng, nào bỏ mình vì nước, nào tuân-tiết, nào quyên-sinh. Lại có được bao nhiêu điều, bao nhiêu người kỳ-quái : nào vì tình bỏ nghĩa, nào tham vàng quên người, nào đạo-tặc, nào giết người lấy của, nào đổ vợ anh em. Các việc trên thế-giới này kể ra mấy nghìn pho sách cho đủ !

« Ấy đấy ! Thế-giới nguyên-thủy là thế đấy, hiện-tại mắt ai cũng trông thấy đấy, tương-lai còn dài, còn gấp trăm nghìn vạn ức lúc còn là tàn lửa đến bây giờ. Nhưng dù dài đến đâu cũng có ngày mai-một. Rồi thì các vì hành-tinh kia chắc cũng có ngày biến-ti ; cả đến vì định-tinh chói-lói kia, cả vì thái-dương kia cũng có ngày nguội ; đời cũng có ngày tận-số,

« Cả vàng thái-dương ta, bát-tú ta, mất đi thì cũng như một đám khói

thuốc lào bí cơn gió lốc thổi, tiêu-tán không còn chút di-tích gì nữa. Thế nhưng mà vũ-trụ vẫn còn, các vi tinh-tú khác vẫn còn. Mà dù các vi tinh-tú khác, các thế-giới còn lại sau ta lại có bị như cơn gió lốc thoáng khói thuốc lào đi nữa, thì vũ-trụ cũng vẫn còn, cũng hãy còn nhiều thế-giới sống tạm-thời về sau. Vũ-trụ bao giờ cũng vẫn còn, dù biến đổi, tiêu-tán đến đâu cũng chỉ như mất một hạt cát trong quả núi to thôi !

«So cái thì-giờ, cái đời của thế-giới ta đối với cái đời vĩnh-viễn vô-chung của vũ-trụ, thì cái đời của thế-giới ta, cái thì-giờ ấy chỉ là một tối-vi-diêm; đời của mặt trời, thì giờ sống của mặt trời, của các thế-giới dài gấp ức triệu thế-giới ta cũng chỉ là tối-vi-diêm; đời của cái hoa phù-dung sớm nở tối tàn cũng là một tối-vi-diêm.

« Thế thì đời cái hoa, đời một thế-giới, đời cả một bộ mặt trời cũng cùng là một tối-vi-diêm cả, không đời nào dài hơn.

« Thế thì bao nhiêu việc trên thế-giới này, cố-kết tâm-giao, cao-tur viên-lự, đều là việc « vờ » cả. Đời cũng « vờ », việc đời cũng « vờ », người đời cũng « vờ », thế-giới cũng « vờ », cây cỏ cũng « vờ » !

« Các việc đời trên kia tôi kể ra luộm-thuộm và không chọn chữ cũng vì là « vờ » cả.

« Lường thầy, phản bạn, lấy của, giết người, các việc đó, bụng mà eo-hẹp ra thì cho là xằng, nhưng suy kỹ ra thì cũng « vờ » như việc con chết theo cha, vợ liêu vì chồng mà thôi !

« Hóa-công tình-cờ mà xếp nên vũ-trụ này, vô-tình mà gây nên vũ-trụ này, không chủ-ý dựng mà dựng nên vũ-trụ này, cũng như người cầm nãi nhỏ trong tay mà xây rơi ra một hạt bột nhỏ ấy xây mà rơi ra, thì

mà rơi ra, hóa-công vô-ý mà đánh rơi ra, thì hóa-công cũng chẳng biết rằng còn hay mất, rằng rơi ra hay rằng không. Hạt bột ấy rất là « vờ » mà hóa-công đối với hạt bột ấy rất là « thờ-ơ ».

« Ấy thế mà vì cái sự tình-cờ ấy, vì cái vô-ý ấy mà có vũ-trụ này, nghĩa là hạt bột ấy là vũ-trụ này.

« Sau cái hạt bột ấy, cái vũ-trụ này có vi đầu mà tiêu-diệt, thì hóa-công cũng rất « thờ-ơ »; hoặc-giả có chính chân hóa-công giảm sét lén làm cho vũ-trụ này diệt đi, thì hóa-công cũng không biết đến !

« Mà cái đời của hạt bột ấy cũng « vờ » bao nhiêu việc ở trong cái hạt bột « vờ » ấy cũng « vờ » cả.

« Nay ai ơi ! sống ở đời này, sinh xuống đời này thì mang nặng gánh đời. Dầu có biết rằng mai sau là « vờ », hiện nay cũng là « vờ » cũng vẫn phải theo cuộc đời. Đã theo đời vờ thì phải có lo, sợ, thương, yêu, ghét, giận, ham, muốn.

« Tôi nghe tin anh Trọng-Thành tạ-thế mà bụng những bồi-hồi, không biết rằng nên thương hay nên vui, nên buồn hay nên sướng. Nhưng dù vui, dù buồn, dù thương, dù sướng thì cái bụng tiếc anh tôi vẫn có. Có lẽ cái lòng tôi tiếc anh lại hơn cái bụng tôi thương anh, tôi tiếc anh chứ có lẽ tôi không dám thương cái chết của anh.

« Anh Trọng-Thành ơi ! vào đời này, xử-trí ở đời, cư-xử ở đời cũng ví như người bơi ngược dòng nước. Người đạo-đức bụng chứa sẵn một tấm lòng cao-thượng thì có cái sức noi ngược dòng. Các sự xấu-xa, các điều ham-mê, tiền tài, sắc-dục tức là dòng nước chảy xuôi. Hàng năm hàng tháng mới ngoi lên độ một tấc, mà trễ-nải một giây thì bị dòng nước lôi xuôi ngay mất hàng trượng.

« Than ôi ! thế-gian này hồ hết là bộn bề cho « nước chảy xuôi dòng.

« Anh Trọng-Thành khi còn ở dòng-nước đời lúc nào cũng cố sức trở ngược mà bơi lên. Cũng có lúc anh bị cái vật-dục nó ngăn-trở anh (điều đó tất có, vì đâu đến thánh-nhân cũng khó tránh thay, khó xa thay !). Nhưng khi anh bị cái vật-dục nó ngăn-trở thì trong lòng anh cũng còn có cái chí-khi cao-thượng nó giữ lại, nghĩa là vật-dục có đến cũng chỉ ở bên cạnh lòng, chứ không đuổi hẳn được cái chí cao-thượng, cái lòng khảng-khái đi mà làm chủ-động bụng anh. Khi đó thì anh chỉ đứng dừng lại không lên được, chứ chắc cũng không đến nỗi bị dòng nước buông xuôi.

« Ai bảo rằng anh Trọng-Thành yếm-thế, chứ tôi thì không cho là anh Trọng-Thành yếm-thế. Anh rất ham-mê cuộc đời, song anh ham-mê cái cuộc đời cao-thượng kia, cho nên bộn « nước chảy xuôi dòng » cho anh là yếm-thế. Anh rất hăng-hái cuộc đời, rất say-mê thế-đạo.

« Suốt một đời anh lúc nào cũng chỉ có nghị-lực và hi-vọng. Cái nghị - lực phi-thường dễ ngược dòng nước, cái hi-vọng tối-cao cho đến bờ đạo-đức. Trong hai-mươi-bốn năm trời không lúc nào nghỉ, lúc nào cũng là cố-sức cả, mà người anh thì rất là yếu-ớt. Than ôi ! Hóa-công kia sao đã nặng gieo cho anh cái lòng ấy mà lại không cho anh đủ sức để noi theo.

« Trong khi anh hết sức noi dòng nước mà lên thì anh thấy bao nhiêu người bị nước chảy xuôi dòng xuống « hạ-lưu ». Có lẽ tại anh thấy cái quang-cảnh trái ngược thế mà lòng anh uất-ức ; biết rằng một cây làm chẳng nên non mà anh sinh ra chán-nản, vì cái sự chán-nản đó mà trong lòng anh nặng kết khối sầu.

« Sức anh bơi ngược-dòng lâu đã hao

mòn, cái khối sầu kia ngày nay phá vỡ mà anh cùng chúng tôi thành người kim-cổ.

« Anh Trọng-Thành thật mất, anh Trọng-Thành thật đang bơi ngược dòng mà bị vực thẳm hút mất !

« Song anh khuất đi là thoát nợ trần cho anh, nhưng để lại cho người không biết nghĩ xa một tấm lòng thương-xót thẳm-thê, người biết nghĩ một bụng tiếc anh vô-cùng.

« Hiện bây giờ chỉ có mấy người thân-thiết ruột già, cùng mấy người biết anh, xưa chia bụng ru-tư của anh là người đến anh, thương đến anh, tiếc đến anh, còn ngoài ra thì ai cũng thờ-ơ. Hóa-công kia cũng rất là cay nghiệt. Ở trên cái nắm đất anh nắm cỏ non vẫn sinh nở, chim chóc kêu vui, chung quanh cái nắm đất anh nắm vẫn còn có sinh-hoạt, dường như hóa-công muốn đem sự sống « vờ » mà ghẹo người mệnh bạc.

« Trước kia tôi đã toan lấy lòng nghĩ viên-vong của tôi ở trên kia mà khuấy dạ tiếc anh, song tôi nay còn đang ở đời tục-lụy, chưa có thể có thật được lòng ấy.

« Nhưng anh Trọng-Thành ơi ! Kể trước người sau ! Anh tuy rằng xác thịt bị tiêu, nhưng hồn anh chắc còn phảng-phất đâu đây, có lẽ đâu đã dứt hẳn tình cùng chúng tôi. Rồi sau chúng tôi sẽ xin gặp anh nơi không-không sắc-sắc, bỏ các việc « vờ » ở đời.

« Cũng lắm khi tôi quá tiếc anh, quá nhớ anh phải nghĩ viên-vong đến việc to của vũ-trụ để tạm quên anh, nhưng sao được !

« Hồn tôi còn vương ở đời này thì anh phải nghĩ những việc « vờ » ở đời này, còn thương, còn tiếc.

« Anh Trọng - Thành ơi ! Anh có thể thiêng xin thấu lòng ! »

Nhân lúc tôi nhớ anh Trọng-Thành, lại giở bài này ra xem lại cho đỡ buồn. Xem xong thời lại có được mấy điều nghĩ như sau.

Ở đời đã « vờ » như thế mà vẫn phải cố gắng mà mê cuộc đời, mà ép vẫn phải ham cuộc đời là nghĩa làm sao? Vì rằng cuộc đời rất là « vờ », song cái « vờ » đó còn xa ta (không xa nhưng tạm cũng cho là xa) mà khối tình thì ta còn đang kết ở trong tâm-can ta. Có đập vỡ được khối tình ấy đi thì mới có thể lánh hẳn được cuộc đời « vờ » mà bất tính thờ-ơ. Đập vỡ được khối tình ấy tức nhà Phật gọi là cắt *thập-nhị nhân-duyên*. Cắt đứt được thập-nhị nhân-duyên, đập tan được khối tình ấy, họa chăng là đức Thích-Ca-mâu-ni.

Vậy thì ta đành chịu ham cuộc đời nhi? Song, nếu vai u thịt bắp, lấy cuộc đời làm dài, lấy bụi tre quanh làng làm vũ-trụ, thì chẳng nói làm chi, nhưng nay đã chót biết cái lớn cái dài của vũ-trụ, cái « vờ » của đời, mỗi lúc nghĩ đến mà lạnh cả người, mà rợn cả óc, mà lại phải gượng ham đời thì chẳng hóa ra khổ lắm ru! Chẳng hóa ra đời này là bề-thảm ru!

Như thế thì tất là phải lấy gì mà khuấy cuộc đời. Ở đời biết lấy gì làm khuấy? Người ta có mấy điều sau này có thể lấy mà làm khuấy cuộc đời.

*Một là ham sống.* — Người đời dẫu bạo đến thế nào thì cũng là sợ chết. Các tính nhát, sợ, đều vì cái tính sợ chết mà ra cả. Đứt cái tính sợ chết đi thì chắc ở đời không có tiếng sợ, tiếng nhát, tiếng bạo, tiếng dưng, tiếng can-đảm nữa. Mỗi khi có việc gì xảy đến mà ta xem như có thể hại cho sự sinh-tồn ta thì ta lấy hết sức, lấy hết trí

giữ lại đời ta. Ấy cứ quanh co về việc sợ chết mà có lúc hồ như quên cái « vờ » của đời. Bởi thế lòng ham sống tạm lấy làm khuấy đời được.

*Hai là hiếu-động.* — Sống được ở đời, người đời cũng chưa chịu yên. Nay thử xem như đứa trẻ con mới lọt lòng mẹ oe-oe tiếng khóc mà đã hay cựa-cậy. Có phải rằng người ta bản-dĩ là hiếu-động không? Có người ngồi rồi không có việc gì, cầm cái ống thuốc xoay, cầm cái cúc áo mà vặn-vê; trong khi đó cũng chẳng biết rằng mình làm gì. Ai bảo rằng thế là sự tự-nhiên không cần nói đến; nhưng tôi thì dám bảo rằng tính hiếu-động phát-hiện. Động xác thịt chưa đủ, người đời còn thích động cả linh-hồn, trí-tuệ. Đời có người cầm-cầm cúi-cúi suốt một đời ở các con số, ở các hình tam-giác, lục-lăng, ở các nguyên-lý của sự-vật; hơn trăm ngày chúi trong rừng tối đen thẳm như mực ở trung bộ Phi-châu có người lấy làm thích, hàng tháng trời ở trên núi tuyết rừng băng ở Nam-Bắc-cực có người lấy làm vui (1). Ai bảo rằng những người ấy hiếu-học, ai bảo rằng những bậc ấy có lòng vì nhân-loại, mà tôi thì dám quyết rằng là lòng hiếu-động phát-hiện. Lại xem như người đời thích xem thích nghe những chuyện bi-thảm; lại như đi xem hát chèo, tấn buồn-bã lâm-ly có người thích, trò khôi-hài bông-lơn có người ưa. Có phải rằng người đời vừa thích khóc mà cũng vừa thích cười không? Tóm lại mà nói là linh-dài hiếu-động. Vì thế nên người đời mới ham đánh bạc. Trong cuộc đồ-bác, thân-thề động, linh-dài động. Hết bắt bài này thì xoay bài khác. Có hi-vọng, mất hi-vọng, rồi lại có hi-vọng; mỗi cái hi-vọng là có được

(1) Đó là các nhà đi tìm đất như Livings, Stanley, Nansen, vân vân.

một điều nghĩ, động tinh-thần biết bao ! Mỗi cái nghĩ tay lại sờ bài ; mỗi cái mất hi-vọng lại phải nghĩ nước khác, tay lại phải xoay thế bài khác : động tinh-thần biết bao ! động thân - thể biết bao !

Một sự hiểu-động trong một đời phát-hiện ra hằng ngày, hằng giờ, hằng phút. Quá hiểu-động mà quên được nỗi « vờ » ở đời đó ! Thế thì lòng hiểu-động có thể khuấy được cuộc đời.

*Ba là đạo-đức.* — Ở đời như bơi ngược dòng nước. Có người vui điều đạo-đức mà quên được nỗi « vờ » ở đời. Song lòng đạo-đức là lòng trong-sạch của người mà lại là khó ; nếu thật là có bụng muốn trở ngược dòng nước đời thì gì mà không quên được, gì mà không khuấy được, chỉ hiềm vì dòng nước buông xuôi mạnh quá khó mà giữ được !

*Bốn là khối-tình.* — Ở đời lại còn có thể lấy khối-tình mà khuấy cuộc đời. Ở trong nhà đối với cha mẹ, lấy tình hiếu-thảo ; đối với anh em, lấy tình máu-mủ. Song tình hiếu - thảo, tình máu-mủ là để làm mục-dịch, làm then-chốt cuộc đời, gọi là làm khuấy không được chính-định.

Trừ tình hiếu-thảo, tình máu-mủ, còn một tình nữa là tình bằng-nữ. Tình ở trong nhà, lọt lòng ra là đã có, đẻ ra là đem ngay khối tình ấy mà dùng. Từ bé đến lớn, trong bụng còn chứa một khối-tình mà chưa đem ra dùng. Khối-tình đó sẽ một ngày kia đóng đôi với khối-tình khác mà trọn nghĩa chữ tình. Người ta đi tìm bạn tức là đem khối-tình ấy mà chọn một khối-tình khác để cùng đóng với nhau mà làm khuấy cuộc đời.

Cuộc đời đã « vờ », đã biết rằng chẳng khác chi đám khói thuốc lòn bị cơn gió lốc thổi ; người ta tức là một tối-vi-diêm trong cái vi-diêm của đám khói đó (ấy chỉ là đám khói phút

thoảng phút tan mà cũng làm say mê tề-tái đời người như thế đó !). Lại nói rằng Cuộc đời là gió bụi ; gió thổi, bụi bay, biết đâu là bờ, là bến.

Nếu con người ta mà lại không biết giàng-buộc lấy nhau thì nỡ để cho ngọn gió vô-tình kia nó cuốn đi hay sao ? Bởi thế nên cần cho người ta phải tìm bạn, phải có bạn.

Người mà không có bạn thì có ham sống cũng không ham quá, có hiểu-động cũng không quá mà có khi lại tàn-ngần lẩn-thần mà quên hiểu-động, cổ chỉ trở ngược dòng cũng buồn nỗi trơ-vơ lại trùng chân, trùng tay. Ham sống, hiểu-động, lòng đạo-đức mà quên đi thì nỗi « vờ » lại nghĩ đến, nghĩ đến mà chán, mà ngán, mà bồi-hồi, mà buồn mà rời-rạc cả thần-trí, cả thân-thể ! Bởi vậy nên sự tìm bạn là cần mà người bạn là hòn ngọc giải-sầu.

Khi đã có bạn rồi thì sống cùng ham sống, động cùng hiểu-động, cười cùng cười, khóc cùng khóc, vui cùng vui, buồn cùng buồn, hiểu cùng nhau rằng cõi đời này chỉ là tạm-bợ, mà cùng thương-yêu nhau, khuấy-khỏa cùng nhau cho quên nỗi « vờ » của đời, sự vô-tình của hóa-công.

Song hóa-công đã vô-tình, vô-tình cho hết lẽ, đã cay nghiệt, cay nghiệt cho đủ đường : người đời không mấy khi gặp bạn, có gặp thì lại không được cùng nhau khuấy-khỏa cho lâu dài, cho trọn đời.

Người ta thường nói rằng : « Dưới trần nào biết ai là tri-âm ! », có ý nói rằng dưới trần không có tri-âm. Như thế là không phải, dưới trần thật có tri-âm. Tri-âm ở đâu ? Góc bể, chân trời, lầu non, ngọn suối, bằng ấy chỗ, bốn góc trời, thế nào cũng có tri-âm, chắc có người tri-âm. Có thì có, tìm thế nào được ? Hay chẳng ? Sự đó là khó lắm

thay ! Chắc rằng có, biết rằng có, mà không tìm được chẳng cũng đau lòng lắm sao !

Người đời lại có tình không thích cô-độc, người đời thật quả không có lòng hiếu-tĩnh. Nay ví như có một người vì sự phiêu-bạt trôi ra một cái gò giữa bể. Ở gò ấy phong-cảnh đẹp, lại có núi côm, núi đường, núi muối, lại có hồ canh, hồ chim sào cá rán ; đủ các đồ ăn, thức dụng. Người ấy ở đấy chắc không sợ đói, rét ; lại ví như người ấy không bao giờ đau ốm được. Về vật-chất không có gì nguy-hiêm, về tinh-thần thì đã có cảnh đẹp nên thơ ở đó. Cứ như thế mà năm, sáu, bảy . . . . , hai-mươi năm, mà không thấy một bóng người nào, thì chắc rằng cũng phải bút-rút, cũng phải chán, cũng phải lấy làm sầu-não.

Đang lúc sầu-não, khổn khổ về sự

cô-độc như thế, mà hốt-nhiên gặp một người, bất - cứ trai hay gái, thì chắc rằng sướng mà chết ngất người đi được. Rồi sau cái người ấy dẫu ô-trọc, xấu-xa ra chẳng nữa, thì ngay lúc đầu cũng có cái cảm-tình chết ngất được. Mà dẫu biết trước ngay rằng người mình gặp là ô-trọc, xấu-xa, thì ngay lúc đầu cũng phải thế, cũng phải mừng.

Ấy cũng vì cái tình ấy mà ở đời nhiều người phải có « bạn gương ». Chẳng cũng khổ một đời ru ?

Nào lâm-toàn, thành-thị, hải-giác, thiên-nhải, có chẳng là khách « hữu-tình », nào ai là người « thanh-khi » ? Nào ai là « bạn đời » ?

Ai sang dò ấy bây giờ ?

Ta còn đứng lại ta chờ bạn ta.

Mưa nguồn chộp bề xa xa,

Ấy ai là bạn của ta, ta chờ ?

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT.

## VĂN-UYỄN

### DỊCH THƠ TÀU

(*Thể thất-ngôn cổ-phong*)

#### Tiết-phụ ngâm

節婦吟

Của ông Trương Tịch đời Đường  
(唐人張籍)

Người biết tôi chồng rồi,  
Cầm minh-châu cho tôi.

君知妾有夫。

贈妾雙明珠。

Bọc vào dải tề đồ,  
Vàng hăng biết lòng người

感君纏綿意。

繫在紅羅襪。

Nhà tôi lầu gác mấy tầng cao,  
Chồng tôi trong điện Minh-quang đó.

妾家高樓連苑起。

良人執戟明光裏。

Bụng người nhật-nguyệt sáng đôi  
vàng,

Cái nghĩa theo chồng người hẳn rõ.

知君用心如日月。

事夫誓擬同生死。

Trả châu đây cũng gạt hàng châu,  
Giận lúc chưa chồng không gặp  
nhau !

還君明珠雙淚垂。

恨不相逢未嫁辰。

## Lời giải kiếm lời binh

Thơ này là tả ra một người đàn-bà tuyệt-đích hữu-tình, tuyệt-đích thủ-ngĩa, dề vi vào sự-tình sự-thể của mình, mà giải cho người nghe, thuộc về mối tự-hướng tự-trần.

Ông Trương Tịch là người danh-sĩ đời Trung-Đường; đời Trung-Đường bấy giờ hiện có cái cuộc phiêu-trấn, mỗi ông vũ-trưởng chuyên-chế mỗi phương, binh-chính tài-chính dân-chính đều ở trong tay; trấn nào quan-chức còn bầm-mệnh với triều-đình, thì đời cho là thuận-đang; trấn nào quan-chức không bầm-mệnh với triều-đình, mà đem binh lực thực-hành đối-kháng lại, thì đời cho là nghịch-đang; trong cuộc rối-loạn, kẻ có hơn một trăm năm; xét ra chẳng khác gì cái cuộc địa-phương đồ-độc ở bên Dân-quốc nước Tàu ngày nay. Ông Trương Tịch bấy giờ hiện đã làm một vị tân-khách ở trong mạc-phủ một ông vũ-trưởng thuộc về thuận-đang, cũng muốn giúp triều-đình, để mong lấy cuộc thống-nhất; hay đâu trong nghịch-đang bấy giờ có anh Lý Sư-Đạo hiện làm Vạn-súy, là tay quật-cường; họ biết ông là người tài, họ cũng ân-cần viết thư đem lễ đến đón ông, thật là lễ nhiều nói ngọt, khiến cho lòng người cũng dễ xiêu; và lại tình-thế bấy giờ thì ngập-ngập lắm, nếu đốn không được ông, thì hai trấn không khỏi tức-khắc sinh ra chiến-họa; kỳ-thủy ông phải giả cách cảm ơn nhận lễ, hình như có ý hối-hận và hoan-ngheh; rồi ông sẽ dần dần tìm cơ khước đi; khi khước-lễ, ông có làm ra một bài *Tiết-phụ-ngâm* này, đưa cho Lý, để tự-hướng và tự-trần với Lý; may sao Lý cũng nghe ra sự gì cả.

Ông Trương Tịch ở đời bấy giờ, khác nào như một người con gái đẹp; sơ-tâm cũng muốn trao tơ cho phải lứa, gieo cầu cho đúng nơi; có lẽ đầu thất-thân với những kẻ rông-rại, cho thuyên nghìn vàng để ô-danh má-đào vậy. Huống-chi duyên Đàng đã thuận nẻo gió đưa, cùng chàng tri-kỷ đã kết-tóc xe tơ những ngày đó rồi; cái kẻ kia dù có số-cơ chẳng nữa, chỉ quyết với nhau một lời từ-tạ là xong; lại có lẽ đâu một lòng thì chứa hai tình, mà toan bắt chước những thói sớm muộn lối đào hay sao? Nhưng khôn thay! Kẻ quyến oanh rủ yến kia, lại là kẻ nọc rắn miệng hùm; cái bước đó, thật là một cái bước mang kiếp má-đào, mà phải e-đề sóng gió. Nếu mình khôn ngoan không được cho đến mực, nói năng không được cho phải lời, thì dầy rút rừng động, sự này là sự tây trời đó, không phải là sự nhỏ đâu; cho nên trông thấy đồ châu-báu của kẻ kia đem tặng mình, mình phải nung tay cất lấy, bọc vào trong áo, làm điều như là cảm cái ân-ý triền-miên lắm lắm, cho họ khỏi nổi tam-bành họ lên; rồi sẽ dần dần kể ra cái thân mình là con nhà khuê-các, không phải là con nhà tầm-thường, cho khỏi mất thể-diện mình; kể ra chông mình là ông chông hần hoi, không phải là thằng chông vor-váo, cho khỏi mất giá-trị mình. Song lại phải phỉnh kẻ kia rằng: Tôi vợ-nhật nguyệt ở trên đầu, lẽ gì là chàng chẳng soi-xét; cái đạo tông-phu phải lấy chữ trinh làm đầu, chắc chàng đã từng soi-xét đến cho cả rồi; bây giờ xuân không thể tới được Tước-đài, châu lại xin hoàn về Hợp-phố, hai hàng lệ tôi thật là lã-chà khôn cầm. Tôi chỉ giận rằng duyên tôi là duyên hãm, phận tôi là phận bạc, đương thừa đào tơ sen ngó, không gặp được chàng mà trăm thế quạt ước, hải-thệ sơn-minh, vân vân.

Xem vậy, kẻ tiết-phụ ấy thật là đã khôn-tám, người danh-sĩ này thật là đã khổ-từ, kết-cục là nghĩa-vụ vườn thặng được ái-tình, tuy có mắc điều

linh-ái, nhưng mà khỏi điều tà-dâm; thế mà đời sau còn có kẻ mắng rằng: « Gái vì của báu mà động lòng, trai vì lễ nhiều mà uốn nết. » Than ôi! Đi cầu nào sẽ biết cầu ấy, mắng thế, chẳng là khe-khắt lắm ru!

## Tùng-Vân NGUYỄN ĐƠN-PHỤC

## THƠ TẬP VỊNH

## Đồng-dạ lữ-hoài

Lạnh lẽo canh tàn khách thần-thơ,  
Đường kia nổi nợ rồi vô tơ!  
Trông về quê-quán sương che khắp,  
Ngánh lại non-sông tuyết phủ mờ.  
Nhạn yến đôi thay chùng mấy độ,  
Trúc mai xum họp biết bao giờ?  
Niềm tây biết ngộ cùng ai tá?  
Chỉ thấy trăng sương bóng lập-lờ.

## Đêm đứng bờ ao

Thức lâu mới biết nổi đêm trường,  
Thơ-thần bờ ao cảnh ngấm sương.  
Đáy nước long-lanh in bóng nguyệt,  
Mặt hoa óng-ả đượm màu sương.  
Lạnh-lùng tắt giọng thương hồn-quốc,  
E-ủ ngồi tơ ngán chầu-chường.  
Phong-cảnh như tô màu thủy-mặc,  
Càng trông càng ngĩ lại càng thương!

## Gái bị chông ché

Chẳng cứ khôn-ngoaan với vụng-về,  
Gái đâu có gái đề chông ché.  
Phấn son cũng dục màu trang-diêm,  
Non nước nào ngờ phận ủ-ê.  
Ý hẩn cầu Ô sai dịp bắc,  
Hay là chị Nguyệt trái tay về.  
Phen này tu lấy cơ-đồ lại,  
Há phải lờn-bơn chịu một bề.

## Mộng-tiền PHẠM TUẤN-TÀI

Giáo-sư trường Nghĩa-xá, Thuận-thành

## Tự-thán

Chẳng cứ khôn-ngoaan với vụng-về,  
Gái đâu có gái đề chông ché.  
Phấn son cũng dục màu trang-diêm,  
Non nước nào ngờ phận ủ-ê.  
Ý hẩn cầu Ô sai dịp bắc,  
Hay là chị Nguyệt trái tay về.  
Phen này tu lấy cơ-đồ lại,  
Há phải lờn-bơn chịu một bề.

Mảnh gương kim-cổ chưa mờ thủy,  
Câu chuyện tang - thương luống giạt  
minh.

Chiếc bóng lãng-băng nhà bốn bề,  
Hai vai kịu-kịt nợ ba-sinh.  
Ai người tri-kỷ cùng ta đó ?  
Xin đỡ cho nhau một gánh tình.

Bình-hải TẠ QUANG-NINH

### HÁT NÓI

(Bài cũ)

#### Cảnh Đông

Lần-lữa trải ba tuần túc-sái, bóng  
quang-âm thu lại sang đông ; sắc tưng-  
vân thấp-thoảng đỉnh hàn-phong, về  
mai-tuyết lạnh-lùng cơn gió bắc. *Đống  
hợp ngọc-lâu tàn khởi lật, 凍合玉樓  
頻起粟. quang phù thủy-quốc tận  
đôi diêm, 光浮水國盡堆鹽.* ; khách  
hằng-nga lãng-dăng cung Thiềm, chim  
bắc-diều thờ-ơ vắng tổ. Trái sương giá  
mới biết niêm trinh-cổ, về thêm tươi  
nợ trúc kia thông ; mai sao chẳng nề  
sương cùng, thày-lay sớm đã tỏ lòng  
chứa xuân.

#### Cảnh Xuân

*Đông hàn hậu tam dương khai thái*  
冬寒後三陽開泰, tiết xuân hòa  
bóng dãi thiềm-quang ; khắp cỏ hoa  
đâu chẳng hướng-dương, mừng thế-  
vận lại ca thơ phục-dán. *Bất tri phương-  
thảo tình hà hạn, 不知芳草情何限.  
thả hỉ niên-hoa khứ phục lai, 且喜年  
花去復來.* ; kia người vui cuộc rượu  
đám chay, nợ kẻ mãi tham thiềm chúc  
Phật. Người đắc-thú giang tay hợp mặt,  
khách bãi-niên nổi gót ra vào ; *gia-  
tân thức yến dĩ ngao 嘉賓式燕*

#### Tập kiêu

Trông vờ trời bề mệnh-mang,  
Đầy sông kinh-ngạc, chạt đường

Đã cam chịu bạc với tình,  
Một mình mình biết, một mình mình  
hay.

Xót vì cầm đã bén dây,  
Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.  
Nhớ lời nguyện-trước ba sinh,  
Đố ai dứt mối tơ-mảnh cho xong.  
Buồng vãn hơi giá như đồng,  
Lửa hương chốc dề lạnh-lùng bấy lâu.  
Nghĩ điều trời thăm vực sâu,  
Bâng-khuâng nào biết ai đâu mà nhìn?  
Cho hay là giống hữu-tình,  
Khéo vô-duyên mấy là mình với ta.  
Buồn trông ngọn nước mới sa,  
Một thiên tuyết-bút gọi là dề sau.  
Buồn trông nội cỏ rầu-rầu,  
Bốn dây đỏ máu năm đầu ngón tay.  
Sầu đông càng lắc càng dày,  
Chín hồi vĩa-vit như vầy mối tơ.  
Nào người cũ gió tuàn mưa,  
Hoa trời rạt thắm, liễu xo-xác vàng.  
Điều đâu bay-buộc ai làm,  
Dấu người đá cũng nát gan lọ người.  
Công-trình kẻ biết mấy mươi ?  
Này ai vu-thác cho người hợp tan !  
Cơ trời đâu bề đa-doan,  
Kề làm sao xiết muôn vàn ái-ân.  
Một người dề có mấy thân,  
Đến phong-trần cũng phong-trần như ai.  
Khi về hỏi liễu Chương-đài,  
Tài-tình chi lắm cho trời-đất ghen.  
Mái tây dề lạnh hương-nguyên,  
Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai.  
Tẻ vui âu cũng kiếp người,  
Ngần-ngơ trăm nỗi dùi-mài một thân.  
Nghĩ mình tưng đất xẩy chân,  
Vội-vàng nào kịp tính gần tính xa.  
Sao cho muôu dậm một nhà,  
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao ?  
Chút thân liễu yếu thơ đào,  
Quá ra khi đến thế nào mà hay.  
Đàn cầm khéo ngần-ngơ dây,  
Xuân-thu biết đã đổi thay mấy lần.  
Bóng tàu vừa nhạt vẻ ngân,  
Nổi nằng càng nghĩ xa gần càng thương.  
Đêm xuân một giấc mơ-màng,  
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiêu-Lân.

Bâng-khuàng đỉnh Giáp non Thần,  
Bấy lâu kẻ Việt người Tân cách xa.

Mấy lời tâm-phúc ruột già,  
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai ?  
Thờ-ơ gió trúc mưa mai,  
Nghĩ mình vinh-hiền thương người  
lưu-ly.

Dở-dang nào có hay gì ?  
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.  
Còn non, còn nước, còn dài,  
Khối tình mang xuống tuyền-đài chưa  
tan.

Bởi lòng tạc đá ghi vàng,  
Mảnh gương còn đó phiến đàn còn đây.

Thương ôi ! Tài-sắc mực này,  
Bi-hoan mấy độ đêm chầy trăng cao.  
Một lời đã trót thâm-giao,  
Nhu nung gan sắt như bào lòng son.

Người còn thì của hầy còn,  
Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

Tháng tròn như cuội cung mây,  
Cổ cao hơn thước liêu gầy vài phân.  
Mặt người mưa Sở mây Tần,  
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng.

Chầy sương chưa nện cầu Lam,  
Đường kia nổi nọ ngồn-ngang bời-bời.

Chốc là mười mấy năm trời,  
Dấu trong nguy-hiểm dám rời ước xưa.

Rằng tôi đã có lòng chờ,  
Cắt người tim-tôi đưa tờ nhân-nhe.

Thần-thơ lúc tỉnh lúc mê,  
Áo dầm giọt lệ tóc xe mối sầu.

Khi tựa gối, khi cúi đầu,  
Khắc-canh lại giục thú-lâu mấy hồi.

Giận duyên tử phạm bời-bời,  
Thấy trăng mà thẹn những lời nonsông.

Tóc-tơ cần-vặn tấc lông,  
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy.

Rằng lòng dang thồn-thức đây,  
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.

Tin nhân vắng lá thư bay,  
Góc trời thăm-thẳm đêm ngày dăm-đăm.

Đã nguyện hai chữ đồng-tâm,  
Vị nằng nghĩ cũng thương thăm xót vay.

Trông ra ngọn cỏ cành cây,  
Đi về này những lối này năm xưa.

Nỗi riêng tâm-tả tuôn mưa,  
Nỗi riêng tâm-tả tuôn mưa,

Đốt lò hương ấy, giở tờ phím này.

Những là phiền-muộn đêm ngày,  
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi.

Ăn-năn thì sự đã rồi,  
Còn đeo-dặng chẳng thiệt-thời lăm dư!

Giữa đường đứt gánh tương-tu,  
Giấc hương-quan luống những mơ  
cạnh dài.

Nghĩ đời mà chán cho đời,  
Còn ra khi đã da-mỗi tóc-sương.

Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,  
Còn tôi tôi một gập nằng mới thôi.

Vầng trăng vắng-vặc giữa trời,  
Dấu thay mái tóc, dăm dời lòng tơ.

Xót thay chiếc lá bơ-vơ,  
Tiếng oan dấy dất án ngờ lòà mây,

Đêm thu một khắc một chầy,  
Vầng đông trông đã đứng ngay nóc nhà.

Nặng lòng xót liêu vì hoa,  
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.

Rằng từ ngẫu-nhĩ gặp nhau,  
Tuồng thề-thốt nặng càng dẫu-đón  
nhiều.

Vì-dù giải-kết đến điều,  
Sống thừa tôi đã nên liêu minh tôi.

Nỗi thương nói chẳng hết lời,  
Đỉnh-chung sao nở ăn ngồi cho an.

Thề hoa chưa ráo chén vàng,  
Kể làm sao xiết muôn vàn ái-án.

Đủ điều chung-khúc ân-cần,  
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.

Nợ tình chữa trả cho ai,  
Dấu mòn bia đá, dăm sai tấc lòng.

Nhỡ-nhàng nước đục bụi trong,  
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.

Nàng thời cỡi khách xa-xăm,  
Biết đâu mà gửi can-tràng vào dẫu.

Trải qua một cuộc bề dẫu,  
Tuyết-sương nhuộm nửa mái đầu hoa  
dám.

Tin rằng sông nước cát lằm,  
cạn tệt với tri-âm bấy chầy.

Phận sao đành vậy cũng vậy,  
nàng-khuàng như tỉnh như say một  
ấy

cho cái sóng khuynh-thành,  
X i ai có thấu tình chẳng ai ?

Phận sao phận bạc như vôi,  
Chiếc thoa này với tờ-bồi ở đây.  
Nhớ từ năm bấy thơ-ngây,  
Của tin gọi một chút này làm ghi,  
Đau lòng kẻ ở người đi,  
Đề nàng cho đến nỗi thì cũng thương.  
Người sao tiết-nghĩa đủ đường,  
Thân sao bướm chán ong chường mấy  
thân.

Tiếc thay trong giá trắng ngần,  
Tin sương đồn-đại xa-gần xôn-xao.  
Gặp cơn binh-địa ba-đào,  
Nợ đâu ai đã dặt vào tận tay.  
Nỗi nàng tai-nạn đã đầy,  
Làm cho bề ai khi đầy khi vơi,  
Nén hương đến trước Phật-đài,  
Trên đầu có bóng mặt trời xét-soi.  
Vàng trắng ai xẻ làm đôi?  
Biết bao giờ lại nổi lời nước non.  
Sương mai tỉnh đã gầy mòn,

Khuôn xanh biết có vương tròn mà hay.  
Tình sâu mong trả nghĩa đầy,  
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương.  
Bao nhiêu của, mấy ngày đường,  
Tiền đường cũng lại tìm nàng sau-xưa.  
Sông Thương một dải nông xờ,  
Dám xa-xôi mặt mà thơ-thốt lòng.  
Phũ-phàng chi mấy hóa-công,  
Tin sương luống những rày trông mai  
chờ.

Phòng không lạnh ngắt như tờ,  
Ruột tím đòi đoạn như tơ rối bời.  
Người mà đến thế thời thôi,  
Nghĩ đòi cơn lại xụi-xùi đòi cơn.  
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,  
Gan càng tức-tối ruột càng xót-xa.  
Trăm năm trong cõi người ta,  
Tu là cõi phúc tình là dây oan.

Nhật-chi NGUYỄN-THĂNG

TIÊU - THUYẾT CỔ  
LĨNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史  
XVIII

HỒI THỨ XIX

*Tim chưa gặp, thương tình ly-biệt,  
Bói thử xem, mong hội đoàn-viên.*

Qui-Nhi chỉ vì mong Phùng-Ngọc không thấy về, trong bụng nóng nẩy, muốn nói với bố mẹ chồng y theo ý tốt của Lý công-chúa khuyên mời đi đến trại Gia-quế, rồi sẽ xin binh báo thù. Song lại sợ bố mẹ chồng già nua tuổi tác, đi xa xôi bạt-thiệp khôn phải là dễ. Nếu bố mẹ chồng khôn đi, mà Hoàng-lang thì không trả về, chỉ dùng-dặng mong đợi

lâu ngày, lại sợ hài-cốt cha mẹ không thể bảo-toàn được; nghĩ đến nông-nỗi ấy khác nào như con kiến bò ven bên chậu nước nóng, lui lên lui xuống không biết giờ đàng nào; trong lòng lo nghĩ quá-độ rầu-rĩ uất-kết, mới thành ra bệnh tâm-thống; sáng sớm trở dậy rửa tay bõng dưng hết lên một tiếng ngã lảo xuống đất, hôn-mê cả người, hàm răng nghiến chặt, chân tay giá ngắt. Vợ chồng Tư-trai vội vàng chạy lại ôm lấy, hô-hoán một hồi lâu, mới hơi tỉnh - tỉnh. Tư-trai bảo Sa-thị và Tiêu-Thanh đỡ Qui-Nhi vào trong giường. Tư-trai thì vội vàng

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

đi đến Tây-thôn, đón một ông thầy thuốc danh - tiếng là họ Trương; nguyên thầy lang ấy: thân-thể ngắn-ngủi, trạng-mạo thanh-kỳ; đi đứng xuềnh-xoàng, giầy áo sặc-sếch, trong lòng toàn diệu-thuật Thanh - nang, trên tay đủ kỳ-phương Bạch-hồ; khi say thì lê-la cả bùn cả nước, lúc hưng cũng ngâm-nga nào phú nào thơ; được cuộc ra lại vênh-váo vuốt râu, vung tay dậy di ngóng - nghênh đánh chén; thực là người danh-sĩ tiêu-dao ngoài cõi tục, hay là bậc địa-tiên mặc quách cả giàu sang. Khi thầy lang ấy đến nơi đưa vào trong phòng. Tiêu-Thanh ở trong màn vãn - mầu nâng đỡ cổ tay nâng đưa ra. Thầy lang xem mạch suốt cả tam-quan lục-bộ, xong rồi, bảo Tư-trai rằng:

— Xin cho xem dung-nhan linh-tức qua một chút.

Tư-trai liền bảo Tiêu - Thanh mở cánh màn ra. Thầy lang xem qua, rồi trở ra nhà tiền-đường bảo rằng:

— Bệnh linh-tức là chứng uất đấy. Kinh rằng: « Mạch hành kết-súc, thành ra bệnh uất », bệnh uất có năm chứng, song chứng bệnh linh-tức đấy thời bởi tại bi-ai sần-não mà sinh ra; bi-ai đau đớn, sần-não mãi ở trong, rồi thành ra khí bế-tắc không lưu-thông đi được, hễ khi nào phát lên thời tâm-bệ cấp-súc mà thượng-tiêu không thông, thường có cái chứng bạo-thống bạo-tuyệt. Nhưng chứng uất có khi nhân bệnh mà sinh uất, có khi nhân uất mà sinh bệnh; nay mạch linh-tức xem ra thời súc-kết mà có lực, mà nét mặt thời thần-khi tiêu-tác, đó là bởi uất mà sinh ra bệnh đấy. Phép trị-bệnh phải trị kỳ-bản, nay bệnh linh-tức không phải chỉ nhờ ở thuốc-thang mà khỏi được, tất phải trừ bỏ bệnh-căn thì mới khỏi được, chớ không nên để cho tái-phát, nếu để tái-phát thì thành ra cố-tật đó.

Tư-trai nghe nói, bùi-ngùi mà rằng:

— Lời tiên-sinh dạy thực là thấu hết phủ-tạng, dẫu thầy Biền - Thước cũng không kịp được.

Bèn hậu-tạ thầy lang mà tiễn ra về.  
Thực là:

*Diệu-lý đã hay thần linh-hội,  
Cao-danh nào phải tiếng đồn suông.*

Tư-trai từ khi nghe lời thầy lang nói, trong bụng buồn-bã, trở vào bàn với Sa-thị mà rằng:

— Nếu muốn cho con dẫu nó khỏi hẳn bệnh-căn, thời trừ-phi thẳng con Phùng-Ngọc nó trở về, nó đi đến trại Gia-quế xin binh hộ để báo-cứu cho thân-ông và đem được hài-cốt thân-ông về, họa may mới bớt được cái lòng thương đau của con dẫu nó; nhưng không biết cái thẳng súc-sinh ấy vì việc gì mà hết ngày ấy sang ngày khác không thấy trở về, ta còn biết làm thế nào mà giải-cứu cho con dẫu được đấy? Thương thay cho con dẫu nó dẫu xanh tuổi trẻ gặp phải tai-vạ, may mà trốn thoát lặn-lội nghìn dặm mới đến tìm được tôi với bà, nay lại để cho nó phải chịu uất-ức mà chết, lòng nào lại nở thể bao giờ.

Tư-trai nói rồi, rỏ nước mắt khóc. Sa-thị cũng khóc mà rằng:

— Hay là ta cứ nói dóng lên cho nó mừng rằng ông với tôi đợi Phùng-Ngọc mà không thấy về, nếu mai kia con dẫu nó khỏi, thì đem tất cả nhà cùng đến trại Gia-quế ở, rồi cầu Lý công-chúa phát-binh báo-cứu hộ cho; cứ nói dóng lên thế cho con nó sợng nó khỏi đã, rồi sau ta sẽ thương-lượng, có nên chăng?

Tư-trai gật đầu mà rằng:

— Đó cũng là cái phương cứu-cấp, mà cứ vào nói cho con nó hay.  
Ấy Sa-thị bèn trở bước vào phòng hỏi

— Con ơi! trong bụng con bây giờ đã thấy khoan-khoái hay chưa?

Qui-Nhi thưa:

— Trong bụng con bây giờ còn đương nôn-nức lắm.

Sa-thị nói:

— Nay con, ông con đã bảo con mà khỏi dậy, nếu đợi Phùng-Ngọc không thấy về, thì vào độ thượng-tuần tháng tư, khi trời mát-mẻ, cả nhà cùng đến trại Gia-quế, sẽ nói với Lý công-chúa phát-binh báo-thù hộ cho con.

Qui-Nhi nguyên không có bệnh gì chỉ vì đợi Phùng-Ngọc không thấy trở về, sợ lỡ mất cái cơ-hội tốt, không sớm đi xin binh báo-thù, nếu chậm ra thì không kịp nữa, nên mới ru-uất thành bệnh; nay nghe thấy bố chõng bằng lòng đem cả mình đến trại Gia-quế để thỉnh-binh; tựa như còi mới sâu-tràng, đau đớn biến đi đâu mất hết, vụt cái đứng trở dậy, khấu-đầu lạy tạ Sa-thị. Sa-thị cả mừng mà rằng:

— Con nay thân-thể hãy còn yếu, đợi ít bữa nữa bồi-dưỡng cho khỏe-mạnh như thường đã, rồi mẹ sẽ nói với ông chọn ngày khởi-trình ra đi.

Sa-thị nói xong, bước ra ngoài cửa buồng sẽ nói cho Tư-trai biết. Tư-trai cũng lấy làm mừng thầm.

Tháng ngày thắm-thoát, vụt như thoi đưa, chớp mắt đã đến đầu tháng tư rồi. Qui-Nhi không thấy Tư-trai nói nhắc đến việc đi đến trại Gia-quế nữa, trong bụng nghĩ thầm rằng lẽ-thường bố chõng nói dứ ta chẳng. Nàng bèn chạy vào trong buồng lấy một tờ hoa-tiên viết ra một bài thơ, sai Tiều-Thanh sẽ đem vào để ở trên án. Tư-trai trở vào thấy trên án một tờ hoa-tiên đề thơ, nét bút vừa ngăn tươi tốt, trông như người gái đẹp bông hoa tươi, biết là chữ của nàng dâu viết, bèn cầm lấy thơ xem, rằng:

*Ơn sâu báo-đáp biết bao giờ?  
Giọt lệ khôn cầm lưỡng ngấn-ngoi  
Gối điệp buồn nghe chim gáy sớm,  
Dây loan biếng gầy nhện trắng tơ.  
Đường hoa mưa rấp hồn vô-vấn,  
Hiên trúc trắng tà bóng phất-phơ.  
Đọc sớ nàng Oanh thêm tủi dạ,  
Soi gương càng thẹn vẻ ngày thơ.*

Tư-trai xem thơ xong, than-thở mà rằng:

— Con dâu ta thực là tài-đức vẹn toàn cả hai, vì ta có hứa với nó cùng đi đến trại Gia-quế; nay đã lâu rồi mà không nhắc đến nữa, nên nó làm ra bài thơ này, ý nó thực là nóng ruột lắm; song lời thơ rất hàm-súc, không dám nói giục-giã ta; người con dâu hiền-hiểu như thế này, mà ta không đưa nó đi, là ta sai lời hứa với con, thì ta không phải là cha nó nữa.

Tư-trai nói rồi, bèn chạy vào nhà hậu-đường, cùng bàn-tính với Sa-thị mà rằng:

— Thầy lang bảo chứng bệnh con dâu nó hề khỏi rồi, không nên để cho nó tái-phát nữa; nếu để tái-phát thì thành ra cố-tật, chẳng Phùng-Ngọc súc-sinh kia, chẳng mong gì nó trở về nữa đâu; ta trước đã nói hứa với con dâu rằng cùng đi đến trại Gia-quế, mà nay không đi thì nó hẳn không được thỏa lòng, sợ lại tái-phát cái bệnh ấy ra thì oan-gia. Vả lại Lý công-chúa ở trại Gia-quế cũng có gửi thư lại, lời nói truân-thành khẩn-thiết lắm, có mời tôi với bà đến sơn-trại để phụng-dưỡng. Nếu chúng ta đến chơi đó, thì con dâu nó hẳn vui mừng, hay là ta cùng với con dâu nó cứ đi đến trại Gia-quế một phen, vì nó mà xin phát-binh báo-thù hộ cho cả nhà thân-gia, cũng là tỏ cái tình thù-đáp nhà Trương thân-gia một chút. Song đường xá xa-xôi, chỉ một mình ta với nàng dâu đi thì không tiện, hay là bà mày cùng đi chơi, nên chẳng?

Sa-thị nói :

— Lý công-chúa mới kết-thân với conta mà biết sai người đưa đồ cam-chỉ về biểu tôi với ông, thế cũng là người con dâu hiền đấy, ừ thì tôi với ông cùng đến chơi trại Gia-quế thăm xem cũng hay.

Tư-trai nghe nói cả mừng, liền sai người đến thư-phòng gọi con thứ hai là Hoàng Phùng-Châu trở về, dặn bảo rằng :

— Ta với mẹ con cùng chị dâu con định đi đến chơi trại Gia-quế, việc nhà ta giao-phó cả cho con, con nên sớm tối cần-thận trông nom, rồi thì đem sách ra học, chớ có chơi đùa, hễ ta xong việc, thì ta liền trở về ngay.

Phùng-Châu nghe lời xin vâng. Tư-trai bèn sắp sửa hành-trang, định chọn ngày để khởi-trình. Qui-Nhi bèn cùng Sa-thị thương - nghị mà rằng :

— Ông nay tuổi già, đi dọc đường phải có người hầu-hạ; con lúc lại đây mặc nam - trang, vậy nay con lại xin mặc nam - trang như trước, để khi xuống thuyền vào trọ, không phải kiêng-ky gì, lại tiện việc hầu-hạ, thưa mẹ nghĩ có nên chăng ?

Sa-thị nói :

— Để ta bàn với ông xem thế nào ?

Sa-thị liền lại nói với Tư-trai. Tư-trai cả mừng mà rằng :

— Phải lắm, con dâu ta nhan - sắc phi-thường, chỉ sợ gọi động đến con mắt người ta, ta vẫn lấy làm lo nghĩ, nay mà cải nam-trang thì không phải lo gì nữa.

Qui-Nhi nghe mệnh bèn cải-trang mặc ra lối học-trò, tuân - mệnh sai Tiêu-Thanh thuê ba cái kiệu ra đi. Lại bảo Bàn Vi-Liên gọi hai tên lính gánh đồ hành-lý đi theo hầu sau kiệu, cùng đi đến Tùng-giang, thuê thuyền để kéo đi. Khi thuyền đến Trường-sa,

thấy người xôn-xao truyền-thuyết bảo rằng : « Người mán làm phản, quân quan Đốc-phủ bị thua, tỉnh-thành đã phải vây hãm cả rồi. » Tư-trai nghe nói cả kinh, kíp gọi Bàn Vi-Liên đến hỏi rằng :

— Nghe có tin đồn rằng công-chúa nhà người làm phản, thì lũ người không nên đi lên vội.

Bàn Vi-Liên nói :

— Hạt Quảng-dông này thuộc về dân mán chúng tôi ở rất nhiều, nhưng chỉ có một mình công-chúa tôi là qui-thuận triều-dinh ; còn thời như mán Bát-bách-túc ở Liên-sơn, đảng Ngũ-hoa-tặc ở La-bàng, đều có đến và mười vạn quân, không phục theo vương-hóa. Nay đâu có tíu bọn mán-mèo làm phản, nhưng chắc là không phải công-chúa tôi, xin thái-công chớ ngại.

Tư-trai nghe nói, bèn cứ phóng-tâm đi lên, khi đi đến Hưng-ninh lại nghe thấy người đồn rằng : « Người mán đem lính đến đánh quân giặc ở trại Hỏa-dải ; về đường Long-xuyên, binh-thuyền sung - sich, không thể đi lên được. » Bàn Vi-Liên nghe được tin ấy bèn nói với Tư-trai rằng :

— Tôi nghe có quân đến đánh trại Hỏa-dải, xin thái-công cứ đi mau lên đến Long-xuyên, thử hỏi thăm xem là trại mán nào đem quân đến đánh.

Tư-trai nghe nói cho là phải, bèn cứ giục lái-thuyền đi sấn lên. Khi đi đến Thanh-kê bèn trở lên bộ, gặp thấy vô - số những người mặt võ mình gầy, quần áo lam-lũ, lũ năm lũ ba từng dàn kéo đi. Tư-trai cũng không để ý làm chi. Khi đi đến Kỳ-lĩnh thấy vô-số người quây-quần lại trở chân trở tay vòng quanh lại hỏi thăm về lam-lũ ấy. Tư-trai bèn chạy đến nghe xem nói chuyện gì, thì thấy người nói : « Tôi từ tháng mười nà, goái bị giặc bắt đi, quân giặc nó bắt tôi viết thơ về nhà bảo nhà đem

ngàn bạc đến chuộc ; nhưng tôi biết rằng quân giặc vô - đạo, dẫu cho nó ngàn bạc, vị-tất nó đã tha cho ; bởi thế nó khảo-đả kim cạp bắt ép tôi viết thư, tôi nhất-dịnh không viết ; nó lại đem trói chân tay tôi lại bỏ vào chuồng lợn ; rồi nó lại lấy dây trói chân tôi treo ngược lên sà nhà, tưởng chừng không thể sống được. May sao chúa Mán đem binh đến đánh, giết chết thẳng đầu đảng giặc, tôi mới được tha ; lại nhờ chúa Mán cấp tiền lộ-phí cho về nhà, chúa Mán ấy thật là cha mẹ tái-sinh ra lũ chúng tôi đó ! » Tur-trai nghe nói, rẽ mọi người ra, giơ tay vái một cái mà hỏi rằng :

— Các ông là người bị-nạn ở trại Hỏa-đái được tha về, dám hỏi các ông có biết một người ở thôn Mai-hoa châu Huệ là người nhà thân-gia với tôi tên là Trương Thu-Cốc, chả biết có được tha về không ?

Người bị-nạn ấy nói :

— Chúng tôi là phải quân giặc trại Ô-cầm nó bắt, cách xa trại Hỏa-đái nên không được biết. Nhưng ngày trước lũ chúng tôi ở Long-xuyên, thấy có chúa Mán kéo quân về họp-tập ở trước quan-ải, người đi tiễn đưa đến và nghìn người, nếu người nhà thân-gia ông mà không việc gì, thì tất là đã trở về nhà rồi.

Tur-trai nghe nói cả mừng, vội vàng chạy lại nói cho Quý-Nhi biết mà rằng :

— Ta mừng cho con, ta nghe mới rồi có đến và nghìn vạn dân được tha, thì tất là thân-ông cũng không việc gì ; bây giờ không phải đến trại Gia-quế nữa, cứ về ngay thôn Mai-hoa, thì cha con hẳn là được đoàn-viên gặp nhau.

Quý-Nhi thở dài nức-nở mà thỉ rằng :

— Cứ như tin ông nghe, phải người bị giặc bắt, đều phải nó đả kim cạp, đủ vánh thắm-độc thế thì cha mẹ con tuổi già mình

thề nào sống được. Nay quân giặc đã bị tiêu-diệt, nạn-dân đã tan về cả rồi, như thế thời hải-cốt cha mẹ tôi còn biết đâu mà thăm dò được nữa.

Quý-Nhi nói rồi, vật mình cả khóc. Tur-trai nói :

— Thôi, con chớ thương đau nữa, gần đây có miếu thờ Hàn Văn-công, cực-kỳ linh-ứng, chúng ta hãy vào lễ trong miếu ấy bói thử một quẻ xem cát hung thế nào.

Tur-trai nói rồi bèn cùng đi vào miếu Văn-công, cùng làm lễ bái-yết xong. Quý-Nhi bèn lằm-bằm khẩn xin keo, cầm lấy hai cái keo tung lên một cái, thì quả-nhiên là một quẻ linh-keo nhất-âm nhất-dương. Tur-trai cả mừng mà rằng :

— Con xin keo tốt thế này, thì thân-ông ta hẳn không việc gì. Nhưng con lại khẩn xin Văn-công một quẻ keo nữa để chứng xem có can-ngại gì không.

Quý-Nhi lại quí xuống khẩn, cầm keo tung lên một cái, thời keo ấy lại biến ra sấp cả. Quý-Nhi thấy được keo chứng-nghiệm là không việc gì, cũng có ý mừng. Tur-trai cầm lấy hai cái linh-keo ở tay mà rằng :

— Hàn Văn-công là bậc nhân-thần chính-trực, không khi nào lại ứng-bảo cợt người ; con hãy đứng dậy, để ta thay con khất một keo xem.

Tur-trai quí xuống khẩn rằng :

— Tấu lạy tôn-thần, khi ngài sinh-thời, lấy lòng thành cảm-động ngạc-ngư, lấy chính-nghĩa điện-chiết Đinh-Thấu, sinh-thời chính-trực như thế thì sau khi thác-hóa hẳn là thần-minh. Nay đệ-tử có người thân-gia phải giặc nó bắt đi, nếu không việc gì đến chết, thì xin một quẻ linh-keo chứng-nghiệm. Khẩn rồi tung keo lên một cái, thời quả được quẻ linh-keo nhất-âm nhất-dương. Tur-trai cả mừng mà rằng :

— Thân-ông ta không việc gì, đâu ta tất có ngày được gặp gỡ đoàn-viên.

Tur-trai nói rồi cầm keo bỏ trả lại, thời lại biến ra âm-keo sắp cả. Tur-trai bèn thu nhật đứng dậy mà rằng :

— Cồ-nhân có nói : « Khấn xin đến hai ba lần là nhảm, nhảm thời quỷ-thần không bảo nữa ». Nay thần-minh đã bảo ta là không việc gì rồi, thì ta không nên khất keo bói nữa. Con lạy tạ tôn-thần đi.

Qui-Nhi nghe lời lạy tạ đứng dậy, nhưng trong bụng vẫn còn lo sợ hồ-nghi, thấy trên án có sẵn bút mực, bèn cầm lấy chạy đến bên tường đề bài tứ-tuyệt rằng :

*Thân gái bơ-vơ lạc mẹ cha,  
Non Tân tìm tôi dặm đường xa.  
Tuy đã giết giặc chưa người dạ,  
Báo-phục còn cầm giận đó mà.*

Qui-Nhi đề thơ xong rồi, xiết nỗi thương đau. Chợt có người Miếu-chúc là thầy tự giữ đền ở đó chạy ra thi-lễ chào Tur-trai mà hỏi rằng :

— Tôi xem cậu thiếu-niên kia chừng có việc gì khó giải - quyết mà ngỡ ngần làm vậy ?

Tur-trai nói :

— Phải, cũng có chút việc không biết nghĩ ra thế nào.

Người Miếu-chúc nói :

— Ở gần đây mới có một bà tiên-cô họ Lưu, tự-xưng là Lưu tam-muội hậu-thân, có phép nhượng-tinh để giải-cứ tai-ách cho người ; lại tài các thuật-số như là bói chân gà, bói vua Táo, bói tiên, đều hay đoán biết được việc quá-khứ việc vị-lai ; cụ sao không cầu bà ấy xem số mà giải-quyết cho. Nếu có điều gì bất-cát, thì lại nhờ bà ấy bừa cái trứng gà ra xem là yêu-quái gì nó quấy-nhiều, rồi sắm lấy mâm cỗ để cúng nhượng-trừ, thì tự-nhiên là vô-sự.

Tur-trai nói :

— Bà tiên-cô ấy nếu thực xem số linh-nghiệm như thế, giá mời được bà ấy ra đây đề hỏi bói thì hay lắm ! Không biết bà tiên-cô ấy ở đâu ?

Miếu-chúc nói :

— Cụ muốn mời bà ấy xem bói, thì đề tôi đi mời hộ cho cụ nhé ?

Tur-trai cả mừng mà rằng :

— Nếu thầy mời hộ cho tôi thì hay lắm !

Miếu-chúc liền đi độ một lát đón bà tiên-cô đến nơi. Khi tiên-cô bước vào miếu, Tur-trai trông ra thì thấy : Mặt dáng hoa đào, tóc xòa lông hạc ; vẻ giầy thái-phụng, nếp áo thanh-sương ; dây đeo tết vẻ vân-long, mũ đội gai bông bích-ngọc ; trông ra phẩm kỳ-tuyệt, biết là người dị-nhân. Tur-trai vội vàng đem Qui-Nhi ra đón rước tiên-cô vào, thi-lễ mời ngồi xong. Tiên-cô trông thấy Qui-Nhi rồi nói rằng :

— Cậu thiếu-niên này, tiếc thay là con trai, thì không khỏi điều âm-dương hỗn-tạp ; nếu là con gái, thì thực là bà nhất-phẩm phu-nhân.

Tur-trai hỏi :

— Sao tiên-cô lại biết làm vậy ?

Tiên-cô nói :

— Tôi xem cậu này : Sắc mặt trang-nghiệm, màu da bóng-nhoáng, mái tóc nở nang, thịt trắn thân đậm, nếu là con gái thời tốt lắm, con trai thời hơi kém.

Tur-trai nghe nói có ý mừng thầm. Hiến-trà xong, Qui-Nhi khóc thưa với tiên-cô rằng :

— Cha mẹ tôi bị giặc cướp bắt đi, hôm nay biết sống chết đường nào, xin tiên-cô trở báo cát-hung mà quyết-nào cho.

Ấy Tiên-cô nói :

— Cái việc đó chẳng khó gì.

Tiên-cô bèn đứng dậy lấy năm nén hương, hướng lên trời mà khẩn rắng :

— «Số trời năm, số đất năm, số đại-diễn cũng năm; ba nhiều thì hung, năm nhiều thì công, năm với số năm, số người ở trong, xin thần linh-ứng, mách bảo cho thông ».

Tiên-cô khẩn rồi, cầm năm nén hương vung ra, rồi nhặt lấy một nén tạt ngoài xa, lấy ngón tay đo ngắn dài, bẻ ra thành sáu đốt, bày thành ra một quẻ, viết ra bốn câu rắng :

Nhất dạ nguyệt minh (1),

— 夜月明。

Thiên sơn phong định (2),

千山風定。

Phá mạch kiến phu (3),

破麥見夫。

Tự đắc chân tin (4),

自得真信。

Tiên-cô viết xong đưa cho Qui-Nhi mà rắng :

— Cứ như quẻ này bây giờ dẫu xấu, nhưng về sau này tất tốt, không ngại gì cả. Song tôi xem tướng minh-đường cậu hơi có ám-sắc, thế nào cũng gặp phải sự hư-kinh, đề tôi xem lại cho một quẻ xem thế nào.

Tiên-cô nói rồi lại lấy hương làm như trước bày ra một quẻ, lại viết ra bốn câu rắng :

Ngộ kinh vật kinh,

遇驚勿驚。

Ngộ ưu vật ưu,

遇憂勿憂。

Họa hề phúc ỷ,

禍兮福倚。

Cdt hướng hung cầu,

吉向凶求。

Tiên-cô viết rồi lại bảo rắng :

— Quẻ này dưới quẻ Đoái trên quẻ Kiền, thành ra là quẻ Lý 履, có cái tượng giầy séo lên đuôi hổ mà hổ không cắn người, thế thì dẫu gặp hư-kinh cũng không ngại gì cả ?

Tiên-cô nói rồi đứng dậy cáo-biệt. Tư-trai lấy ra một gói bạc để kính tạ. Tiên-cô cười nhạt mà không chịu nhận, liền phất đuôi chủ phiêu-nhiên mà đi. Tư-trai than thở mà rắng :

— Đó thực là bạc tiên-cô, coi với những hạng người chiêu-hồn lộng-quỉ chỉ đi lừa dối đàn - bà thực khác xa lắm !

Khi Tư-trai ra tiễn tiên-cô rồi trở vào, bèn lấy cái phong bạc định tặng tiên-cô ấy đem tặng cho Miếu-chúc, rồi từ-biệt khởi-trình ra đi, trông về Lão-lung mà tiễn-phát.

Thực là :

Đất khách như xui lòng viễn-biệt,  
Dặm trường chi ngại bước quan-san.

(Còn nữa)

Đông-châu Ng. H-T dịch

(1-2-3-4) Nghĩa là: suốt sáng rắng trong, nghìn non gió lặng; chữ *phu* 夫 bỏ chữ *mạch* 麥 đi, chỉ thấy chữ *phu* 夫, nghĩa bóng là gặp thấy chồng; đó mới là được tin đích-thực.

# TRIẾT-HỌC TIÊU-THUYẾT

CỔ - LIÊN NỮ - SĨ (1)

(*Corinne ou l'Italie*)

## IV

### CHƯƠNG THỨ II

En-Phoi bá-tước lệ thường sáng nào cũng lại nhà Ốc-Văn tướng-công. Có một buổi sáng lại trách tướng-công rằng sao hôm trước tướng-công không lại nhà Cổ-Liên nữ-sĩ, rồi nói rằng:

— Nếu hôm qua ngô-huynh đến thì ngô-huynh sung-sướng vô-cùng.

Ốc-Văn hỏi:

— Vì có gì mà quý-chức biết vậy?

— Vì rằng hôm qua tiêu - đệ nói chuyện với nàng thì biết rằng nàng có lòng quyến-luyến ngô-huynh lắm!

Ốc-Văn vội nói:

— Lại nói không suy nghĩ nữa rồi; quý-chức lại không biết cho bỉ-nhân rằng việc này thì bỉ-nhân không có thể và cũng không muốn nữa đấy ư?

— Thế ra ngô-huynh cho sự xét-đoán mau của đệ là sự không suy-nghĩ ư? Có phải đệ không biết suy nghĩ đâu? Đệ suy xét việc gì lại rất là chóng lắm!

— Bỉ-nhân không dám phản-đối điều này, nhưng dám hỏi quý-chức rằng sự quan-sát mau của quý-chức ngày hôm qua có phát-minh được điều gì không?

— Có chớ, là việc Cổ-Liên-nữ-sĩ có lòng quyến-ái ngô-huynh. Hôm qua tiêu-đệ lại nhà nàng thì nàng ân-cần tiếp đệ, nhưng mắt nàng vẫn nhìn ra cửa để xem ngô-huynh có vào sau đệ không. Nhìn xong nàng có nói những

chuyện đầu đầu, nhưng sau nàng điềm-nhiên mà hỏi đệ rằng sao ngô-huynh không đến với đệ. Chắc ngô-huynh nghe câu trả lời này cũng không giận đệ, vì đệ nói rằng ngô-huynh lúc nào coi cũng âu-sầu và tính - khí khác thường lắm.

Cổ-Liên nghe vậy thì trả lời rằng:

— Ốc-Văn coi vẻ buồn rầu lắm! Có lẽ Ốc tướng-công mất một người yêu quý nào thì phải. Không biết Ốc tướng-công để tang ai, tiên-sinh có biết không?

Đệ trả lời rằng:

— Bẩm, Ốc tướng - công để tang thân-phụ ngài. Nhưng ngài âu-sầu như thế làm cho bỉ-nhân có thể đoán chắc ngài còn có một việc bi-hiềm nữa chứ chẳng không.

Cổ-Liên nghe đệ nói vậy bèn cất tiếng nói:

— Ô! những nỗi đau-đớn bề ngoài trông giống nhau làm cho người nào cũng khổ-tâm như nhau, thì tiện-nữ chưa dám tưởng vậy. Tiện-nữ dám chắc rằng người thân-hữu của tiên-sinh và thân-phụ ngài không phải là người thường.

En-Phoi bá-tước thuật đến đấy lại nói thêm rằng:

— Ngô-huynh ơi, mấy câu sau cùng này nàng lại nói rất là dịu-dàng êm-ái.

Ốc-Văn nói:

— Có phải thế là những chứng-cớ mà quý-chức mách cho bỉ-nhân biết đấy không?

(1) Xem *Nam-Phong* số 61, 62, 66.

En-Phoi bá-tước đáp :

— Thưa phải, và đệ thiên-nghĩ rằng thế cũng đủ được nàng luyện-ái rồi. Nhưng ngô-huynh xem ý còn muốn hơn nữa kia, thì đây đệ xin nói hết, vì đệ muốn đề cái chứng-cớ rõ-rệt nói sau cùng. Lúc nàng vừa nói xong thế thì hoàng-thân Cát-tanh-phô đến kể cái chuyện anh-hùng của ngô-huynh ở tỉnh An-côn mà không biết ngô-huynh là người nghĩa-hiệp ấy. Nhờ được hai bài học tiếng I-ta-li của đệ thì đệ có thể xét được rằng hoàng-thân kể chuyện đó một cách rất hùng-hồn và xem ý hoàng-thân kính-phục cái thủ-đoan anh-hùng của ngô-huynh lắm! Nhưng có lẽ đệ cũng hiểu gần hết những lời hoàng-thân, vì trong tiếng nói nước này có lẫn nhiều tiếng của tộ-quốc. Và lại, cái vẻ mặt Cồ-Liên lúc ấy làm cho đệ hiểu được những lời hoàng-thân nói mà đệ không nghe ra. Lúc ấy vẻ mặt nàng cảm-động đến nỗi có thể biết rằng nàng nghe chuyện mà thồn-thức trong lòng. Vì vậy nên nàng cứ lẳng-lặng ngồi nghe, sợ mất một tiếng nào trong câu chuyện đó. Lại đến khi nàng hỏi đến danh-hiệu người Ang-lê đó thì nàng có dảng sợ nói không phải tên ngô-huynh. Hoàng-thân Cát-tanh-phô nói biết danh-hiệu người Ang-lê ấy, tức thì Cồ-Liên quay lại đệ mà hỏi rằng :

— Thưa tiên-sinh, người Ang-lê nghĩa-hiệp đó có phải Ốc-Văn tương-công chăng ?

Đệ đáp ngay :

— Bẩm chính phải đó.

Đệ vừa nói vậy thì Cồ-Liên giọt lệ tuôn rơi. Sao lúc nghe câu chuyện nàng không khóc; vậy thì tên người nghĩa-hiệp có cái gì cảm-động hơn câu chuyện chăng ?

Ốc-Văn nghe vậy vội hỏi rằng :

— Nàng khóc à ! Nếu bị-nhân ở đây

thì việc sẽ ra sao ?

Rồi ngừng lại, mắt nhìn xuống, vẻ mặt thẹn-thùng, rồi vội cất tiếng nói luôn sợ En-Phoi bá-tước thấy vậy mà làm rối loạn sự mừng thầm của mình.

Ngài nói :

— Nếu việc xảy ra ở tỉnh An-côn mà đáng kể, thì qui-chức cũng có dự một phần vinh-dự trong việc này.

En-Phoi bá-tước cười mà rằng :

— Có chứ, hoàng-thân Cát-tanh-phô cũng có nói đến một người nước Phờ-răng đáng yêu đáng quý cùng với ngô-huynh tận-tâm làm việc đó. Đoạn này làm cho đệ chú-ý đến nhất. Nhưng Cồ-Liên lại có ý ưa ngô-huynh hơn, chắc là nàng tưởng ngô-huynh có lòng thành-tín hơn đệ; có lẽ ngô-huynh làm cho nàng cảm-động hơn là đệ; nhưng thế càng hay vì rằng người phụ-nữ thường có tính lãng-mạn ưa thích sự khổ-tâm, như vậy thì ngô-huynh vừa lòng nàng lắm rồi.

Ốc-Văn tương-công nghe những lời của En-Phoi bá-tước như dao đâm vào ruột, nhưng ngài biết nói sao ? Ngài không hề cùng ai tránh-biện; ngài không bao giờ nghe người nói mà dò ý của mình; lời ngài nói ra là ngài không nghĩ đến nữa, mà có nghĩ đến thì ngài lại muốn cho chóng quên đi.

### CHƯƠNG THỨ III

Buổi chiều hôm ấy Ốc-Văn tương-công đến nhà Cồ-Liên nữ-sĩ, ngài thấy tính-tình ngài như mới cả; ngài nghĩ thầm rằng lúc này có lẽ Cồ-Liên đang đợi ngài. Trước khi lấy lời nói dài tâm-tĩnh, trước khi lấy tài hùng-biện mô-tả nỗi lòng thì ta không biết rằng trong những lúc ban đầu này trong trí tưởng-tượng có cái gì mừng-lung phiêu-diêu mà thắm-thoắt thoảng đi chóng hơn sự hạnh-phúc đời người, nhưng còn vui-sướng hơn nhiều.

Lúc Ốc-Văn tương-công vào thư-phòng của Cồ-Liên thì thấy người ngo-ngần lạ thường. Ngài thấy Cồ-Liên một mình trước án, thì ngài sinh lòng sầu-muộn ; ngài đã từng được ngắm nàng hồi lâu khi nàng ở chốn nhiều người ; ngài muốn trước khi cùng nàng đàm-đạo, ngài được biết chắc rằng ngài đến thì không có sự gì làm cho nàng phải lãnh-đạm.

Cồ-Liên thấy vẻ mặt Ốc-Văn như thế chắc cũng bởi sự ngưng của nàng làm cho nàng đánh bạo làm vui câu chuyện mà hỏi Ốc-Văn đã được mục-kích một vài cái lâu-dài to ở thành Rôm chưa.

Ốc-Văn đáp :

— Bẩm chưa.

Cồ-Liên mỉm cười mà rằng :

— Vậy hôm qua tiên-sinh làm gì ?

— Bỉ-nhân hôm qua cả ngày ở nhà ; từ lúc bỉ-nhân đến thành Rôm này, thì bỉ-nhân chỉ có lại thăm phu-nhân là ra ngoài thôi.

Cồ-Liên lúc ấy muốn ca-tụng Ốc-Văn về cái việc nghĩa-cử ở An-côn, bắt đầu nói rằng :

— Hôm qua tiện-nữ được nghe...

Nói vậy rồi lại ngừng lại, nói :

— Chốc nữa có nhiều người lại đây, tiện-nữ sẽ nói nốt việc này cùng tiên-sinh.

Về người của Ốc-Văn đường-dường lâm-liệt làm cho Cồ - Liên mất cả sự can - đảm thường - nhật, vì vậy nên nàng sợ rằng nàng nói đến việc nghĩa-hiệp kia, thì lòng cảm-dộng của nàng tỏ ra rõ-rệt. Hình như nàng cho rằng nếu có nhiều người ngồi đấy thì sự cảm-dộng của nàng sẽ bớt sức mạnh đi vậy.

Ốc-Văn thấy vậy lấy làm cảm-dộng vô-cùng, nhưng ngài càng bối-rối bao nhiêu thì càng có thể biết rõ được tấm lòng ngài thồn-thức.

Hốt-nhiên ngài đứng dậy, đi ra nơi cửa kính ; ngài sức nghĩ rằng ngài làm như vậy thì Cồ-Liên không hiểu ra sao, nên lại bối-rối bội-phần, đi về chỗ cũ chẳng nói chẳng rằng. Cồ-Liên lúc nói chuyện có phần mạnh-bạo hơn Ốc-Văn, thế mà lúc này nàng cũng thấy bối-rối. Nàng cố muốn cho được bình-tâm, cầm lấy cái đàn để gần đấy gảy mấy tiếng, thì những tiếng đàn réo-rắt này hình như làm cho Ốc-Văn thêm lòng mạnh-bạo, nên lúc này ngài mới dám nhìn nữ-sĩ.

Ốc-Văn thấy mắt nữ-sĩ có vẻ phúc-hậu hiền-hòa, nên sắp cất tiếng nói, thì hoàng-thần Cát-tanh-phô vào.

Cát hoàng - thần vào thấy Ốc-Văn cùng Cồ-Liên ngồi đối-diện, thì không thể không sinh nổi buồn-rầu ; nhưng ngài có thể nén được nổi lòng, vì người I-ta-li thường có tính ôn-hòa tự-nhiên vậy. Ngài thấy ngài không phải là người thứ nhất được Cồ-Liên có lòng yêu-giấu, thì ngài cũng đành chịu vậy, vì ngài đã quá cái tuổi thanh-niên. Nhưng ngài thấy Cồ-Liên đem lòng yêu-giấu người khác, thì ngài không khỏi lấy làm khờ-tâm một chút, vì ngài rất yêu mỹ - thuật, chiều nào ngài cũng phải cùng Cồ-Liên đàm-đạo mới được thỏa lòng. Nếu ngài không đến nhà Cồ-Liên thì ngài không chịu được, giả-sử mà nàng đã thành gia-thất rồi, thì ngài cũng phải đến nói với phu-quân nàng cho ngài ngày nào cũng đến đàm-đạo như vậy. Ở nước I-ta-li này những nỗi buồn-bực trong lòng thường không phiền-phức bởi tính kiêu-căng, nên ở đây nếu kẻ nào si-tình quá thì giết ngay lũ đối-thủ với mình, còn người nào tính không thái-quá thì đành nhường người được phụ-nữ yêu-thương. Lòng tự-ái ở xứ này thì tuyệt-nhiên không có, nên không thấy người nào không được người đàn-bà có lòng yêu-giấu mà lại tuyệt đường

giao-thiệp cũ bao giờ.

Bọn người thường tối nào cũng họp tại nhà Cồ-Liên khi ấy đến đã đông. Câu chuyện nói đến cái tài ứng-khẩu của Cồ-Liên đã biểu-lộ ra ở Ca-bi-tôn-tự.

Hoàng-thân Cát-tanh-phô nói :

— Một người đa-cảm mà lại có thể phân-tích được cái cảm-giác của mình ra như một tay nghệ-thuật, thì rất là hiếm lắm. Nếu cái người ấy có thể diễn-giải cho ta biết được phần nào trong cái bí-quyết của thiên-tài, thì ta cũng phải cầu người ấy diễn-giải cho ta nghe.

Cồ-Liên nói :

— Cái tài ứng - khẩu ở tiếng phương Nam này, thì cũng chẳng khác gì cái tài hùng-biện trên diều-dàn, hay là cái tài nói chuyện nơi đông người trong các thứ tiếng khác. Tiệm-nữ lại có thể nói rằng cái tài làm thơ lại dễ hơn cái tài làm tản-văn. Giọng thơ khác với giọng tản-văn cho đến nỗi rằng mới đọc vài câu thơ lên thì những chữ những tiếng trong thơ nó đã làm cho người thi sĩ với người ngồi nghe cách xa nhau lắm. Ta có thơ hay như thế không phải là bởi cái tinh diệu-dàng của ta, chính là bởi những âm-vận dóng-dả của ta vậy. Tiếng I-ta-li văng-vẳng như tiếng đàn, dù đọc những tiếng không có ý-từ gì cho lắm, nghe cái thanh-âm cũng đã khoái-trá lắm rồi; những tiếng hầu hết có cái vẻ trắng-lệ, cảm-súc cái gì là có thể mô-tả ra rất là rõ-rệt. Các ngài lại chẳng biết rằng cái tiếng nói phong-phú và diệu-dàng của ta là thành ở giữa nơi chuộng mỹ-thuật và ở dưới cái bầu trời đẹp dễ đấy ư?

Không có tiếng nước nào mà dễ làm siêu lòng người bằng tiếng nước ta, không cần dùng đến những tư-tưởng

thâm-trầm cũng vậy. Thơ cũng như nhiều mỹ-nghệ khác dễ làm cho cảm-giác cùng tri-tuệ đều khoái-trá. Tiệm-nữ dám nói rằng nếu không có cái cảm-tình chính-đáng hay là một cái ý-tưởng tác-kỳ nó làm cho tiệm-nữ phấn-khởi trong lòng, thì không tài nào tiệm-nữ xuất-khẩu thành-chương được. Tiệm-nữ mong rằng những lời của tiệm-nữ nói về tiếng nước nhà là đúng, vì từ xưa đến nay, tiệm-nữ vẫn có lòng tin cậy vào tiếng nước nhà hơn các thứ tiếng khác. Tiếng mẹ-đẻ chỉ cái dịp với giọng véo-von không, cũng đủ làm cho ta khoái-trá vô-cùng.

Một người thân-hữu Cồ-Liên cất tiếng mà rằng :

— Bà chị tưởng rằng cái tài xuất-khẩu thành-chương là không hay cho nền văn nước ta chăng? Đệ trước khi nghe bà chị nói cũng tưởng vậy; nhưng bà chị nói thì đệ nghĩ-ngợi về cái ý-tưởng ấy vô-cùng.

Cồ-Liên đáp :

— Tôi nói rằng vì cái tinh thiên-nhiên ấy nên nước ta mới có nhiều thơ tầm-thường như thế; nhưng ý tôi cũng muốn thơ-văn ta phong-phú như những hoa-màu rải-rắc ở chốn thôn-quê tổ-Quốc. Không những tôi lấy thế làm vui mà lại lấy làm tự-kiêu kia đấy. Tôi lại thích cái tài ứng-khẩu của đám binh-dân vì nó biểu-lộ cho ta biết cái tướng - tượng u-ẩn ở chốn dân-gian. Bọn hạ - lưu trong xã - hội cũng có thơ như thế, thì không có cái gilàm cho người ta chê binh-dân mộc-mạc. Khi xưa người Si-Si-Liên ở xứ ta lúc từ - biệt những hành-khách đi huyện mình thường đọc lên những câu thơ êm-ái véo-vou. Giọng hay đến nỗi người ta bảo là cái hơi thoáng tinh-khiết của trời bề nung-đúc thành cái tư-tưởng thanh-cao, cũng như là ngọn gió thổi trên những đàn gió của xứ Ê-lô vậy. Người ta lại nói rằng thơ

cũng như những tiếng thanh-âm réo-rất là cái tiếng vang-động của thế-gian. Cái xã-hội nào mà hay có tính chế-nhạo thì không đời nào có cái tài xuất-khẩu thành-chương. Một cái mỉm cười chế-nhạo cũng đủ làm cho cái hứng của thi-gia phải ngừng lại. Người ngồi nghe tất phải tỏ lòng sốt-sắng như người ngậm-vịnh: thì những tiếng vỗ tay khen-ngợi mới làm cho người ta thêm lòng phấn-khởi.

Ốc-Văn tướng-công vẫn lặng yên ngồi nghe, nhưng không lúc nào ngời mắt nhìn Cồ-Liên, bấy giờ mới cất tiếng mà rằng :

— Nhưng còn phu-nhân thì phu-nhân ưa thích lối thơ nghĩ-ngợi mà làm ra hay là lối thơ cảm-hứng mà thành ?

Cồ-Liên nhìn Ốc-Văn một cách yêu-giấu tôn-kính mà rằng :

— Tiên-sinh đã có lòng hỏi, tiện-nữ xin thưa rằng lối thơ cảm-hứng mà thành cũng như câu chuyện vui cho tiện-nữ, tiện-nữ mà da-cảm thể này chắc là cũng nhờ về các thân-hữu của tiện-nữ nhiều. Một đôi khi tiện-nữ được nghe câu chuyện thời-thế thì tiện-nữ cảm-động vô-cùng, tiện-nữ có thể trông thấy ở trong thế-gian cùng ở bản-tâm tiện-nữ những điều chán-ly thích-thời, giả-sử ngồi trầm-tu mặc-trưởng thì không tài nào biết được. Lúc này trong trí tiện-nữ lại nảy ra một sự lạ, tiện-nữ tự thấy rằng cái gì tự trong tâm-hồn tiện-nữ mà nảy ra thì giá-trị to hơn bản-thân tiện-nữ; có khi gác túi thơ một nơi mà diễn-giải cái tư-tưởng của tiện-nữ bằng tản-văn; có khi tiện-nữ ngậm những câu thơ tuyệt-phẩm bằng các thứ tiếng mà tiện-nữ đã học qua, thì tiện-nữ thấy linh-hồn khoan-khoái vô-cùng.

Cũng có khi tiện-nữ lấy cung đàn mà gảy ra những tinh-tử cùng tư-tưởng mà lời nói thường không thể nói

được ra. Khi nào tiện-nữ tìm được những điệu véo-von, khi nào nhiều câu nói bóng làm cho cử-tọa choáng-loáng, khi nào tâm-hồn tiện-nữ sáng-khải thanh-cao, kinh-bỉ cái lòng ích-kỷ, cái dạ dè-hèn, và khi nào tiện-nữ xem có thể thi-hành như bốn những cái thủ-đoạn cao-thượng thì thơ của tiện-nữ mới là tuyệt-phẩm.

Tiện-nữ tự thấy mình là nhà thi-sĩ, khi ngậm-vịnh, khi ngạo-nghe, khi ghét chê, không phải lấy cái tình-tình riêng, không phải vì việc tư mình, nhưng mà vì cái phẩm-giá loài người, vì sự vinh-quang của nhân-loại.

Cồ-Liên thấy câu chuyện của mình hơi dài, nên có ý bẽn-lẽn, mặt hơi đỏ đỏ, quay lại Ốc-Văn mà rằng :

— Đấy tiên-sinh xem, không có vấn-đề gì mà lại không làm cho tiện-nữ không cảm-súc. Sự cảm-súc chính là cái nguồn ý-tưởng mỹ-thuật, của người ưa thích sự thanh-tịnh, của người nghĩa-hiệp từ-tâm, và của những người một lòng vị-nghĩa. Thưa tiên-sinh, một người nhi-nữ như tiện-nữ đây không được bằng những bậc giai-nhân ở qui-quốc. Vậy có làm điều gì xin tiên-sinh tha lỗi.

Ốc-Văn đáp :

— Nào ai dám nói giống được như phu-nhân ? mà người ta có thể làm luật-lệ riêng cho một người được không ?

En-Phoi bá-tước dù không nghe rõ hết cả những lời Cồ-Liên vừa nói, về mặt lúc ấy xem ra cũng hơn-hở vô-cùng. En-Phoi vui thế là bởi cái giọng nói cùng những bộ điệu của Cồ-Liên. Nhưng cứ thật mà nói thì sự hoan-nghênh Cồ-Liên ở thành Rôm cũng làm cho En-Phoi biết nàng là người thế nào rồi.

Khi En-Phoi cùng ở nhà Cồ-Liên đi ra, lúc đang đi En-Phoi nói :

— Nay đại-huynh, đệ không có ý gì với người tuyết-thể giai-nhân ấy mà đệ cũng được hậu-dãi lắm.

Ốc-Văn đáp :

— Bỉ-nhân thấy nhiều người nói khó lòng mà làm cho nàng vừa ý được.

— Phải, người ta nói vậy nhưng đệ không tin là thực. Một người nhi-nữ ở một mình, độc-lập và cách sinh-hoạt hầu như một nhà nghệ-thuật như thế, thì không phải là khó làm cho siêu lòng.

Lời của En-Phoi vừa nói làm cho Ốc-Văn không được vui lòng. En-Phoi hoặc không hiểu, hoặc muốn rã hết ý của mình, nên lại nói thêm rằng :

— Nói thế không phải là tôi không biết cái đức-tính của nàng đâu. Khi nàng trông thì mắt nàng rất là nhiều vẻ nên thơ, lúc nàng nói thì trong những lời thuyết-minh của nàng rất là hoạt-bát, những phụ-nữ ở tiện-quốc mà đến cả qui-quốc nữa quyết không có người nào như thế cả. Lấy những lẽ thường dễ xét-đoán những người phụ-nữ mà xét nàng, thì không tài nào đúng được, vì nàng là một người học-thức uyên-thâm, tri-tuệ khác thường. Nhưng đại-huynh chớ tưởng đệ không dám đối-đáp với nàng đâu. Hôm qua đệ muốn giữ cái lợi cho đại-huynh nên về phần đệ thì đệ chỉ nói một vài câu không đâu cả, nên nàng nhìn đệ một cách lãnh-đạm, làm cho đệ lúc đó rất là rối trí. Đệ phải rối trí như vậy, thì đệ cũng cho là một sự lạ vô-cùng !

Ốc-Văn nói :

— Họ nàng thì không ai biết cả, nhưng những cách cử-chỉ của nàng cũng làm cho đoán ra được.

En-Phoi bá-tước nói :

— Trong những chuyện tiểu-thuyết cái gì hay nhất thường ít khi lộ ; chứ ở đời thì có cái gì hay nói ra hết, và nói quá sự-thực nữa.

Ốc-Văn làm ngắt câu nói chuyện này mà rằng :

— Phải, có xã-hội người ta chỉ nghĩ

đến cái hiệu-quả của người này có thể cho người khác bắt-chước được ; nhưng ở đây thì cuộc sinh-hoạt là ở trong lòng, những cơ-hội xảy ra thì thường có những sự mầu-nhiệm cũng như là ở trong tinh-tinh có nhiều điều u-ẩn vậy. Vậy thì chỉ có người nào muốn kết-nghĩa trăm năm với nàng thì mới có thể biết được. . .

En-Phoi phì cười mà rằng :

— Kết - nghĩa trăm năm với Cô-Liên ! Ồ ! Cái ý-tưởng này đệ chưa dám nghĩ tới bao giờ ! Ngô-huynh ơi, đệ dám khuyên ngô-huynh rằng nếu ngô-huynh muốn thi - hành một vài điều đại-dột gì, thì ngô-huynh nên thi-hành những ngón có thể chữa được ấy. Nhưng ngô-huynh nói đến vấn-đề kết-hôn, thì đệ coi như ngô-huynh hãy còn khờ dại lắm ! Đệ dám đánh cuộc với ngô-huynh rằng trong cách xử-thế thì đệ còn hơn ngô-huynh.

Ốc-Văn đáp :

— Bỉ-nhân cũng tưởng vậy.

Ngài chỉ nói vậy mà thôi.

Ngài có thể nói với En-Phoi bá-tước rằng trong sự nhẹ dạ thì có nhiều thói ích-kỷ và thói ích-kỷ này không đời nào phạm đến lỗi thuộc về tinh-tinh mà người ta thường đổ cho người khác.

Những người nhẹ dạ thì rất khéo trong việc quản-trị tài-lợi của mình ; vì rằng cái chánh-sách quản-trị việc tư cùng việc công người ta mà làm có hiệu-quả là nhờ những đức-tính người ta không có hơn là những đức-tính người ta thường có. Không có nhiệt-thành, không có dự-tính, không có đa-cảm, chỉ một ít tri khôn-ngoan cũng đủ thu-hoạch hoặc giữ vững được tiền-tài hay là ngôi-thứ.

Nhưng nói cho đúng thì những lời khôi-hài của En-Phoi bá-tước làm cho Ốc-Văn không được vui lòng.

(Còn nữa)

## THỜI-ĐÀM

**Việc Thế-giới.** — Bản-chí lâu nay trong mục *Thời-đàm* không nói đến việc thế-giới, không phải quên hay là nhãng. Là vì hiện-tình việc thế-giới bây giờ phiền-phức lắm, muốn nói cho tường, phi là tay chuyên-môn về việc ngoại-giao không thể nói được; còn nói lấy cho hiểu cái đại-cương, thời nhiều khi các tin-tức từng-tạp, chữa dễ mà nhận cho biết cái đại-cương ở đâu. Nếu muốn cho tắc-trách, cứ đem các điện-tín hằng ngày ra dịch, thời người đọc chắc không thú gì, mà người dịch cũng vị-tất đã hiểu hết. Nhất là đối với người mình, cái thường-thức về địa-dư lịch-sử nhiều khi còn thiếu-thốn, nay dịch tin về *Memel*, mai thuật điện về *Mos-soul*, hôm nay nói về Hội-nghị *Lausanne*, hôm khác nói về Chính-phủ *Angora*, người đọc chắc cũng mê-li cả, phần nhiều không hiểu là những tên xứ-sở nào. Bởi thế nên bản-chí không thường nói đến việc thế-giới. Song cái phận-sự nhà báo là phải báo-cáo, đối với những việc xảy ra trong vạn-quốc, không thể im đi mà không bàn đến. Duy trước khi thuật lại, phải nên lý-hội cho có đầu đuôi thời nói ra mới được rành-rẽ: chỉ hiềm nhiều khi việc bối-rối quá, muốn lý-hội cho rõ-ràng, thật cũng khó lắm.

Như cái tình-thế Âu-châu từ khi chiến-hậu, đến ngày nay vẫn chưa rõ hẳn ra thế nào. Một bên thắng một bên bại, cứ lẽ thường thời bên bại phải nộp tiền bồi-khoản cho bên thắng, vậy mà cái vấn-đề bồi-khoản ấy đã ba năm nay chưa giải-quyet xong. Các nước Đồng-minh, trong khi chiến-tranh thời bạn-bè thân-thiết với nhau biết bao, bây giờ khằng-tằng mỗi người một ngã cả. Nước Mỹ thời không muốn can-dự đến việc Âu-châu, nước Anh thời muốn xa Pháp, nước Ý thời mắc nội-loạn, gần đây mới được yên. Bởi Eng-

minh không đồng-tình như thế, hợp hết hội-nghị ấy sang hội-nghị khác không điều-đinh được hiệp-y nhau, nên nước Đức không sợ nữa, từ bấy đến nay cứ « cù nhây » không chịu trả, than cũng không mà tiền cũng không. Nước Pháp khi chiến-tranh đã tổn-hại nhiều, mong vào tiền bồi-thường để kinh-lý lại những châu-quận bị tàn-phá, không thấy được gì và cũng không mong đền-huê với Đồng-minh cũ là Anh Mỹ được nữa, cực chẳng đã, phải thân-hành dề-binh sang Đức đề đòi nợ. Hiện nay quân Pháp đương đóng ở hạt sông *Ruhr* nước Đức, tổng bắt người Đức phải đào than mỏ đem nộp. Bởi thế nên gần đây các điện-tín hay nói về việc sông *Ruhr* nhiều lắm.

Về phần nước Anh, không những không đền-huê với Pháp, mà thủ-tướng trước là ông LLOYD GEORGE lại có ý phân-gián nước Pháp, nhất là về việc Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*). Nước Pháp giúp nước Thổ, nước Anh thời giúp nước Hi-lạp (*Grèce*), Anh bèn xui Hi-lạp đánh Thổ, từ cuộc Âu-chiến xong, hai nước đánh nhau mãi, nước Anh và nước Hi-lạp cố-chí qua-phân nước Thổ. Sau nước Thổ nhờ có tướng giỏi là MUSTAPHA KEMAL, xuất tử-lực chống lại, đánh tan được quân Hi-lạp, lấy lại được bờ-cõi. Hi-lạp thua Thổ-nhĩ-kỳ, tức cũng như là Anh thua Pháp vậy. Thủ-tướng LLOYD GEORGE bị đổ, thủ-tướng BONAR LAW lên thay, ông này có ý thân-thiện với nước Pháp hơn. Hi-lạp thua rồi, trong nước nổi cách-mệnh, đuổi vua đi và giết mất năm ông thượng-thư. Vạn-quốc bèn lập hội-nghị ở *Lausanne* (nước Thụy-sĩ) để bàn việc hòa-ước nước Thổ với nước Hi.

Về mặt nước Ý, thời từ sau khi chiến-tranh, các đảng cách-mệnh hống-hách lắm, nhà vua và chính-phủ hầu như không còn thế-lực gì nữa. Đảng thợ thật là lộng-

lấy, hơi một tí thời bãi-công, làm ngăn-trở sự sinh - hoạt trong nước. Bấy giờ những người có lòng ái-quốc, phần nhiều là những quan võ đi tòng - chinh về và học-trò các trường đại-tập, thấy thế lấy làm nguy cho nước, bèn họp thành đảng, xưng là « quốc-gia nghĩa-binh » (*les fascistes*), nói rằng Chính-phủ đã không có quyền trị được bọn cách-mệnh thời nghĩa-binh ra tay trị lấy. Quân đi đến đâu yên đến đó, thậm-chí kéo cả vào lấy kinh - đô *Rome*. Tòa nội-các phải từ-chức, vua cho gọi tướng nghĩa-binh là ông MUSSOLINI lên làm thủ-tướng. Ông hôm trước còn có người cho là tướng giặc, vì quân nghĩa-binh không phải quân Nhà-nước, mà hôm sau cầm quyền chủ-tể trong nước, thật cũng là một sự kỳ. Từ ngày ông cầm quyền, nước Ý được yên-ôn.

Nước Mĩ đối với nước Pháp, từ khi chiến-tranh xong, vẫn có ý lạnh-nhạt, thường trách nước Pháp đối với kẻ bị thua là nước Đức không có lòng khoan-dung, muốn thi-hành cái chính xâm-lược. Quan nguyên Thủ-tướng CLÉMENTEAU thấy bạn cũ trách oan như thế, bèn vượt bể sang Mĩ-châu diễn-thuyết trong mấy tuần ở khắp các tỉnh để giải hết những điều ngộ-giải. Ngài năm nay đã ngoài 80 tuổi, vì nước không quản khó nhọc, thật là *lão nhi ich tráng*. Nghe đâu sự cồ-động của ngài có ảnh-hưởng lắm.

Ấy cuộc lớn trong thế-giới hiện bây giờ có mấy việc đó là quan-hệ.

Còn về bên Á-Đông ta thì tỉnh Sơn-dòng nay Nhật đã trả Tàu rồi (bàn giao ngày mồng 10 tháng 12 năm 1922). Đến việc nước Tàu thời vẫn rối như bông-bong. Chính-phủ Bắc-kinh không có thế-lực gì cả. Hai đốc-quân phía Bắc là Ngô Bội-Phu và TRƯƠNG TẮC-LÂM thời vẫn hăm-hè nhau. Phía Nam mới lại nát bét nữa. Trước kia

TÔN DẬT-TIÊN bị trốn ra Thượng-hải, TRẦN QUÝNH-MINH chiếm giữ tỉnh Quảng-đông, gần đây có tin rằng đồ-đảng Tôn đã đánh được TRẦN, TRẦN phải chạy, nay mai TÔN sẽ về ; nhưng chưa chắc đã yên. Việc nước Tàu thật cũng « tàu » quá.

**Bài diễn - thuyết của ông Luật-khoa tiến-sĩ Nguyễn Khắc-Vệ đọc viếng Quan Toàn - quyền Long ở Colombo.** — Ngày chuyến - cữ quan Toàn - quyền LONG ở *Colombo*, nhân có chiếc tàu *Angers* mới hên Pháp sang, đi tàu ấy có ông NGUYỄN KHẮC-VỆ mới đỗ Luật-khoa tiến-sĩ về nước, ông được cái hân-hạnh thay cả đồng-bao đọc một bài viếng quan Toàn-quyền. Lời diễn-thuyết dịch ra quốc-ngữ như sau này :

Trình quan Tổng-đốc (1),

Thưa Quý Phu-nhân (2),

Trình quan Toàn-quyền,

Ở Đông-dương bây giờ mới được tin buồn quan Toàn-quyền tạ-thế. Sự tình-cờ run-rủi cho một con nhà Nam-Việt có mặt đây dễ cùng các ngài kính chào vong-linh quan Toàn-quyền. Ví cả dân Đông-dương có thể lấy lời tôi mà tỏ lòng thương tiếc ở chốn này, thì tất đồng-thanh cảm ơn quan Toàn-quyền vì công-nghiệp của ngài đã làm cho dân chúng tôi trong mấy năm nay.

Cái chết thật là vô-tình quá, không chọn chỗ mà cũng không kén giờ, không ngờ bất gặp ngài đây, ở giữa nơi khách-địa, vừa xa nước Pháp là nơi cố-quốc, vừa xa đất Đông-dương là chỗ ngài yêu-mến mà người dân cũng mến yêu Ngài vì cảm cái ơn của ngài. Lòng thương tiếc chúng tôi cũng bớt được chút-dính vì biết rằng dẫu xa-xôi mà lúc lâm-chung ngài còn được qui-quyển ở bên cạnh. Lại sự tình-cờ cũng khéo thay, nhân có chuyến tàu *Angers* mới đến bến, hành-khách người Pháp đã nhiều,

(1) Là quan Tổng-đốc đảo CEYLON (Tích-lan) người Anh.

(2) Là LONG phu-nhân.

lại có một phái-bộ bốn ông nghị-viên, trong số có ông Nghị Nam-kỳ OUTREY là chỗ bạn thân với ngài, trước khi Ngài tắt nghỉ còn kịp bắt tay ngài được một lần sau cùng.

Một người danh-giá như ngài mất đi là vừa thiệt cho nước Pháp mất một tay nghị-viên giỏi, cho Đông-dương một quan Toàn-quyền tốt. Những sự-nghiệp lớn-lao của ngài đã làm nên ở Đông-dương, tôi tưởng không cần phải thuật ra đây làm gì. Dù là vấn-đề chính-trị, dù là vấn-đề kinh-tế, việc gì Ngài cũng giải-quyết một cách xứng-đáng. Ngài nói ít, ý-giả là muốn đề thì-giờ suy-nghĩ trừ-tính. Việc cải-cách Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ là cái kết-quả của sự kinh-lịch của Ngài về đường chính-trị. Ngài không sợ quá tin bọn tân-tiên An-Nam đã học-tập trong các trường Pháp. Ngài nghĩ thế là phải lắm, vì kẻ thượng-lưu nước chúng tôi chỉ ham chăm chỉ làm việc mà thôi. Những người nhờ ơn ngài ngày nay được cùng với các đại-biêu quý-quốc ngồi ở nơi hội-đồng đề bàn-bạc những việc ích-lợi cho nước mình, đều thành-tâm cảm ơn ngài và không bao giờ quên tên ngài. Vấn-đề kinh-tế, ngài lại lấy làm chú-trọng lắm. Ngài muốn cho Đông-dương có đủ các kinh-tế-dụng-cụ để gây thành một nước Pháp thứ nhì ở cõi Á Đông, cường-mạnh và xứng-đáng làm một tiên-bang của Đại-Pháp.

Ấy sự-nghiệp Ngài tóm tắt lại như thế. Đông-dương mất Ngài thật là thiệt-thòi vô cùng, vì nếu Ngài còn thì không biết Ngài còn làm nên những công-nghiệp gì nữa. Những người quen biết Ngài có ý kỳ-vong Ngài lắm, vì đã trông thấy Ngài ra tay thực-hành. Nhưng chính Ngài thì trong trí bao giờ cũng chỉ nghĩ những sự tổ-chức, sự cải-lương, chỉ mưu những việc kiến-thiết về kinh-tế, về xã-hội. Ngài thật là tận-tâm tận-lực khai-hóa cho một dân-tộc, vì những nguyên-nhân thuộc về lịch-sử, thuộc về khí-hậu, đã bị ngưng-trệ trên đường tiến-bộ. Ngài là tay võ-sĩ của sự

tiến-hóa, tay truyền-đạo của sự văn-minh. Như người lính đi viễn-chinh, phải bỏ mình ở nơi đất lạ, để làm cho rạng vẻ nước nhà, Ngài nay đương sức mạnh muốn đem sức giúp cho tổ-quốc sau này được thêm vẻ-vang, mà tình-cờ gặp sự chết, cái chết ấy cũng giống cái chết của người lính kia.

Sự-nghiệp Ngài ở Đông-dương chưa được hoàn-loàn như ý Ngài sở-nguyện. Nhưng trong ngụ-ngôn có truyện ông lão tám-mươi còn trồng cây, để cho con cháu ăn quả, Ngài đây cũng đã trồng cây ở nước chúng tôi, cây ấy chắc sinh-hoa kết-quả tốt.

Trình quan Toàn-quyền, nay tôi thay mặt kẻ đồng-bang tôi mà viếng Ngài ở đây, tôi chỉ có thể tỏ một tấm lòng buồn-rầu, đau-đớn, thương-xót chung của cả anh em trong nước. Người Việt-Nam chúng tôi rồi càng ngày càng nhớ ơn Ngài, vì công Ngài càng xét ra mới biết rằng to. Hạt giống Ngài đã gieo, rồi mọc thành cây. Đến ngày dân chúng tôi được ăn quả thì theo lời tục-ngữ chúng tôi chắc nhớ đến kẻ trồng cây, và bấy giờ lòng cảm ơn yêu-mến Ngài lại càng thêm lên vậy.

**Nước Xiêm.** — Nước Xiêm là một nước láng-giềng của ta, xưa kia đã có quan-hệ với lịch-sử ta cũng nhiều. Gần đây một phái-bộ quan tàu-bay Xiêm mới sang chơi bên ta. Chính-phủ ta lại đương cùng nước Xiêm thương-thuyết làm đường xe lửa thông hai nước với nhau. Vậy quốc-dân ta cũng nên biết hiện-tình nước Xiêm thế nào. Sau này xin dịch một bài nói về nước Xiêm của ông Nghị-viên Nam-kỳ OUTREY đã đăng ở báo bên Tây.

Nước Xiêm là một nước quân-chủ, từ năm 1782 đến nay chỉ có một dòng vua cai-trị.

Từ thời đó đến bây giờ, có sáu ông vua nối ngôi nhau mà trong Nội không xảy ra việc rối-loạn gì như những dòng vua trước thường có. Về đời ông vua thứ ba là vua PHRA-NANG KHAO thì thế-lực nước Xiêm lan rộng từ lưu-vực sông Cửu-long cho đến lưỡi bẻ Mã-lai. Tới vua MONGKUT là vua nối ngôi vua trước lại giao-thiệp với các liệt-cường

phương Âu, điều-đinh thương-thuyết về việc thương-mại và hàng-hải. Sự giao-tế ấy sau gián-đoạn đến gần hai thế-kỷ. Kịp đến đời vua hiện-hách nhất và lâu-dài nhất là đời vua CHULALONGKORN. Ông vua này trị-vị hơn bốn-mươi năm. Nhiều người đã được yết-kiến, đều nói là một ông vua khôn-ngoaan được lòng dân mến lăm. Năm 1897 vua du-lich Âu-châu, khi tới Paris đi đến đâu thì người người đều ngạc-nhiên nói rằng chưa từng thấy một ông vua nào được khôn-ngoaan và thao-thiệp như thế. Vua có chí cao, muốn thu-thập những điều tân-kỳ hữu-ích của văn-minh Thái-lây để cải-cách những hủ-tục trong nước. Lại mời những nhà thông-thái Tây-Phương để giúp việc trong khi trị nước.

Ông vua nối ngôi mới đây là vua RAMA, lên ngôi năm 1910. Ông này cũng cần-mẫn lăm, theo gương vua trước mà tận-tâm vì nước, nên nước Xiêm ngày nay có thể so-sánh với một cường-quốc nào bên Âu bên Mỹ cũng không sợ kém lăm vậy.

Gần vua thì có hoàng-tộc. Trong hoàng-tộc thì có các ông hoàng-thúc và các ông hoàng-đệ. Những ông này cũng sang du-học bên Âu để nghiên-cứu những phương-pháp mới. Khi về nước thì những ông này lại giữ những công việc trọng-yếu trong nước. Nước Xiêm ngày nay cũng có các bộ-viện như các nước phương Âu, và đứng đầu các bộ-viện ấy là những hoàng-thúc hoàng-đệ. Người trong hoàng-tộc không có những đặc-quyền như ngày xưa, nhưng cũng được ăn lương tháng trích trong sổ dự-toán ra. Đến như vua thì cứ lý là tất cả các lợi-quyền trong nước đều ở trong tay mình, nhưng tiêu dùng cũng phải theo sổ «hoàng-thất-phí» (*liste civile*) để cho có điều-độ.

Quan-h và các hoàng-thân thì có các quan văn võ giúp việc. Phần nhiều những ông quan này là con cháu những ông quan giúp việc những đời vua trước. Nhiều ông nhờ được lòng nhân-tử đại-lượng của nhà vua được sang học-tập ở các trường cao-đẳng Âu Mỹ. Khi thành-tài, trở về nước được các hoàng-thân tin dùng để giúp việc.

Nên nhận rằng ở nước Xiêm cũng như nhiều nước ở phương Đông, những quan-hàm thì cao thấp tùy theo công việc của mình, chứ không có cái thói truyền-tử nhược-tôn. Người dân nào trong nước có sức làm được quan cũng được, chứ không có phân-biệt dòng-dõi gì cả. Cái tôn-chỉ này là mượn của văn-hóa Tàu, mà nước Xiêm cũng có chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Tàu nhiều.

Không những thế, xét về chủng-tộc thì nước Xiêm cũng có quan-hệ với Trung-quốc. Khi xưa người Xiêm ở những cao-nguyên giáp giới tỉnh Vân-Nam, theo dòng sông Cửu-long và sông Mê-nam mà tràn xuống. Người Xiêm đi qua những miền có cái văn-hóa Ấn-độ thì bèn dung-hợp lấy, đến nỗi bỏ cả sự thờ-phụng tổ-tiên mà lấy đạo Phật thay vào. Cái kết-quả của sự thay-đổi này đến nỗi những phong-tục và ngôn-ngữ người Xiêm hầu đổi cả. Lúc nguyên-thủy thì người Xiêm là một giống người đi xâm-lược, đi đến đâu thì chinh-phục thổ-dân đến đấy, rồi sinh-cơ lập-nghiệp ở đấy và quay về nghề nông. Đến ngày nay, miêu-duệ những giống ấy cũng chuyên nghề cây cấy, nên đã làm cho miền trung-châu sông Mê-nam ra một cánh đồng lúa tốt. Nước Xiêm ngày nay, mấy triệu con người đều theo gương những kẻ đàn anh trong nước, tuần-tự tiến-hóa, tôn-kính những lễ-tục xưa mà không khinh những tư-tưởng mới, thường thu-thập lấy để ích-quốc lợi-dân.

Ở nước Xiêm không phải là chỉ có những người Xiam chân-chúng mà thôi, lại còn có những di-dân Lào, Cao-miên, An-Nam, Mã-lai, Diến-điện, Pégouan, vân vân, từ thế-kỷ trước khi giống Xiêm ở phía Bắc tràn xuống, những di-dân ấy đã có ở Xiêm rồi, sau cũng đồng-hóa với người Xiêm cả.

Người Á-Đông ở Xiêm, chỉ có người Tàu là nhiều. Ngày trước những vua chúa nước Xiêm vẫn khuyến-khích người Tàu vào trong nước cho nhiều, vì cho rằng cái tài buôn bán người Tàu có thể khuếch-trương sự thông-thương giao-dịch cho nước họ được.

Vì vậy nên người Tàu nhờ được cái đất đã kiếm ăo, làm ăn càng ngày càng thịnh-vượng, đến nỗi sự buôn bán trong nước

Xiêm vào trong tay người Tàu cả. Dân-sống người Tàu ở nước Xiêm ngày nay kể cả khách-lai thì cũng gần được một triệu người. Vừa mới đây nước Xiêm cũng đã thi-hành luật mới bắt những người Tàu ngụ-cư ở nước Xiêm cùng những con cháu những người này để ở nước Xiêm phải theo quyền tài-phán của nước Xiêm. Triều-đình Bangkok xưa nay vẫn không cho nước Tàu đặt lãnh-sự ở nước mình, nói rằng không có điều-ước gì về sự ấy. — V. C. N. dịch.

**Hội Quan-lại-ái-hữu đối với tiền-đồ quốc-dân.** — Hội Quan-lại-ái-hữu lập ra, cái mục-dịch có phải rằng cũng giống như các hội ái-hữu khác, là để bảo-thủ danh-dự, thu-phục lợi-quyền cho mọi người trong đảng-phái mình không ?

Không, hội Quan-lại-ái-hữu mà, nhất là hội Quan-lại ở nước ta, không phải chỉ có một cái mục-dịch như thế được, vì nước ta là một nước còn giữ cái trật-tự trên dưới, quan đối với dân về đường luân-lý thời nghiêm-nhiên là một bậc phụ-mẫu rất có oai-quyền, mà về đường tôn-giáo thời nghiêm-nhiên là một bậc thần-thánh uy-linh; làm cái thân-phận người dân đối với ông quan chỉ biết có giốc một lòng phải nuôi phải kính, phải sợ phải theo, nếu trái cái phận-sự làm dân như thế thời luật-pháp trượng-xuy, lương-tâm kích-thích, mà dư-luận cũng không có dung.

Nay quan-lại đã có cái oai-lực vô-song, cái quyền-lợi tuyệt-đối, — nghĩa là trong xã-hội không có sự-nghiệp gì làm mà khiến cho nhân-dân tôn-kính bằng, — như thế thời còn lo gì hạ-dân phạm-thượng, mà phải kết-hợp hội-đăng đề mà bảo-thủ danh-dự, thu-phục lợi-quyền ? Như thế thời hội Quan-lại-ái-hữu này phải giữ một cái mục-dịch cao hơn đẹp hơn, là kết thành đoàn-thể để mà khuyên bảo lẫn nhau giữ-gìn lấy đạo-đức, mở-mang thêm trí-thức cho khỏi phụ với lòng dân p' ụng-

đưỡng như bậc phụ-mẫu, tín-ngưỡng như bậc thánh-thần. Đạo-đức ấy tức là cái đức thanh-liêm, cái hồn liêm-sĩ và trí-thức ấy là cái chính-tích cần-thận chuyên-cần trong quan-châm, mà quan Tổng-đốc Phạm Văn-Thụ đại nhân là tạm-thời-hội-trưởng của Hội Quan-lại đã từng giải rõ trong bài diễn-thuyết hôm khai kỳ đại-hội-đồng là cái ngày đản-sinh ra hội vừa rồi vậy.

Duy ngài nói cái đức chính cần-thận cần-mẫn là thuộc về nghĩa-vụ bắt buộc phải làm, thời tựa-hồ như đã rất là hoàn-toàn nên không cần phải đề-cập đến, mà chỉ cốt chiều lấy cái hồn liêm-sĩ đương thoi-thóp tức là cái đức thanh-liêm đương khiếm-khuyết bây giờ; thời thiết-tưởng hình như phản trái với lẽ tự-nhiên trong trời đất. Vì ngài đã tự-tỉ quan-lại là « dân-chí công-bộc », đã là công-bộc của dân thời phải coi dân như ông chủ, bần-phận người công-bộc là phải làm trọn công nọ việc kia mới mong chủ-nhân trả công cho xứng-đáng; nay công-bộc chưa biết đã làm trọn vẹn công việc của chủ-nhân hay chưa, nhưng hiện thấy chủ-nhân trả công cho xứng-đáng rồi, thời khó gì mà không giữ được lòng ngay-thẳng, tiết sạch-trong? Vậy mà trong dân hễ thấy ông quan nào xử sự liêm khiết là đua nhau ca-vũ hoan-hô, là vì chưa phóng-nhãn ra các xã-hội trong thế-giới văn-minh ngày nay, biết bao nhiêu người đem cả cuộc đời mà tận-hiến cho cuộc tiến-hóa của nhân-loại, nào phát-khởi ra những tư-tưởng hay, nào thực-hành những công-cuộc ích, mà không hề lấy công của xã-hội chút nào, thậm-chí có nhiều xã-hội người đi không hề biết đến mà người ta cũng không hỏi-tâm tắng-chỉ thời sao ?

Ngày xưa mà quan-lại giữ trọn đức thanh-liêm thời có thể đem ra mà ca-tụng được, vì bấy giờ chưa có cái phong-trào công-lợi dấy lên, người ta ai nấy chỉ biết khư-khư giữ lấy phần lợi của mình, rồi kể này xâm lấn sang quyền-lợi của kẻ

khác mà sinh ra cạnh-tranh nhau, nên làm cái chức-phận ông quan chỉ là để phân-xử lợi-hại, trừng-trị gian-phạm cho dân cho nước được yên, thời bấy giờ hề thấy ông quan nào mà thuần-lương liêm-khiết đã được dư-luận cực-lực tán-dương. Nhưng đến bây giờ thời người làm quan, trừ cái nhiệm-vụ phân-xử quyền-lợi, trừng-trị tội-phạm, lại còn có cách hay hơn tốt hơn, là khiến cho nhân-dân trong nước bớt tranh-cạnh, tội-phạm trong nước bớt phát-sinh, trật-tự trong nước khỏi đảo-diên, cương - thường trong nước khỏi hỗn-loạn; muốn được như thế thời trước hết phải khai-thác con đường sinh-hoạt của dân cho rộng; cũng khác nào như giăng bảo người ta giữ kỹ được đạo vệ-sinh, tự-nhiên khỏi phát ra các chứng-bệnh, còn hay hơn tốt hơn là cứ mặc người ta ăn-ở không sạch khiến cho tật-bệnh xảy ra, rồi lắm kẻ lại được lợi-dụng tật-bệnh làm kế sinh-nhai, làm mỗi phú-quí. Rút lại làm cái chức-phận ông quan ngày nay không những chỉ biết xử-trị trừng-trị cho nhân-dân biết sợ mà chừa, lại còn phải giáo-dục cho dân nữa, duy không phải giáo-dục bằng sách-vở văn-chương, mà là giáo-dục cho biết nghề thực-dụng, tri kinh-doanh, tự-nhiên có nhiều của-cải mà không nghĩ bậy làm xấu. Vậy hề ông quan nào mà đã có đức-tính thanh-liêm, lại còn phải lấu-thông cái khoa giáo-dục cho dân như trên vừa nói, mới là đủ cái tư-cách làm quan, mà mới xứng-đáng với cái công-dụng của quốc-dân thù-báo.

Nhưng mà nay hãy thử hỏi trong quan-lại ta đã có đủ cái tư-cách làm quan như trên đã nói hay chưa? Nói rằng không cả cũng không phải, mà nói rằng có cả

cũng không dám tin; bởi quan-lại đương đứng giữa buổi giao-thời, sự giáo-dục hãy còn bán-cựu bán-tân, chưa có phổ-thông nhất-tri, và lấy tinh-thể mà nói thời cũng đều chưa dạy cái nghề hành-chính theo phép giáo-dục tối-tân, nghĩa là cựu-thời chỉ có từ-chương, mà tân-thời mới có ngôn-ngữ, cho nên không kể về cái tài kinh-tế hãy còn khuyết-phạp, đến cái lương-tâm cứ nghe dư-luận và coi tinh-trạng ngày nay cũng đủ biết còn cách xa lắm mới tới cái cõi hoàn-toàn.

Bởi thế cho nên những bậc cao-minh trong quan-giới mới lo cho cái phẩm-giá thanh-danh của quan-lại và cái tiền-đồ khủng-bổ của quốc-dân mà cõ-vũ hô-hào kết-lập ra hội ái-hữu nọ đề mà đạt tới cái mục-đích như trên đã giải, là khuyên-bảo lẫn nhau giữ-gìn lấy nền đạo-đức, tư-ích lẫn nhau cái thường-thức về kinh-tế-học đời nay để cứu quốc-dân ra ngoài vòng bần-khò.

Nay nhân Hội Quan-lại mới thành-lập và đề-xướng những cái chủ-nghĩa hay ấy, vậy có mấy lời hoan-ngheñh như thế, mong rằng nhờ Hội Quan-lại mà quan-trường sau này bỏ được những cái tệ cũ, thêm được những cái đức mới thì may cho quốc-dân lắm.

Còn về phần dân thời nay trông thấy quan-lại đã tự bộc-bạch ý-chí tâm-tư của mình một cách thành-thực như vậy, hẳn cũng vững chí vui lòng, giơ tay ra cho mà dựa dất đến chốn hi-vọng của mình, chớ không như ngày trước có khi thực được người ngay dựa dất vào đường chính-đại quang-minh, nhưng cũng coi cái tệ-chính chung mà hãi-hùng trốn-tránh, đến nỗi cứ dần-dần bước lùi giở lại cái trình-độ bán-khai. — NAM-CỒ.

C'est une justice à rendre à la pauvre humanité qu'après d'elle l'esprit est encore le plus puissant propagandiste et le commis-voyageur le plus persuasif des nations et des races.

PIERRE LASSERRE

Loài người ta thời khổn-nạn thật, nhưng mà được một điều là nước nọ đối với nước kia, giống này đối với giống khác, không gì dễ nghe nhau bằng lấy điều học hành nghĩa-lý mà truyền bá giảng-giải.

## Giới-thiệu sách mới

## I

Ông Tùng-sơn Nguyễn Duy-Ngung vừa mới xuất-bản sách *Ấu-trĩ độc-bản*, trong sách chia ra làm bảy mục : *Tu-thân, vệ-sinh, âm-thực, cư-xử, luân-lý, Nam-sử, địa-dư*, cả thảy là 52 bài, đặt theo lối mỗi câu bốn chữ, mà lại có hiệp vần, ý ông là muốn để cho trẻ ấu-trĩ học truyền-khẩu, đọc lên là hiểu nghĩa ngay. Ấy những sách phổ-thông giáo-khoa cho trẻ bây giờ có làm hợp với trình-độ ấu-trĩ như vậy, thì mới thông-dụng cho các trẻ ấu-trĩ đương lúc óc còn non-nớt, học còn ngây-thơ. Huống-chi bây giờ hội Khai-trí tiến-đức đương khởi - xướng lập ra cuộc Ấu-trĩ-viên, khắp các miền thôn-quê đã chấy khởi-diềm dựng ra các vườn Ấu-trĩ, thời những sách tập đọc của ấu-trĩ để cho lúc chơi mà hát, lúc học mà ngâm, lại cần phải xuất-bản ra cho nhiều. Xem như sách độc-bản này có câu rằng :

*Đàn con ấu-trĩ,  
Giống nhà Việt-Nam ;  
Nay được vẻ-vang,  
Nhờ ơn Khai-trí.  
Trong làng con trẻ,  
Mở hội trông coi ;  
Vườn-tục hân-hoi,  
Chơi-bời rộng-rãi.  
Cả trai lẫn gái,  
Bé dại thơ ngây ;  
Chim giàng tập bay,  
Cây non lựa uốn.  
Sau mong khôn lớn,  
Trước phải dạy qua ;  
Hợp tập dần-dà,  
Theo-dõi lễ-phép.*

Ấy đây toàn là những câu giản-dị dễ đọc mà dễ hiểu, dễ cho ấu-trĩ tập đọc, nên ông Cử Ngô Văn-Năng có đề tựa trên đầu sách ấy khen rằng : « Lời-lẽ văn-tắt, ý-từ gọn-gàng ; chứng-thực thì lấy người đời xưa làm gương ; tỉ-nghĩ thì lấy các loài vật làm đích ; trình-độ thì theo bậc ấu-trĩ, mà luân-lý thì gây nên trưởng-thành . . . » Xem như thế thì ông Tùng-sơn

soạn ra độc-bản này, cũng đã hiểu thấu cái tâm-lý của ấu-trĩ, mà tránh bỏ những lối văn phiến-toái cầu-kỳ đi. Vậy thời quyền này không những làm quà cho các trường ấu-trĩ sơ-học mà có thể dùng ở trong các Ấu-trĩ-viên cũng tạm được.

Nước Nam ta đương cái thời-kỳ ấu-trĩ đổi cũ thay mới này, cái tiền-đồ tiến-hóa về mai sau, ai là chẳng hi-vọng về người ấu-trĩ, thế thời những nhà trước-thuật ra các sách giáo-khoa, thực là có cái trách-nhiệm to đối với người ấu-trĩ, nhất là phải theo cái trình-độ ấu-trĩ, thì mới có thể làm phương thuốc khai-ti cho đàn con ấu-trĩ họ nhà Hồng ta, tôi lấy làm mong lắm.

Đ.-C.

## II

ĐẶNG TRẦN-PHẮT. — *Cuộc Tang-thương* (Xã-hội tiểu-thuyết). — Bùi Xuân-Học đứng in. — 114 trang. — Giá 0 \$ 30.

Bộ tiểu-thuyết này là một bộ tiểu-thuyết buồn : tác-giả là một người đa-sầu, đa-sầu mà lại đa-ru, là ru-phiền cho thời-thế, cho phong-tục. Làm sách làm văn mỗi người có một lối, sách với văn của tác-giả là sách buồn văn buồn, buồn mà có ý cảnh - thế thời cái buồn ấy cũng không phải là không hay. Vậy người nào ưa văn sâu, văn cảnh-thế thời nên đọc sách này. Hàng người ấy có lẽ cũng nhiều, nhất là trong hàng thanh-niên, vì xã-hội thanh-niên ta mấy năm nay hình như bị một cái luồng gió thâm thời qua làm cho tê-tái lòng người ; chẳng thế sao động ngâm-vịnh là ngâm-vịnh những nỗi buồn, cứ xem các thơ văn xuất - bản mấy năm nay thì biết. — Thanh-niên có nên buồn không ? Khi mới vào cuộc đời đã nên chán đời chưa ? Nếu chán ngay thời sống làm gì nữa ? Đó là những vấn-đề sau này ký-giả sẽ bàn tường. Nay hằng xin giới-thiệu sách này mà khuyên các ông đa-sầu nên cùng tác-giả vào chơi cái chùa cổ tỉnh Phú-thọ kia mà nghe câu chuyện « tang-thương » nọ. Nhưng trước khi đọc sách nên ngâm cái tranh ngoài bia mà ngâm câu thơ tây : *Lá rụng ! Lá rụng !* Đã buồn chưa ?

Sách này in đẹp, trông ra mà quyển sách lắm, không « lẻo-nheo » như các tập thơ văn khác cũng nện khen người ấn-hành là ông BUI XUAN-HOC.

T.-C.

## TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

**Biên-bản kỳ hội-đồng quản-trị ngày 21 tháng 1 năm 1923.** — Ngày chủ-nhật 21 tháng giêng năm 1923, hồi 8 giờ rưỡi sáng, chiều giấy đặt của quan Chánh Hội-trưởng, các hội-viên hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí-tiến-đức họp ở nhà công-quán Hội để bàn các việc đã định trong chương-trình như sau này :

1. Việc làm Tự-diễn tiếng ta ;
2. Định phát thưởng cho học-trò các trường theo lời đại-hội-đồng quyết-định năm ngoái ;
3. Việc tổ-chức một thư-viện cho Hội ;
4. Việc Ấu-trí-viên ;
5. Các việc linh-tinh.

Đến dự hội-đồng có những ông sau này : Hoàng Trọng-Phu, Trần Văn-Thông, Bạch Thái-Bưởi, Nguyễn Hữu-Thu, Từ Đạm, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Nguyễn Qui-Toản, Nguyễn Thành, Chế Quang - Ân, Nguyễn Văn-Vĩnh, Nguyễn Tất-Tế, Lê Trung-Ngọc, Đỗ Thận, Lê Thành-ý, Hoàng Hữu-Đôn, Phạm Huy-Lục, Hoàng Quang-Hương, Phạm Văn-Khoan.

Khi khai hội-đồng, quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu báo cho Hội-đồng biết việc quan Toàn-quyền Long mới mất và đọc mấy lời viếng quan Toàn-quyền, vì Ngài là danh-dự-hội-trưởng của Hội và đã giúp cho Hội được nhiều. Cả Hội-đồng đều biểu lòng thương-tiếc và nhờ quan Hội-trưởng viết thư lên phủ Toàn-quyền để tỏ lòng chia buồn của cả hàng-hội. Lại quyết-nghị trích ra một khoản 500 quan tiền tây để gửi sang Tây mua một cái vòng hoa viếng.

Đoạn rồi xét đến các việc trong chương-trình.

— Ông Phạm Quỳnh trình về việc Tự-diễn. Hội-đồng trước có giao cho ông thay ban Văn-học chủ-trương về việc làm Tự-diễn. Việc này có thể làm ra hai cách : một là chỉ làm một quyển tự-vựng nhỏ những danh-từ mới để cấp-dụng ngay, việc này thì dễ và sức một vài người cũng có thể

Làm được, không cần đến thể-lực một hội lớn như Hội Khai-trí ; hai là làm một quyển tổng-tự-diễn về tiếng An-Nam, gọi là « Việt-âm tự-diễn », việc này thời to-tát và lâu dài, một Hội đứng lên làm là phải lắm. Và lại từ khi Hội ngỏ ra ý làm Tự-diễn thì nhận được giấy các nơi khuyên nên làm quyển Tự-diễn lớn như sau ấy. Vậy bây giờ khởi - công việc này thì chắc là nhiều người có bụng giúp. Không phải việc mấy tháng một năm mà xong được, phải linh đến giảm mươi năm. Nhưng dù mau dù chóng, cũng là việc cần. phận-sự một Hội như Hội Khai-trí là phải đứng lên mà đảm-đương lấy. — Bây giờ muốn tính làm một bộ Tự-diễn lớn như thế thì phải sắp-đặt thế nào ? Ông Phạm Quỳnh nghĩ rằng trước nhất phải điều-tra về các cách nói trong dân - gian, thứ nhất là ngôn-ngữ phương-ngôn, vì字典 của tiếng An-Nam ta phần nhiều là ở những câu nói sẵn ấy. Tự-diễn thích nghĩa mỗi chữ thời phải có câu thí dụ ; câu thí-dự ấy phải làm thế nào tìm được câu sẵn, như tục-ngữ ca-dao, thời mới có bằng-cứ. Vậy việc cần nhất là phải nhặt lấy những tục-ngữ ca-dao ấy, và phải nhặt cho mau, kéo mỗi ngày một mất dần đi. rồi không biết tra-hỏi vào đâu nữa. Khi nào nhặt được nhiều rồi, bấy giờ sẽ họp vài ba mươi người, chọn trong những tay sành nôm ở trong nước, đề-sát-hạch từng câu từng chữ, rồi chia nhau ra mà thích-nghĩa các chữ, mỗi chữ phải cố tìm cho có câu thành-ngữ để làm bằng-cứ. Những danh-từ mới thời hiện nay các báo quốc-văn hằng ngày đương đặt ra cho đủ dùng, sau này sẽ trích ở các báo mà điền vào Tự-diễn. Hiện ngay bây giờ thời ông Phạm Quỳnh bàn với Hội xin gửi tờ đặt đi các quan đầu tỉnh nhờ giúp cho việc điều-tra ấy, lại đăng-lời bá-cáo vào các báo đề rộng câu

trong cả quốc-dân. Việc điều-tra này không biết trước được tổn-phí bao nhiêu, nhưng hoặc có phí-lỗn ít nhiều, Hội cũng nên chịu. Các hội-viên bàn qua mỗi ông vài câu, rồi định ý lời bàn của ông Phạm Quỳnh về việc điều-tra quốc-âm như trên và giao ông trông nom việc ấy.

— Ông Nguyễn Qui-Toàn trình rằng kỹ đại-hội-dồng năm ngoài có định đặt thưởng cho học-trò các trường, và có bàn qua nên nghĩ đặt một cái vật kỷ-niệm gì làm phần-thưởng. Hội-dồng bàn không nên nghĩ đặt cái gì phiền, cứ mua sách cho học-trò là hơn cả. Vậy định trích ra một khoản 120 đồng để đến kỳ phát thưởng sẽ mua sách gửi cho các trường.

— Ông Phạm Quỳnh bàn nên tổ-chức cho Hội có một cái thư-viện, mà thư-viện không những sách tây mà thôi, phải nên sưu-tập lấy cả những sách nho cũ của nước ta. Hiện nay sách nho cũ của ta không đâu nhiều bằng trường Bắc-cổ. Vậy ông bàn với Hội-dồng xin phép trường Bắc-cổ cho người lại đây sao chép lấy các sách hay về cho Hội. Hội-dồng thuận và định hăng trích tạm ra một khoản 100 đồng để chi về việc chép sách ấy.

— Quan Hội-trưởng trình với Hội-dồng rằng Phủ Thống-sứ sắp mở một cuộc đánh số để lấy tiền làm chiến-sĩ-kỷ-niệm-dài, còn thừa bao nhiêu thời cho các Hội làm phúc. Ngài bàn Hội ta cũng nên xin vào tiền đánh số ấy 10.000 đồng cho việc Ấu-trĩ-viên. Hội-dồng thuận. — Ngài lại đọc cái thơ một ông Tây làm máy tàu ở Hải-phòng lên là Aupy tự-nhiên gửi cho Hội 25 đồng để cúng cho Ấu-trĩ-viên, thật là có bụng tốt lắm.

— Đoạn, đến các việc linh-linh. Quan Thượng Lê Trung-Ngọc bàn lập một ban Canh-nông. Hội-dồng nhờ ngài làm chương-trình, rồi sẽ xét. — Ông Lê Văn-Phúc xin đặt Hội-dồng kiểm-quĩ, Hội-dồng cử ra ông : Trần Văn - Thông, Hoàng Qua g.

Hương và Phạm Văn Duyệt ; — v. v.

Đến 12 giờ Hội-dồng tan.

*Chánh Hội-Trưởng*

HOÀNG TRỌNG-PHU

*Tổng Thư-ký*

PHẠM QUỲNH

**Giấy xin vào Hội.** — Trong tháng giêng tây vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội. Hạn trong hai tháng trong các Hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thơ về cho Hội biết.

A. — *Xin vào chân chủ-tri*

1. — Chu Quang-Quán, tổng bát - phẩm vãn-giai, làm ruộng làng Phú-hữu, tổng Phú-hữu, huyện Bát-bát, tỉnh Sơn-lây (do ông Nguyễn Mạnh-Bồng giới-thiệu.)

2. — Lê Dur, Trước - thuật, Bắc-cổ-học-viện, Hà-nội.

3. — Nguyễn Văn-Quy, Secrétaire d'Exploitation des Chemins de fer de l'Indochine, 52 route de Sinh-từ, Hà-nội.

4. — Nguyễn Hữu-Quát, tức Thận-đức, làm thầy thuốc An-Nam, 57 Phố Hàng Bông, Hà-nội.

5. — Nguyễn Khắc-Minh, làm đồn - điền, Gare Phú-thụy, Bắc-ai-nh (do ông Trần Minh-Thu giới-thiệu.)

6. — Nghiêm Xuân-Lan, Giáo-học trường Pháp-Việt kiêm-bị phủ Mỹ-đức, Hà-đông, quán làng Tây-mỗ, tổng Đại-mỗ, phủ Hoài-đức, Hà-đông (Trước đã có chân thưởng-hội-viên rồi.)

7. — Nguyễn Văn-Phục, Giáo-học trường Pháp-Việt kiêm-bị, phủ Ứng-hòa, Hà-đông, quán 19 phố hàng Muối Hà-nội (do ông Nghiêm Xuân-Lan giới-thiệu.)

8. — Nguyễn Hữu-Tri, Giáo - học trường Pháp-Việt kiêm-bị phủ Ứng-hòa, Hà-đông, quán làng Thổ-khối, huyện Gia-lâm, Bắc-Ninh (do ông Nghiêm Xuân-Lan giới-thiệu.)

9. — Ngô Sĩ-Khiêm, Gérant des Postes et Télégraphes à Vân - đình, Hà-đông (do ông Nghiêm Xuân-Lan giới-thiệu.)

10. — Tạ Huệ-Liên, Giáo-học trường Pháp-Việt kiêm-bị phủ Ứng-hòa, Hà-đông, quán làng Họa-đồng, tổng Bạch-Sam, phủ Ứng-hòa

Hà-đông (do ông Nghiêm Xuân-Lan giới thiệu).

11. — Tăng Xuân-Mai, Chánh Hương-hội xã Phú-thụy, tổng Quyền-sơn, huyện Kim bãng, Hà-nam.

12. — Vũ Trọng-Mai, Surveillant des Travaux publics à Fort-Bayard, Kouang-Tchéou-Wan.

13. — Vũ Duy-Úc, lý-trưởng đưng-thứ làng Phù-vấn, tổng Ninh-mĩ, huyện Hải-hậu, Nam-định.

14. — Vũ Hiền, cựu lý-trưởng làng Tây-lạc tổng Sa-lung, huyện Nam-trực, Nam-định (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu).

B. — Xin vào chân thường Hội-viên.

Đặng Bá-Trừ, làm ruộng làng Thọ-dôi, tổng Tuấn-giáo, Cau-ke, tỉnh Cần-thơ, Nam-kỳ (do ông Nguyễn Ngọc-Báu giới-thiệu).

**Hội-viên mới.** — Các ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo từ số 64, nay hết hạn hai tháng, trong các hội-viên không có ai dị-nghị điều gì, được nhận vào Hội kể từ mồng 1 tháng giêng tây năm 1923.

Ông Trần Như-Bích. — Nguyễn Quốc-Cư. — Vũ Tư-Đường. — Dương Bùi-Giêm. — Phan Đình-Giáp tức Giu-long. — Nguyễn An-Hòa. — Nguyễn Xuân-Hòa. — Phạm Văn-Học. — Nguyễn Ngọc-Khuê. — Nguyễn Văn-Kinh. — Nguyễn Văn-Lan. (Hà-nội) — Nguyễn Văn-Lan (Ami - tchéou) — Dương Văn-Long. — Trần Văn-Lợi. — Trương Tế-Mỹ. — Trịnh Văn-Minh. — Nguyễn Văn-Minh. — Trần Duy-Nhất. — Nguyễn Mai-Như. — Nguyễn Duy-Ngung. — Nguyễn Phác. — Trần Văn-Phúc. — Lê Hữu-Phúc. — Vũ Quang-Phúc. — Nguyễn Văn-Tích. — Triệu Văn-Phú. — Lê Huy-Tuyên. — Vũ Văn-Thấu. — Trần Thoại-Trần. — Trần

Văn-Trạc. — Nguyễn Quang-Trang. — Nguyễn Đình-Tường. — Nghiêm Vĩnh. — Vũ Văn-Đình. — Nguyễn Phúc-Huân. — Đào Trọng-Đủ. — Vũ Văn-Nhạc.

Vào chân thường hội-viên :

Ông Lê Hi-Phụng.

**Việc điều-tra tục ngữ phương-**

**ngôn.** — Thuộc về việc điều-tra này, ban Văn-học chúng tôi đã nhận được nhiều thư của các ngài ở các nơi gửi về, ngài thời chỉ cách này ngài thời bàn cách nọ, ngài thời hứa sẵn lòng giúp nhứt các nạn-ngữ phương-ngôn. Chúng tôi vẫn biết rằng việc này là việc công-ích, hễ xướng lên tất quốc-dân vui lòng hưởng-ứng. Vậy ban Văn-học chúng tôi có lời cảm-ơn cả các ngài. Những thư giấy các ngài gửi về, chúng tôi đã xếp riêng thành «bút-lục», để so sánh và ki-ảo-sát về sau này.

Có ngài viết thư hỏi sao trong lời bá-cáo đăng các báo lại nói rằng không điều-tra về các tiếng ở chữ nho ra, như thế thời có ý hạn-chế không tiện, vì có nhiều tiếng nôm tưởng là nôm mà kỹ-thực ở chữ nho ra, như *phân.vua* là nói sai, chính là *phân-phô* 分 舖, nếu hạn-chế như thế thì hẹp quá. — Xin trả lời rằng lời bá-cáo của chúng tôi là định đại-cương như thế, không phải có hạn-chế gì. Ý chúng tôi là muốn những tiếng gì điền-cổ ở chữ nho, có thể tra trong sách nho được, thời không dám phiền các ngài phải sao-lục, là chủ cho giản-tiện, để các ngài dụng-công về các tiếng thuần nôm, còn khó tra-khảo hơn. Ấy là nói đại-khái như thế; còn thời hoặc có chữ nho mà tưởng lầm là nôm, hay là nôm mà hiểu sai là nho, thời xin các ngài tùy-nghi liệu-định, chứ chúng tôi biết đâu mà dám hạn-chế trước.

Văn-học-ban kính-cáo.

## Lời cáo riêng của bản-quán

Bản-quán muốn mua một bộ UYÊN - GIÁM - LOẠI - HÀM. Ngài nào có một bản đủ bộ, không rách nát, và có ý muốn bán, xin viết thư về cho bản-quán chủ-bút. Đại-khái các sách nho và sách nôm cũ, bất-cứ sách thi-văn của các danh-gia đời xưa, sách khảo-cứu, sách truyện-ký, sách địa-chỉ, sử - ký, v. v., ai có muốn bán, bản-quán cũng sẵn lòng mua cả. Xin cứ viết thư hoặc đem sách đến cho bản-quán chủ-bút xem.

NAM-PHONG kính-cáo.